

Ký giả: T.T TÔ LIÊN

KÝ SỰ

PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐI
ẤN ĐỘ VÀ TÍCH LAN

Cuộc Hội nghị Phật giáo Thế giới
tại Colombo từ ngày 25-5 đến 8-6-1950

PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐI

ẤN ĐỘ

1. – DUYÊN KHỞI

Ngày 23 tháng 5 năm 1950. Phủ Thủ Hiến Bắc Việt gửi công văn đến Hội Phật Giáo, yêu cầu cử lấy một vị Tăng sĩ gia nhập Phái đoàn Phật giáo Việt Nam sang Ấn Độ. Nguyên văn bức thư ấy như sau:

PHỦ THỦ HIẾN BẮC VIỆT

Hà nội, ngày 23-3-1950

Phòng Xã Hội – Kinh Tế

Số 3806/XH/KT

THỦ HIẾN BẮC VIỆT

*Kính gửi Ông Hội trưởng HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO
HÀ NỘI*

Thưa Ông,

Chính phủ sẽ cử một Phái đoàn Phật giáo Việt Nam qua Ấn Độ trước tháng 5 năm 1950 này. Trong Phái đoàn sẽ có người thông ngôn Anh ngữ và hiểu biết đạo Phật.

Vậy xin ông lựa chọn một vị Sư có học vấn xứng đáng để gia nhập Phái đoàn ấy và trả lời ngay tôi biết. Vị sư này sẽ khởi hành vào Sài gòn trong thượng tuần tháng tư Dương lịch. Lễ dĩ nhiên là Chính phủ chịu hết mọi khoản chi phí.

Kính thư

NGUYỄN HỮU TRÍ

Ký giả được xem công văn này trước nhất, liền cho mời Ông Viên Quang là Tổng thư ký của Hội Việt Nam Phật giáo

đến bàn việc triệu tập Hội đồng để thảo luận việc quan trọng đó. Nhưng đến buổi họp thì ký giả chẳng may vừa bị cảm nặng, nhân có Cụ BÙI THIÊN CỐ, Hội trưởng Hội Việt Nam Phật giáo đến thăm, bèn dặn với Cụ rằng: “*Nếu Hội đồng có cử đến tôi, thì nhờ Cụ cố từ chối cho, vì tôi mới bị bệnh, hơn nữa còn bận nhiều công việc*”. Sau buổi họp đó, Cụ BÙI THIÊN CỐ và Cụ TRẦN VĂN ĐẠI lại đến phòng bệnh cho biết rằng: “*Hội đồng đã đề cử một vài vị Thượng toạ, nhưng các Ngài đều viện cớ rằng: Thượng toạ là Hội trưởng Hội Tăng Ni Bắc Việt lại là Phó Hội trưởng Hội Việt Nam Phật giáo, phải lấy tư cách ấy mà ứng phó với thư mời của Chính phủ để gia nhập Phái đoàn Phật giáo Việt Nam thì đối với cả trong Thuyền gia lẫn người ngoài Thiện tín mới được danh chính ngôn thuận. Vì thế mà Hội đồng Quản trị chúng tôi đã ấn định thỉnh Thượng toạ, nếu Thượng toạ lại cố từ chối nữa, chẳng hoá ra Phật giáo Việt Nam vô nhân đối với cuộc Hội nghị Phật giáo Quốc tế này hay sao?*” Ký giả tiếp lời: “*Đã đành thế, nhưng tôi còn e việc đi đây, không khéo ra thì dính vào Chính trị. Chắc các Cụ cũng đã nhận thấy trong gần 20 năm nay, tôi ra đây theo đuổi công việc chấn hưng Phật giáo, chỉ dần thân thẳng tiến với mục đích thực hiện tôn chỉ tự giác giác tha, của Phật Tổ là những việc Phật học, việc truyền bá, với việc từ thiện, cứu thế, ngoài ra, không nghiêng ngả theo một phe đảng chính trị nào, mặc dầu nhiều khi bị dụ dỗ áp bức. Nếu trước đây tôi đã đi theo con đường chính trị hay phái đảng, có lẽ tính mệnh tôi không còn đến ngày nay, hay có còn sống cũng chẳng còn ở chùa Quán Sứ này nữa. Và lại tôi là người tu theo Tôn chỉ Đại thừa Phật giáo không bao giờ được phép ghét bỏ một việc gì về thế gian nếu là việc có ích chung cho xã hội. Tôi chỉ có một điều ước mong đừng làm cho con đường Phật giáo bị tối tăm, để cho mọi người đã chót làm lỡ đi theo con đường ấy bị va chạm, vấp ngã, đau đớn, rồi biết hối lại mà quay về với con đường sáng suốt của Phật giáo. Nhưng thôi, Hội ta hãy trả lời Ngài Thủ Hiến Bắc Việt*

là cử tôi gia nhập Phái đoàn Phật giáo, còn đi hay không, để khi vào Nam Việt được gặp Thủ tướng hoặc Bộ Ngoại giao tôi sẽ trình thực rằng Phật giáo không bao giờ dính vào Chính trị, nếu cần, tôi chỉ đi theo phạm vi Phật sự. Nếu được ưng thuận thì tôi sẽ đi, ngược bằng không, thì sẽ trở về”.

Cách mấy hôm sau tôi khỏi sốt, cùng với cụ Hội trưởng ra tiếp kiến Ngài Thủ hiến Bắc Việt để yêu cầu gửi thư trả lời Bộ Ngoại giao và xin đề cử ông VÕ ĐÌNH CUỒNG là một nhân viên Hội Phật học HUẾ cùng đi, là vì ông Cường có am hiểu Phật pháp và lại nói được tiếng ANH nữa.

Ngài Thủ hiến thấy tôi nhận lời đi lấy làm vui vẻ; Chúng tôi ra về. Cách mấy hôm sau, Phủ Thủ hiến lại gửi bản sao bức thư của Ngài đề nghị với Bộ Ngoại giao cử tôi xung phái đoàn Phật giáo. Dưới đây là nguyên văn bức thư đó:

Phủ Thủ Hiến Bắc Việt

Số 2923/VP/THP

Hà nội, ngày 3-4-1950

Trích yếu

Phái đoàn Phật giáo

THỦ HIẾN BẮC VIỆT

Đi Ấn Độ

Kính gửi Ông Tổng trưởng
BỘ NGOẠI GIAO

SÀI GÒN

Trả lời quý Công văn số 96/MAE/CAB ngày 18-3-1950, tôi đề nghị cử Cụ Thượng toạ Tố Liên, phó Hội trưởng Hội Việt Nam Phật giáo xung vào Phái đoàn Phật giáo Việt Nam qua Ấn Độ.

Cụ Thượng toạ Tố Liên là một vị tu hành, học lực uyên thâm, hiểu thấu đạo Phật, rất hoạt bát và là một vị cao cấp của Phật giáo, rất có uy tín đối với dân chúng và có thể đại diện Phật giáo Việt Nam để đàm đạo với ngoại quốc.

Thượng toạ Tố Liên có ngỏ ý xin Ông Võ Đình Cường ở Hội Phật học Huế, biết nói tiếng Anh, hiểu biết đạo Phật đi theo làm thông ngôn, sẽ giúp được nhiều việc.

Ký: NGUYỄN HỮU TRÍ

Thư này đến độ ngọt một tháng mới lại tiếp được thư chính thức cử tôi xung Trưởng Phái đoàn Phật Giáo Việt Nam. Dưới đây là nguyên văn bức thư đó:

THỦ HIẾN BẮC VIỆT

Số 3655/VP/THP

Hà nội, ngày 21-4-1950

THỦ HIẾN BẮC VIỆT

Kính gửi Thượng toạ TỐ LIÊN

Phó Hội trưởng Hội Việt Nam Phật Giáo

73, Phố Quán Sứ - HÀ NỘI

Thưa Thượng Toạ,

Tôi xin trân trọng báo tin để Thượng toạ biết, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam đã quyết định cử Thượng toạ làm Trưởng Phái đoàn Phật giáo Việt Nam qua Ấn Độ.

Vậy xin kính mời Thượng toạ quá bộ lại Phủ Thủ Hiến để tôi được tiếp chuyện trước khi Thượng toạ khởi hành vào Sài Gòn.

Thừa ủy nhiệm Thủ Hiến Bắc Việt

Chánh văn phòng

Ký tên: Không rõ.

Thế là ký giả ấn định khởi hành ngày 11 tháng 3 năm Canh Dần (1-5-50). Hội Việt Nam Phật giáo có sửa tiệc trai tiền hành trước ngày đăng trình một hôm. Đến dự có: TỐ TÍNH, chủ sự chùa BÀ ĐÁ với hầu hết các cụ, Thượng toạ TĂNG, NI ở Hà Nội cùng nhân viên Ban Quản trị với rất

đông các Giáo hữu Hội Việt Nam Phật Giáo. Quan cảnh trai đường Chùa Quán sứ hôm ấy thật là tung bừng vui vẻ. Cụ BÙI THIÊN CỐ và Cụ HÒANG ĐẠO THẮNG có vịnh thơ tiễn ký giả như sau này:

*Tăng già gặp được bước ngày nay,
Cười gió, chim bằng thẳng cánh bay,
Đất Phật có duyên thì mới gặp,
Cơ trời đã đến phải ra tay.
Gắn tinh thần- thiện bang- giao mới,
Gắng sức thu-hồi giáo-pháp hay.
Theo bước Đường-Tăng đời thừa trước,
Việt Nam Phật Giáo cũng thom lây.*

BÙI THIÊN CỐ

KỶ NỆM THƯỢNG TỌA TỔ LIÊN SANG ÁN ĐỘ

*Bể Nam nay mới nẩy bông sen,
Mừng cuộc Tây Du Cụ Tổ Liên.
Uớt lấy mùi sen vườn Thất Bảo,
Thu về ánh sáng cõi Tam Thiên.
Móc mưa tô điểm màu hoa mới,
Cây có vui chào mặt khách quen.
Muôn dặm cánh hồng chiều gió thuận,
Chúc mừng mọi sự được như nguyên.*

Đường thì TAM TẠNG, Hán TRƯỞNG KHIÊN,
Nam Việt ngày nay Cụ Tổ Liên,
Vì việc nước nhà đi phòng đạo,
Nhân sang nước Phật để tham thuyền.
Mong bồi cõi gốc nền Tôn Giáo,

*Mừng gặp anh em cõi Phạm Thiên.
Trân trọng mấy lời xin kính tặng,
Chúc câu Không, Lực, Tĩnh, Khinh, An.*

HOÀNG ĐẠO THẮNG

Bình nhật không bao giờ tôi dám có mộng tương ví với Đường Tăng, nhưng nay các cụ đã có câu ví với Thánh Tăng thứ nhất của đời Thịnh Đường, cho nên tôi cũng cảm hứng vịnh bài Trộm tử với Đường Tăng:

*Cùng sang Tây Trúc thỉnh kinh vàng,
Thánh trước, phàm sau vẫn một đàn,
Thánh muốn dân Trung soi Đuốc Tuệ,
Phàm mong đất Việt cấy hoa Đàm.
Thánh mang sứ mệnh lên Linh Thứu,
Phàm vị Tăng Gia tới Phật Tràn,
Đất Việt đương cơn mưa khói đạn,
Thánh phù công dụng giúp quê hương.*

2. – TỪ BẮC VÀO NAM ĐỂ VẠCH RÕ NHIỆM VỤ

Ngày 11-5-50. - Hồi mặt trời gần đúng ngọ, Ông THẨM HOÀNG TÍN, Thị trưởng Hà nội, ngồi xe trung quốc kỳ Việt Nam đến chùa Quán Sứ đón chúng tôi. Ba ô tô của Chính Phủ đồng thời cùng đến để đưa các Cụ Thượng toạ và nhân viên Hội Phật Giáo đi tiễn. Tôi cùng Ông THẨM HOÀNG TÍN còn đương mãi bàn việc hội Bảo Trợ đồng bào hồi cư, bỗng thấy ô tô ngừng bánh tại cửa sân Trường bay Gia Lâm, thì xe Ông HOÀNG THỨC ĐÀM, Phó Đồng lý Văn Phòng Thủ Hiến Bắc Việt cũng vừa đến. Sau những lời chào, Ông HOÀNG THỨC ĐÀM liền trao tôi một phong bì và nói: Số tiền hai nghìn đồng (2000\$00) đây là của ngài NGUYỄN HỮU TRÍ, Thủ Hiến Bắc Việt tiễn Thượng Toạ. Trước mặt mọi người, tôi thấy làm ngần ngại, vì hôm qua Hội Tăng Ni Bắc Việt và Hội Việt Nam Phật Giáo với các giáo hữu có tặng số tiền khá lớn, tôi đều chối từ không lấy. Bây giờ lại nhận món tiền của Ngài Thủ Hiến e có điều gì bất tiện chăng? Đối với người đi xa mà ai chẳng cần tiền. Nhưng hãy cân nhắc xem nhận có được hợp nghĩa không đã. Ừ, như hôm qua từ là phải, vì đã là yếu nhân của hai Hội, thì sự đi về việc đạo có ích chung, ngoài số tiền của Chính phủ trợ cấp về lộ phí, còn muốn mua sắm kinh sách về làm tài liệu cho Phật Giáo, lẽ có nhiên công quỹ của hai Hội phải chịu, chứ hà tất phải nhận tiền tặng. Đến như món tiền của Ngài Thủ Hiến Bắc Việt tặng, là món tặng sứ mệnh Phật Giáo, mình không được phép chối từ. Nghĩ vậy tôi liền gửi lời cảm ơn Ngài Thủ Hiến Bắc Việt và nhận lấy phong bì tiền, lại cùng nhau đàm đạo cho đến 13 giờ 30 mới cùng các Ngài chia tay để lên máy bay vào Nam Việt.

Đến nơi, xuống trình giấy tờ xong, đã thấy Ông NGUYỄN NHƯ HUÊ, Chánh Văn Phòng Bộ Ngoại Giao với Ông MAI THỌ TRUYỀN, Đồng lý Bộ Nội Vụ đón tôi lên xe về Bộ Ngoại giao.

Ông MAI THỌ TRUYỀN nói với tôi: Bộ Ngoại Giao đã ủy Ông HUÊ sắp đặt tất cả giấy tờ giao cho Phái Đoàn Phật Giáo. Ông HUÊ nói lời Ông TRUYỀN:

“Bộ Ngoại giao đã dành riêng cho Phái đoàn một căn nhà công của Bộ. Vậy xin Thượng toạ về đó nghỉ để chờ các đoàn viên đến đủ cả sẽ lấy giấy tờ”. Tôi nói: *“Trân trọng cảm ơn Quý Bộ”*. Tôi còn nói thêm rằng:

“Hiện giờ các đoàn viên chưa ai tới, tôi hãy xin về nghỉ ở chùa PHẬT ÁN, lúc nào các đoàn viên đến đủ hãy cho tôi biết, để còn ấn định rõ con đường đi của Phái đoàn Phật giáo”. Lúc đó Ông HUÊ liền chỉ vào cụ già chừng 60 tuổi, dáng người vui vẻ, nhã nhặn, hỏi tôi rằng: *“Thượng toạ có biết Cụ ĐỖ HÙNG không?”* - Tôi biết tiếng đã lâu, nhưng chưa có hân hạnh được gặp Ngài Thủ hiến Bắc Việt có cho tôi biết, trong Phái đoàn Phật giáo sẽ có Cụ HÙNG. Tôi vừa rất lời, Cụ HÙNG vui vẻ đứng dậy với một giọng thông thả: *“Bach Thượng toạ, tôi đây chính là ĐỖ HÙNG”*. Tôi đứng dậy chào rồi lại cùng ngồi. Tôi nói với Cụ HÙNG: *“Chắc các Cụ hiểu nhiều về Phái đoàn Phật giáo, vậy xin Cụ cùng đi Ấn Độ với chúng tôi”*. Cụ HÙNG nói: *“Nếu có tôi đi, người ta sẽ cho Phái đoàn Phật giáo đi về chính trị. Và cứ thư của Ngài Thủ Hiến Bắc Việt tiến cử Thượng toạ mà tôi đã được xem thì Thượng toạ lĩnh nhiệm vụ Trưởng Phái đoàn là đủ”*. Lúc đó đã gần hết giờ làm việc, nên tôi phải xin hoãn việc bàn định, rồi ai nấy đều ra về.

Tôi ở Chùa Phật Án có ba vị Cư sĩ đến phỏng vấn:

HỎI: - *Phái đoàn Phật giáo VIỆT NAM đi ẤN ĐỘ có liên can gì tới chính trị không?*

ĐÁP: - *VIỆT NAM ta có linh 18 triệu dân hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp theo Phật giáo. Vậy thì Phái đoàn Phật giáo chúng tôi đi đây, nếu được thành công với nhiệm vụ nối lại dây tình thân Phật giáo giữa VIỆT-ẤN có đã gần 2000 năm, như thế tuy không can đến chính trị hiện thời, nhưng cũng vì dân tộc gây cuộc hòa hảo bằng tôn giáo. Huống hồ còn rước hồn đạo đức thuần túy về cảm hoá nhân tâm, cải thiện đời sống tinh thần tức là bổ cứu tình thế rối ren giữa lúc này, như thế chả là âm phù chính trị gây hòa bình cho dân tộc chúng ta ư!”*

Sáng ngày 28 - Công xa đón tôi đến Bộ Ngoại giao để gặp các đoàn viên, trong đó có Cư sĩ **VÕ ĐÌNH CUỒNG** với ông **PHẠM CHỮ** là thông ngôn Anh ngữ của Bộ Ngoại giao được cử vào Phái đoàn, giữ nhiệm vụ thông ngôn. Trong Phái đoàn còn có Đại đức **THẠCH BÍCH**, ăn vận theo lối Thầy tu **CAO-MÊN**. Tôi đã lấy làm không ưng, nhưng cho rằng, để sau khi nhiệm vụ của Phái đoàn Phật giáo được định đoạt xong rồi sẽ hỏi. Tôi liền mời Cụ **ĐỖ HÙNG** và Ông **HUÊ** cùng đến trụ sở có đủ nhân viên Phái đoàn. Tôi hỏi: “*Xin các Ngài đại diện Bộ Ngoại giao cho biết Phái đoàn Phật giáo chúng tôi được biết hiện giờ chúng tôi có cần gặp Cụ **NGUYỄN PHAN LONG**, Thủ tướng kiêm Tổng trưởng Ngoại giao để bày tỏ với Ngài về nhiệm vụ khi đến **ẤN ĐỘ** không?*”

Cụ **ĐỖ HÙNG** trả lời: “*Nội các thủ tướng **LONG** đương thay đổi, có nhiều việc bận rộn, nên Thủ tướng **LONG** đã ủy chúng tôi tiếp xúc với Thượng toạ, tôi tin rằng: Thượng toạ đã lãnh Trưởng phái đoàn cố nhiên là có sẵn chương trình, xin cho chúng tôi biết đại lược”.*

Ký giả nói: *Riêng tôi nghĩ, Phái đoàn Phật giáo đi đây là do Chính phủ cử. Nhưng Phái đoàn Phật giáo chúng tôi chỉ theo với một mục đích là nối lại dây tình thân văn hoá Phật giáo giữa VIỆT NAM - **ẤN ĐỘ** và các nước, sẽ theo chương trình sau này: Bắt đầu đến chùa hội quán Hội **ĐẠI BỒ ĐỀ** (Maha Bohhdi) ở **CALCUTTA** là Thủ đô cũ của **ẤN ĐỘ**, sẽ*

nờ Hội đó tổ chức cuộc nói chuyện về Phật giáo VIỆT NAM đã có một lịch sử sâu xa, kể đến đi chiêm bái các nơi Phật tích để chứng minh thêm được phần nào của lịch sử Phật giáo ÁN ĐỘ và thăm các cơ quan và thăm các cơ quan Phật giáo lớn hiện có ở ÁN ĐỘ, trong dịp đó sẽ chuyển hòm sách trong có những tác phẩm quý nhất của Phật giáo VIỆT NAM do HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO kính biểu Chính phủ ÁN ĐỘ để mở đường thân thiện với dân tộc ÁN ĐỘ và mua các kinh sách về Phật giáo làm tài liệu cho Phật giáo nước nhà. Sau sẽ sang TÍCH LAN dự Hội nghị Phật giáo thế giới khai mạc vào 25-5-1950 này, để góp mặt với Phật giáo Quốc tế sáng lập Hội Phật giáo thế giới theo với chương trình nghị sự của ban tổ chức Hội nghị đã định. Và lại, TÍCH LAN là nơi trung tâm điểm của Nam phương Phật giáo, hơn nữa Phật giáo hiện tại là Quốc giáo của TÍCH LAN có rất nhiều di tích quan trọng về Phật giáo, cần phải khảo sát để về làm tài liệu cho nền tín ngưỡng đạo đức của nước nhà. Nếu còn thì giờ lại về DIỄN ĐIỂN và XIÊM LA cũng không ngoài mục đích khảo sát tình hình Phật giáo.

Như vậy thì chúng tôi đi đây chỉ là Phái đoàn Phật giáo Việt Nam chứ không phải là Phái đoàn Phật giáo do Chính phủ cử đi, để tránh dị nghị là Phái đoàn Phật giáo đi làm chính trị, nếu Phái đoàn Phật giáo chúng tôi chỉ đi với những nhiệm vụ ấy, thì tôi mới dám nhận đi với trách nhiệm Trưởng Phái đoàn Phật giáo Việt Nam.

Cụ ĐỖ HÙNG trả lời: “Chính phủ cử Phái đoàn Phật giáo với mục đích đúng như Thượng tọa vừa nói, với nhiệm vụ ấy mà làm được chu đáo giữa lúc này, chả là bổ ích ư?”

Tôi lại nêu đến vấn đề Đại đức THẠCH BÍCH ra hỏi:

“Chư Tăng Việt Nam thiếu gì, mà phải cử vị tăng Cao-Mên vào Phái đoàn Phật giáo Việt Nam? Mặc dầu là Phật giáo không phân màu da, không phân chủng tộc, là vì quốc thể, tôi nhận thấy nếu Phái đoàn Phật giáo Việt Nam lại có vị Tăng Cao Miên, người ta có thể tưởng là Phái đoàn Phật giáo

Việt Mên hay là Phái đoàn Phật giáo Liên bang Đông Dương, đó là một điều cần phải tránh giữa lúc này”.

Cụ HÙNG trả lời: “*Chính phủ định cử một vị Tăng làm đại diện cho dân tộc thiểu số, Đại đức THẠCH BÍCH đây, chính là người được cử vào nhiệm vụ ấy”.*

Ông HUÊ nói tiếp: “*Đối với danh nghĩa Phái đoàn Phật giáo Việt Nam mà Thượng toạ đề phòng dị nghị như thế là phải lắm. Chính tôi hôm qua thấy Đại đức THẠCH BÍCH cũng đã thắc mắc mà hỏi, thì người trả lời: “Tôi vốn người Việt, vì xuất gia tu theo với chư Tăng Cao-Mên, nên phục sức theo lối Cao-Mên”. Ông HUÊ lại tiếp: “Xin giao Thượng toạ bản khai lý lịch của Đại đức THẠCH BÍCH, trong đó đã khai là Quốc tịch Việt Nam để đề phòng dị nghị về sau”. Ông VÕ ĐÌNH CUỒNG nói: “Thượng toạ cầm lấy tờ khai lý lịch của Thầy THẠCH BÍCH là đủ rồi để cho người đi”.*

Ông CUỒNG nói đoạn, liền đưa bức gia thư của nhà Ông gửi vào. Chúng tôi xem thư, ai nấy đều ngẩn người ra, trong thư nói thân mẫu Ông CUỒNG bị một nặng lắm, bắt buộc Ông phải về HUẾ ngay, vì Ông là con một. Chúng tôi không dám ép Ông CUỒNG đi, e Bà cụ có về châu Phật, thì Ông CUỒNG sẽ phải hối hận suốt đời về chữ hiếu của Ông, nhất là một Phật tử như Ông lại càng cần phải giữ trọn chữ hiếu lắm. Chúng tôi rất tiếc là thiếu ông VÕ ĐÌNH CUỒNG trong Phái đoàn Phật giáo Việt Nam này.

3. – TỪ NAM ĐẾN ÁN ĐỘ

Đúng 5g30 sáng, Ông MAI THỌ TRUYỀN đi ô tô của Bộ Ngoại giao đến đón Phái đoàn và Cụ PHẠM VĂN VI đi tiễn chúng tôi. Ra tới trường bay thì xe Cụ HÙNG cũng vừa tới. Ông PHẠM CHỮ đi cân hành lý, chúng tôi cùng nhau đàm đạo mãi cho tới 7g30 mới chia tay.

Chúng tôi lên máy bay cũng như mọi lần, sau khi máy bay cất cách, một người đàn bà Pháp làm công cho Hãng đến đưa cho ít bông để nút tai, phòng khi lộn ốc, lại còn phải kéo dây da ở ghế quàng vào mình, phòng khi lộn người, vì máy bay cất cách lên cao. Lúc đó tôi cứ việc ngồi bình tĩnh để mặc cho tinh thần tung hoành với vũ trụ bao la. Tôi đang tĩnh toạ thì tiếng kêu âm âm của máy bay đã diu diu và trông đèn báo hiệu ở đầu máy vừa tắt. Hôm nay vì người mệt nên bị ù tai khó chịu, phải lấy tay bịt chặt hai lỗ mũi lại, rồi thở ra rất mạnh, mới thấy đỡ choáng đầu. Bấy giờ mới cởi dây da ở mình ra, sẽ lấy “pip” hút một hơi thuốc khoan khoái lắm, thế rồi tôi lại bấm khuy máy ở ghế cho nó ngã xuống, nằm ngủ được một lúc. Bỗng nghe tiếng sì sào, dặt mình tỉnh dậy, thì người đàn bà Pháp đem bánh cho chúng tôi điểm tâm, trông lên đồng hồ đã 9 giờ hơn. Tuy tay vẫn bẻ bánh ăn, nhưng mắt vẫn nhìn ra ngoài, tôi thấy thối thì từ núi non đến làng mạc, cả thành quách đến cửa nhà, đều chỉ là những mô con con dưới tầm mắt, bỗng nhớ lại câu của Đức Khổng Tử: *“Lên đỉnh núi Thái, sẽ thấy thiên hạ là nhỏ”*. Nhưng lúc này tôi còn lên cao gấp mấy lần núi Thái kia, vì thế mà được thấy rõ thiên hình, vạn trạng của vũ trụ, bất luận to hay nhỏ, nó chỉ còn là những hình ảnh mờ mờ dưới tầm mắt tôi. Thế mới biết càng lên cao càng thấy rõ chân tướng bình đẳng, khôn nổi người đời cứ nhận nó có lớn, nhỏ, có cao, thấy với cái tư tưởng phân biệt để sinh ra sự tranh chấp, chiếm đoạt lẫn nhau. Chỉ có thể thối mà

nhân loại đã xây cao thành sào, khơi sâu bể khổ, từ thuở có nhân loại cho đến mãi ngày nay, chẳng những không ngừng mà lại còn thêm hăng hái, xây mãi, đào mãi cái thành sào, bể khổ ấy nữa. Tâm hồn tôi đương lúc man mác với mọi hồ nghi vô biên đó, bỗng người ngồi đằng sau gọi bạn mà rằng: “*Này anh, ngắm ra quang cảnh mà xem, lúc này trời đẹp quá, máy bay lại lên tít tận cung xanh, nhìn bên dưới chỉ có núi với nước, điểm tô như bức gấm hoa thôi*”. Chính lúc đó, tôi cũng đương nhìn ra, quả thật quang cảnh lúc đó không khác gì bỗng lại nhược thủy, còn chính mình đang đóng vai phi tiên với rất nhiều những đám mây lơ nhô, như hình người ở cung xanh xuống đón rước, thực là quang cảnh nên thơ, tôi liền vịnh:

*Phải bạn cung xanh đón đó không?
Yêu nhau xin hãy hiểu nhau cùng.
Chẳng tiên cũng thỏa chơi mây gió,
Thoát tục cũng còn vị Núi Sóng.
Muốn rủ đây về chơi cảnh cũ,
Hãy chờ nhau giúp việc đời xong.
Tri âm ai đó nên suy nghĩ,
Đời chẳng quên ta, ta nhớ nhung !*

Tôi đang mãi ngâm vịnh, thì bỗng ông PHẠM CHỮ hỏi: “*Thượng toạ có lẽ đương mãi vịnh phong cảnh thì phải?*” – *Phải đấy ông ạ!*

- *Thượng toạ đi chuyến này cần viết lấy tập ký sự để kỷ niệm, chứ không nên chỉ ngâm vịnh một vài bài mà thôi!*

- *Ông nói phải đấy, chỉ hiềm tôi không đủ tài viết ký sự thôi! Tuy vậy tôi cũng đã viết được mấy trang rồi.* Còn đương vui chuyện về văn thơ, lại thấy người đàn bà Pháp ban sáng, bụng hai khay cơm có nhiều món mà tôi không quen dùng, thấy ông PHẠM CHỮ đỡ lấy một khay, còn trả lại với mấy câu sì sồ. Người đàn bà Pháp liền bụng khay đi, một lúc lại bụng đến 6 chiếc bánh ngọt với một cốc cà phê sữa. Ông PHẠM CHỮ mau mắn đỡ lấy chuyển sang cho tôi. Ăn xong bỗng thấy đèn tàu báo hiệu xấu trời, tôi liền ngó ra xem thì ra

tàu đang bay giữa biển, phải đối phó với cơn gió rung người, bên trên có những đám mây đen, trắng mù mịt, ngược ngược, xuôi xuôi, tan tan, hợp hợp. Dưới mặt biển, những làn sóng trắng xoá cuộn cuộn hết lớp nọ tới lớp kia, kế tiếp nhau xô sát, lưng chừng những quả núi đương bị mây phủ mịt mù. Trên mây, dưới sóng đều bị mãnh lực của thần gió lôi cuốn, tan tan, hợp hợp khắp bầu trời, mặt biển. Ngắm cảnh trạng đó, ký giả cảm đến cổ kim thế sự, thành, bại, đắc, thất, cũng chẳng khác chi những đám mây, những làn sóng, đương nối nhau bay liệng, tung vỗ kia, rồi lại cùng nhau tiêu tan đau mắt, bèn húng vịnh:

*Kìa ngắm mà xem lớp hải âu,
Áo ào, ạt ạt, nối đuôi nhau,
Khi lên tung vỗ làng mây núi,
Lúc xuống tiêu ngấm cuộc bể dâu.
Mây trắng hợp tan cùng tán thảm,
Cát vàng bồi lở cũng trò sầu.
Hỡi ai là khách bốn ba nọ,
Lớp sóng việc đời có khác đâu.*

Ký giả đương mãi ngắm cảnh ngâm thơ, Đại Đức THẠCH BÍCH bỗng hỏi:

- *Thượng toạ có đọc truyện TÂY DU không?*

- *Tôi có đọc cả truyện TÂY DU tự tay Thầy HUYỀN TRANG biên chép lẫn TÂY DU của nhà tiểu thuyết làm ra, nhưng không bao giờ tôi chịu tin chuyện TÂY DU của nhà tiểu thuyết phịa đặt có TÔN NGỘ KHÔNG, SA TĂNG, CHU BÁT GIỚI theo Thầy ĐUỜNG TĂNG đi thỉnh kinh; họ đã mô tả ra một mớ hoang đường để cổ hoặc nhân tâm và làm mờ ám hẳn một thiên lịch sử mạo hiểm của một vị Thánh Tăng đời ĐUỜNG (Tàu).*

Tôi xin kể qua thân thế Thầy ĐUỜNG TĂNG để Đại Đức nghe:

“Thầy HUYỀN TRANG sinh năm 602 quê ở Lạc Dương tức Phủ Hồ Nam bây giờ, thân phụ Thầy đã mấy đời nổi tiếng Văn hào, sẵn nếp Nho phong nên Thầy sớm xuất sắc về Nho học, bạn bè của Thầy đương thời đã bầu cho là thiếu niên nho giả, ai nấy đều kính nể. Tưởng rằng sau này sẽ thành nhà quan các đại gia, có ngờ đâu 13 tuổi, Thầy đã xuất gia theo đường đạo đức. Năm 14 tuổi gặp buổi chính trị thối nát, thế đạo lu mờ, giặc giả tứ tung, nhân dân đồ thán, trước thảm trạng thành quách tro tàn, máu xương trà đạp, những kẻ vũ phu tàn bạo coi mệnh người như sâu kiến, như cỏ rác; khắp trong nước chỗ nào cũng có giặc cướp rối loạn, đến nỗi các nhà tu cũng ít tránh khỏi vạ lây. Thầy đành phải tránh lên núi tu thân, luyện đạo. Được mấy năm thì Vua ĐUỜNG Thái Tôn đánh dẹp giặc giả cũng đã tạm yên ở các xứ trung châu, nhưng ngoài biên thùy vẫn chưa bình định. Nhất là Vua ĐUỜNG Thái Tôn chưa nói được dây thân thiện với các nước lân bang, thì mong gì bình định được các biên giới. Lúc đó Thầy HUYỀN TRANG phát sinh ra quan niệm tự lĩnh lấy sứ mệnh Phật giáo đi thỉnh kinh, nhân bang giao hòa hảo với các nước âm phù cho Vua ĐUỜNG Thái Tôn về đường chính trị. Sự thật đã được chứng kiến ở lịch sử đời ĐUỜNG, là Thầy Đường Tăng đi thỉnh kinh qua nước nào, là nước ấy chẳng thần phục oai dũng của Vua ĐUỜNG Thái Tôn, thì cũng thần phục với đức hoá của Vua ĐUỜNG đó là một điểm chính trong lịch sử TÂY DU của Thầy HUYỀN TRANG.

Thầy HUYỀN TRANG đi TÂY PHƯƠNG cầu kinh, còn một điểm cực kỳ quan trọng nữa. Chúng ta đã thấy lịch sử Phật giáo truyền vào TRUNG QUỐC từ Hán Minh Đế đến ĐUỜNG Thái Tôn trải dài 500 năm. Thời kỳ Thầy HUYỀN TRANG mới xuất gia, chính là lúc Phật giáo cũng rối ren, ăn nhip với thiên hạ loạn lạc, lý thể tất nhiên như vậy, hoá nên trong giới tu hành một phần đông bị phong trào ích kỷ, tự lợi lôi cuốn, nào là vì lợi lộc mà ghen tị, nào là vì môn phái mà chia rẽ, nào là vì thiên về tư tưởng giáo lý mà công kích; ai

nấy chỉ tự trọng lý tưởng của mình, không ai đồng ý chỉ với ai, mạnh ai người nấy được, khiến cho lực lượng Phật pháp quá ư bạc nhược, đoàn thể tu hành quá ư yếu ớt, khiến cho tín đồ hết đường trông cậy, đâm ra chán ngán. Kẻ vô đạo thừa cơ đứng ngoài công kích phá hoại. Vận mệnh Phật pháp lúc đó chỉ còn như dây tơ, địa vị Tăng Già không còn giá trị nông nổi nguy cấp đến thế rồi, mà có ai biết nghĩ đến đâu? Hoặc giả có còn có số người biết, nhưng cũng chỉ thở ngán than dài rồi lại cho là khó khăn, đành bó tay ngồi nhìn, rùng thuyên bão táp, bề giác sóng cồn. Đứng trước thảm trạng ấy, Thầy HUYỀN TRANG hết sức lo âu, quyết trí ra tay cứu vãn, vì Thầy đã sẵn tin tưởng chắc chắn rằng: Thiên hạ hết loạn tất phải đến trị, Tôn giáo hết suy tất phải đến thịnh, miễn là ta phải có đủ công năng tu hành chứng ngộ được đạo mầu. Nghĩ thế rồi, Thầy liền rủ mấy vị cao Tăng đồng trí nguyện dâng sớ xin Vua Thái Tôn sang Tây Trúc tham thuyền học đạo thêm và cầu kinh Phật đem về bồi bổ cho nền Phật giáo nước nhà. Vì bấy giờ việc triều chính của nhà ĐUỜNG chưa được yên, việc bang giao với các nước ngoài chưa được thân mật đậm đà, có nhiều nước ngoài người ta chưa kiêng nể. Vua Thái Tôn sợ Thầy đi sẽ bị nguy hiểm, để đến mất quốc thể, vì thế nên Vua Thái Tôn liền hạ chiếu cấm Phái đoàn Phật giáo do Thầy cầm đầu không được sang Tây Trúc. Các bạn đồng chí đều sợ lệnh vua không ai dám đi nữa, còn Thầy HUYỀN TRANG, Thầy tự nói rằng: **“Trí ta đã quyết, đường ta đã dọn, ta quyết không chịu lùi bước, chẳng quản quan san hiểm trở, chẳng quản hùm beo ác thú, chẳng sợ gió xương tuyết bụi, chẳng ngại nắng, mưa, nóng, rét, cũng không cần có sắc chỉ nhà vua, ta chỉ tin cậy vào Phật lực, ta lên chùa làm lễ Phật xin hộ trì cho đi thỉnh kinh”**.

“THÀNH TẤT HỮU CẨM”. Thầy HUYỀN TRANG thấy Phật báo ứng điềm tốt lành, tức khắc một túi, một ngựa, không giấy, không tờ, trốn ra biên thùy ngắm miền Tây Trúc thẳng tiến, ròng rã 16 năm trời, một mình vò võ đất khách,

quê người, trải bao gian nguy, ném đu phong trần, cay đắng, mới học được đạo, mới tỉnh được kinh đem về làm tươi sáng cho nền Phật giáo TRUNG HOA, tự tạo nên thời thế tôn giáo thay cho thời thế chiến tranh. Tên tuổi Thầy HUYỀN TRANG đến nay vẫn còn sáng lạn ở sử sách TRUNG QUỐC.

Cứ xem như thế, trải 500 năm từ Hán Minh Đế đến ĐUỜNG Thái Tôn, trước thời kỳ nhà ĐUỜNG mở vận, cục diện chính trị cũng như Tôn giáo, ai cũng phải thú nhận là thối nát, rối ren, phải chăng thời thế tạo anh hùng, nên dân tộc TRUNG HOA hồi đó đã sản xuất ra hai nhà niên thiếu kỳ khôi. Cùng đem tài ba, đạo đức ra xoay chuyển càn khôn, bổ cứu cho nền chính trị và tôn giáo. Ấy là ĐUỜNG Thái Tôn và Thầy HUYỀN TRANG. Một người hơn 10 năm dong duổi thanh gươm, yên ngựa, dẹp yên giặc giã, mở vận thái bình. Một người cũng hơn 10 năm dong duổi yên ngựa túi kinh mới rước được hồn đạo đức về để cứu vãn nhân tâm thế đạo. Đường đi của hai nhà tuy có khác, nhưng đều thành công cứu quốc, cứu dân, đều làm vinh dự cho đời nhà ĐUỜNG, lại cùng đứng chung tên tuổi vinh quang trên lịch sử TRUNG QUỐC vĩ đại vậy.

4. – HỘI PHẬT GIÁO ÁN ĐỘ ĐỐI VỚI PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Ký giả còn đương muốn kể thêm chuyện Tây Du để khuyến khích Đại Đức THẠCH BÍCH thì bỗng nghe xì xào tiếng người nói, tàu sắp xuống. Mọi người lại quàng dây da vào mình như lúc tàu mới lên. Tiếng động cơ tắt, máy bay đã ở mặt đất, chúng tôi xuống. Ông PHẠM CHỮ trình giấy tờ và nhận hành lý. Một người đàn bà Pháp trạc độ 50 tuổi, với nét mặt tươi tỉnh, vui vẻ, chấp tay chào tôi và bắt tay ông PHẠM CHỮ, tự giới thiệu: *“Tôi trông nom về ngành văn hoá của tòa Tổng lãnh sự Pháp ở Calcutta này được ông Tổng lãnh sự cử ra đón Phái đoàn Phật giáo Việt Nam”*. Ký giả cảm ơn rồi cùng lên xe. Chừng 20 phút, ô tô đỗ, người đàn bà Pháp xuống trước, vào chùa HỘI ĐẠI BỒ ĐỀ, chư Tăng trong đó ra đón vào phòng khách, đã có Thượng toạ JIRANATANA là Thư ký thường trực tiếp đón chúng tôi một lúc, rồi cho người đưa đến phòng khách. Sao mà khéo thế nhỉ? Phái đoàn Phật giáo có ba người, thì căn phòng cũng chỉ có ba cái giường. Mặc dầu đương mùa nóng nực mà vẫn trải đệm cỏ, trên phủ vải trắng; có đồng hồ, đủ bàn ghế. Tôi lại ra cửa, ý muốn đi tìm nơi xuất sử, thấy bên kia buồn khách có sẵn nhà tắm và nhà xuất sử đều bằng máy, quy củ sắp đặt rất tiện cho viễn khách.

Ngay chiều hôm ấy, tôi ủy Ông PHẠM CHỮ ra cảm ơn Ông Tổng lãnh sự Pháp đã cho đại diện ra đón và trình giấy thông hành với các nhà chức trách địa phương. Tôi ở nhà, lên chùa làm lễ rồi ra cửa chùa ngắm phong cảnh. Trước cửa chùa Bồ Đề có một cái hồ rộng độ hai mẫu ta, nước hồ lúc nào cũng trong veo, với ánh bóng cây buổi chiều trông đẹp mắt lắm. Tôi thấy có mấy ngàn người đang bơi lội, liền hỏi thì

người ta cho biết rằng: Phong tục của ẤN ĐỘ hễ được tẩm gội nơi hồ ao của đền chùa là khước lăm. Thế nên, mỗi buổi chiều chung quanh hồ này, lúc nào cũng đầy lớp sóng người giải trí với cơn nóng nực.

Chùa này của HỘI ĐẠI BỒ ĐỀ làm nên từ khi chấn hưng Phật giáo, tuy cất theo với dãy nhà hàng phố, nhưng thoát trông đã biết ngay là cảnh Phật, vì lối kiến trúc đều theo mỹ thuật Phật giáo, ý giả vì đất hẹp, nên chùa làm hai tầng, đắp vẽ theo lịch sử Phật Thích Ca. Tầng gác trên thờ Phật, chính giữa thờ tượng Phật Thích Ca, bốn góc có tượng Văn Thù, Phổ Hiền v.v... Sau tượng Phật, một tòa tháp tròn cao độ một thước rưỡi, có thờ xá lợi Phật ở trong, có thêm mấy chiếc tủ kính rất đẹp, bên trong đựng nhiều đồ pháp khí và pháp bảo, có hạng trạm, trổ, có hạng để chon. Mỗi thứ bảo vật, đều tượng trưng một ý nghĩa về Phật giáo. Tầng dưới Phật điện là nhà giảng, cũng đắp vẽ theo lịch sử Phật giáo, khiến ai mới vào, thoát trông đã khởi lòng tôn kính. Khắp nhà giảng đều có đèn, quạt điện với rất nhiều ghế để thập phương ngồi nghe giảng. Phía sau nhà giảng là toà nhà ba tầng, có đủ Tăng đường, trai đường, khách đường, văn phòng, thư viện v.v... Tôi có vịnh tức cảnh:

*Chùa Hội Bồ Đề nước tiếng lâu,
Tới, lui Phật tử khắp năm châu,
Phạm Tăng¹ niệm kệ², chim hòa vận,
Viễn khách đàm kinh, cá lặn câu.
Với đám sóng người khai giác ngộ,
Cùng nơi đất Phật dân quan đâu³.
Hỡi ai có chí cầu kinh Phạm,*

¹ Chi chư Tăng Ấn Độ.

² Kệ nhà Phật cũng có vận điệu như thơ nhà Nho.

³ Phật tử thế giới phân nhiều đến chùa Đại Bồ Đề rồi mới đi chiêm bái các nơi.

Này cảnh Bồ Đề mach bảo nhau.

Thượng toạ thư ký tiếp chúng tôi ban nãy, với chư Tăng Tích Lan sang đảm nhiệm việc Hội, ngoài tiếng bản xứ, các vị còn thông thạo nhiều tiếng ngoại quốc, nhất là tiếng Anh, tiếng Ấn và tiếng Ba ly. Vị nào cũng có tinh thần linh lợi về học vấn, lại rất ưa hoạt động về Phật sự; tất cả các sự cung cấp chư Tăng đều do Hội Đại Bồ Đề đảm nhiệm.

Còn chư Tăng chỉ chủ trương về việc tu hành và truyền giáo, chứ không phải lý gì về sự sinh hoạt cả. Trong chùa lại có các vị Cư sĩ ở chung với chư Tăng để làm việc. Có Cư sĩ MADANLALANAN rất giỏi về triết học, ông chuyên trông nom về bài vở cho tờ tạp chí của Hội Đại Bồ Đề. Tôi rất phục tinh thần kính trọng chư tăng của ông. Vì nhiều bữa ngộ sẵn sóc đến com nước của chư Tăng. Không thấy một chú tiểu nào cả. Tôi có hỏi thì chư Tăng cho biết rằng: “*Các tiểu đều được đi học ở các trường Phật học xa cả*”.

Ngoạn cảnh xong, Ông PHẠM CHỮ cũng mới vừa về cho biết là giấy tờ phải ba ngày nữa mới xong.

- “*Cũng vừa. Vì theo như lời Thượng toạ thư ký thường trực nói, thì còn phải chờ Ông Tổng thư ký của Hội Đại Bồ Đề về, thì chương trình làm việc của chúng ta mới được định đoạt, là vì các việc còn phải nhờ Ông giúp nữa. Và lại tôi cũng còn phải an tĩnh để lễ bái ba ngày cầu nguyện Phật Tổ điềm hoá cho mọi việc, thì mới mong có kết quả: Ngoài ra tôi còn phải sửa lại hai bài diễn văn mới viết phác ra, sẽ đưa ông dịch ra Anh văn, nếu được đủ phương tiện diễn giảng, thì tôi giảng bằng tiếng Việt, còn Ông sẽ dịch luôn ra tiếng Anh. Nó là phận sự chính của Phái đoàn Phật giáo Việt Nam chúng ta, đem ra cống hiến cho người ngoài: “**Đem chuông đi đấm nước người**”. Ông nên cố gắng dịch bài diễn văn này*”.

Tôi mịt hôm mùng 6, Ông Tổng thư ký của Hội Đại Bồ Đề đi rước xá lợi của hai Đức Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên về, có đến thăm chúng tôi, nói chuyện qua loa rồi hứa đến 8

giờ sáng mai sẽ chính thức tiếp phái đoàn. Tuy tôi với Ông mới được gặp nhau trong khoảnh khắc về những câu chuyện trao đổi ý kiến, đã nhận được ở Ông là một nhà Cư sĩ có đủ nghị lực cả về phần lý tưởng lẫn thực hành.

Ông ra khỏi phòng, tôi bàn với ông PHẠM CHỮ, lẽ tôi phải biên thành thư để Ông dịch ra Anh văn, sáng mai, sau khi đàm đạo sẽ đưa. Tất cả Phái đoàn đều hoan nghênh ý kiến ấy, tôi liền lấy bút viết:

Ngày 7 tháng 5 năm 1950

TRƯỞNG PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Kính gửi Ngài Hội Trưởng

HỘI MAHA BODDHI – CALCUTTA

Thưa Ngài,

Chúng tôi vốn biết Phật tử bốn bể dù đến đâu cũng đều coi nhau là con của Đức Từ Phụ THÍCH CA MẬU NI.

Vì lẽ nghi giữa giới Phật tử ở mỗi địa phương một khác, chúng tôi tới Quý quốc, mặc dầu được Quý hội ưu đãi, khiến thâm tâm chúng tôi cảm kích vô cùng; nhưng chỉ vì những điều bề ngoài, nên chúng tôi không tránh khỏi các sự thất thố đối với Ngài cũng như đối với Quý Hội, mong Ngài hoan hỷ lượng thứ.

Thưa Ngài, chúng tôi cũng như dân VIỆT NAM, đều được sống trên nền tảng luân lý Phật giáo với bầu không khí thần túy. Cả 18 triệu dân VIỆT NAM theo Phật giáo, rất thành kính tôn thờ Đức Giáo Chủ THÍCH CA và chư Vị Thánh Tăng của Quý quốc đã sớm truyền bá Phật giáo sang VIỆT NAM trước đây gần 2000 năm. Uống nước nhớ nguồn, nên dân VIỆT NAM theo Phật giáo đều có sẵn mối thiện cảm sâu xa thâm kín đối với Quý Quốc và Quý Hội.

Để tỏ lòng kính mến Phật sự của Quý Hội, ĐỨC BẢO ĐẠI, Quốc trưởng VIỆT NAM, có giao cho chúng tôi 1000

roupies (4000\$00 Đông Dương) để dâng cúng vào Phật sự của Quý Hội, xin Ngài nhận cho.

Lại xin Ngài nhận của Hội Việt Nam Phật Giáo kính biếu Quý Hội một số kinh sách Phật do tay bút của các Cao Tăng VIỆT NAM chú giải đã lâu đời, thêm với một số kinh, sách Phật bằng Việt văn của Hội Việt Nam Phật Giáo chúng tôi xuất bản.

Ngoài ra, yêu cầu Ngài cũng như Quý Hội giúp đỡ cho các việc sau này:

1) Hội Việt Nam Phật Giáo kính biếu Chính phủ Quý quốc một hòm kinh Phật và một hòm để kính biếu Hội Nghiên cứu Phật học cùng ở Quý quốc, dám mong giúp chúng tôi được thân đến nơi để chuyển giao.

2) Giúp chúng tôi đi chiêm bái các nơi Phật tích ở Quý quốc.

3) Giúp cho, thỉnh hoặc mua các kinh sách Phật do Quý quốc xuất bản, hoặc nơi nào có, xin mách bảo cho chúng tôi thỉnh.

4) Giúp cho mua những tranh ảnh về lịch sử, mỹ thuật Phật giáo ở Quý quốc.

5) Chúng tôi được chụp ảnh các Tôn Tượng và các pháp bảo ở Chùa Hội quán đây và các nơi Phật tích.

6) Chúng tôi được biết Quý hội có những cuốn phim về Phật giáo, nếu có thể được, xin mua giúp.

7) Giúp chúng tôi mọi phương tiện để đi tới dự Hội nghị Phật giáo thế giới tại Tích Lan.

8) Tôi có 10 điều đề nghị với Phật giáo Quốc tế, xin phiền Ngài chuyển giao đến ban Tổ chức của Hội nghị đó trước khi chúng tôi đến dự.

9) Giúp chúng tôi đến New Delhi (Nuru Đen li) là Thủ đô mới của Quý quốc để viếng thăm các Phật tử ở đó và cho

được gặp Bác sĩ Prasad là Tổng Thống của Quý quốc để sẽ dâng biểu lên Ngài hôm kính Phật.

TỔ LIÊN

Dưới đây là bản dịch bức thư trả lời của Hội Đại BỒ ĐỀ:

Calcutta ngày 10 tháng 5 năm 1950

Kính gửi Thượng toạ Tổ Liên

Trưởng Phái Đoàn Phật Giáo Việt Nam

CALCUTTA

Kính bạch Thượng toạ,

Chúng tôi rất lấy làm cảm ơn những mỹ ý của Thượng toạ viết trong thư ngày 7 vừa rồi. Chúng tôi rất lấy làm hân hạnh được dịp đón tiếp Thượng toạ và các nhân viên Phái đoàn và chúng tôi mong rằng Thượng toạ hoan hỷ cho nếu có điều gì không được vừa ý, trong khi lưu lại ở đây.

Xin Thượng toạ nhận lời trân trọng cảm ơn của chúng tôi về những sách mà Quý hội đã có nhã ý tặng Hội chúng tôi. Các kinh sách đó sẽ được liệt vào hạng, bộ sách có giá trị trong thư viện của chúng tôi.

Trước khi Thượng toạ lên đường về Việt Nam chúng tôi mong rằng có thể kính tặng Quý hội toàn bộ những sách do Hội chúng tôi xuất bản.

Chúng tôi rất lấy làm cảm ơn Quốc Trưởng Bảo Đại về số tiền 1000 roupies, mà Ngài đã nhã ý gửi Thượng toạ tặng Hội chúng tôi. Xin nhờ Thượng toạ chuyển lời cảm ơn của Hội chúng tôi lên Quốc Trưởng về mỹ ý của Ngài.

Chúng tôi rất lấy làm tiếc là quý vị không thể đến kịp để dự lễ ngày đản sinh Đức Phật Tổ. Nhưng chúng tôi chắc rằng quý vị sẽ có dịp nhận xét những công việc chúng tôi đang tiến hành để chấn hưng nền Phật giáo chốn này. Sau 50 năm gắng sức của Hội chúng tôi ngày nay đã thấy được đôi phần kết quả và được sự cộng tác và giúp đỡ của các nước theo Phật giáo, như nước Việt Nam, chúng tôi hy vọng rằng có thể thu

lược được kết quả mỹ mãn trong nhiệm vụ đó. Sự đến dự này của Quý Phái đoàn sẽ giúp thêm năng lực cho việc tiến hành đó, và tôi tha thiết mong rằng: Tình giao hảo giữa Quý hội và Hội chúng tôi sẽ mỗi ngày thêm chặt chẽ, cho đến khi chúng ta đạt được đến mục đích cao cả, là chấn hưng nền Phật giáo ở ngay trên xứ đã phát sinh ra Tôn giáo ấy.

Chúng tôi xin chúc quý vị được nhiều sự như ý trong khi lưu lại ở xứ này, và rất lấy làm hân hạnh được tiếp quý vị, chúng tôi hy vọng rằng: về sau này còn được tiếp thêm nhiều Phật tử của Quý quốc sang bên này cùng theo một mục đích như trên.

Xin kính chúc Quý Trưởng Bảo Đại an khang trường cửu và tất cả dân chúng Việt Nam đều được thái bình thịnh vượng.

Nay kính,

D. Valisinha

Tổng thư ký Hội Maha Boddhi Calcutta



Nghênh tiếp Xá-Lợi

5. – CHIÊM BÁI XÁ LỢI HAI VỊ THÁNH TẶNG

Sau khi nói chuyện với Phái đoàn Phật giáo chúng tôi với Ông Tổng thư ký, đến phút cuối cùng. Ông lại cho biết rằng: *“Mới rước được xá lợi của hai vị thánh tăng là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên về chùa đây. Vậy 9 giờ sáng hôm nay, chư Tăng với Bản hội sẽ làm lễ khai xá lợi, xin mời Thượng toạ với Phái đoàn lên chiêm bái”*.

Tôi thấy nói sắp được chiêm bái xá lợi, phần thưởng thứ nhất của Phật ban cho. Gần nữa đời tu hành chưa bao giờ có tưởng vọng được gặp những khối kim cương thân ấy. Sáng hôm đó lại có Phái đoàn Cao ly đến chiêm bái. Chúng tôi đang ngồi nói chuyện thì có người đến mời lên dự lễ khai xá lợi. Lên đến nơi đều quỳ lễ, hướng vào một cái hình tròn tựa như cái mâm đồng con, nhưng chính thực ra đúc bằng vàng. Theo thước ta thông thủy một thước hai, có lan can chạy xung quanh, rồi đến một quãng có hai cái cột trụ để tiêu biểu nơi vào sân tháp; hai cái trụ của lan can kia nối liền với bảy bậc thang để lên bệ tháp. Trong bệ tháp còn có hàng lan can nữa vây lấy bệ tháp thứ hai, từ sân tháp đến bệ tháp thứ hai, theo thước ta độ linh 3 tấc, đem cái chụp vàng đúc theo hình tháp cao bốn tấc ta úp lại sẽ thành cây tháp vàng tròn cao linh bảy tấc ta. Giữa bệ tháp thứ hai có hai đài sen hình tròn như cái hộp nhỏ đựng thuốc Lào. Trên hai đài sen có hai cái trụ đội cho hai cái tựa như đồng hồ quả quít, chung quanh bằng vàng, hai mặt lồng kính. Xá lợi để bên trong vì có kính trông rõ lắm. Tháp và hộp đựng xá lợi mà ký giả vừa kể trên đều do Hội ĐÀI BỒ ĐỀ mới sắm để tôn nghiêm sau khi người ANH trả xá lợi về AN ĐỘ. Còn đến hình thức Cổ chế để đựng xá lợi và xá lợi to nhỏ thế nào Bộ Quốc Gia Giáo Dục đã kê cứu để giúp quý độc giả sau đây:

TÀI LIỆU VỀ XÁ LỢI CỦA HAI VỊ ĐỆ TỬ PHẬT XÁ LỢI PHẬT và MỤC KIỀN LIÊN

Năm 1939, Hội Phật giáo MAHA BODDHI ở Calcutta (Ấn Độ) có điều đình với chính phủ Anh cát lợi để xin rước về Ấn Độ xá lợi của hai vị A-la-hán SARIPUTTA (Xá Lợi Phật) và MOGGALANASA (Mục Kiền Liên).

Hồi đó đang trưng bày ở Viện Bảo tàng Victoria và Albert ở Luân Đôn (Kinh đô của nước Anh cát lợi). Sau vì chiến tranh không tiện cho sự chuyên trở, nên việc đó phải hoãn lại. Đến năm 1945, Hội MAHA BODDHI tiếp tục can thiệp lại, và Chính phủ Anh bằng lòng trao trả xá lợi đó cho Ấn Độ. Song vì dân chúng đảo TÍCH LAN rất mộ Phật, nên xá lợi của Ngài XÁ LỢI PHẬT và Ngài MỤC KIỀN LIÊN được đưa qua đảo TÍCH LAN cho dân chúng chiêm ngưỡng trước khi đưa sang thờ ở NEW DELHI (tân kinh đô Ấn Độ).

Xá lợi hai vị La hán đó do Đại tướng CUNNINGHAM (người Anh) tìm thấy ở SANCHI xưa tên là VÉDISAGIRI, trên một ngọn đồi nhỏ ở gần thành VÉDISA tại AVANTI, nơi quê hương của nhiều tín đồ nhà Phật, của vua ASOKA (A Dục), của Hoàng tử NAHINDA v.v...

Xá lợi để trong hai hòm bằng đá màu xám, trên có khắc chữ Phạm (Sariputta và Maha Moggalanasa). Hòm hình vuông, mỗi chiều độ 45 phân, nắp dày độ 15 phân. Trong hòm bằng đá đặt về hướng Nam, lại còn một hòm nữa bằng đá trắng, rộng 16 phân, cao 75 phân. Bề mặt là một cái công bằng đất đen, đường kính hai phân, cái công ấy đã bị vỡ.

Bên cạnh hai chiếc hòm đó có hai miếng gỗ trầm. Trong hòm chỉ có một chiếc xương của vị La hán SARIPUTTA (Xá Lợi Phật) dài độ 25 ly và 7 hạt ngọc trai, 7 hạt đó chắc chắn là những bảo vật mà người ta thường đặt bên xá lợi các vị Phật, Thánh: 3 viên hạt trai, 3 viên ngọc và một viên pha lê. Trong chiếc hòm đặt về phương Bắc, cũng lại có một cái hòm bằng

đá nhỏ hơn hòm trước. Khi mới mở bề mặt trắng trông như phấn. Nhưng sau lần phấn đó mất đi và màu cũng như hòm kia. Ở trong có hai cái xương của vị MOGGALANASA (Mục Kiền Liên), chiếc to chỉ dài độ một phân. Mặt trong cái nắp là một chữ viết bằng mực: Chữ XÁ trên nắp hòm đựng xương vị la hán SARIPUTTA (Xá Lợi Phất và Chữ MA, trên nắp hòm đựng xương vị la hán MOGGALANASA (Mục Kiền Liên). Phương hướng đặt hai hòm đó cũng không phải là không có ý nghĩa. Nguyên khi Đức Phật ngồi xoay mặt về phương Đông, thì phương Nam ở bên phía phải Ngài mà phương Bắc ở bên trái. SA và MA là những đệ tử gần cận nhất của Ngài, thường đứng bên phải và bên trái Ngài. Hai nắp hòm hiện để ở viện Bảo tàng SANCHI.

Ngoài ra, ở SATADHARA, cách SANCHI độ 10 cây số, người ta còn tìm ra nhiều ngôi mộ Phật nữa. Ở đó cũng có hai hòm bằng đá, trên nắp cũng có chữ SARIPUTTA và MAHA MOGGALANASA.

Ngài 14 tháng 3 năm 1947, dân chúng đảo TÍCH LAN đã cử hành một lễ rất uy nghi để đón các xá lợi đó tới COLOMBO. Và đến cuối năm 1948, các xá lợi đó đã được rước về đất AN ĐỘ do Bác sĩ NERHU, Thủ tướng Ấn Độ đón rước.

Bộ Quốc gia Giáo dục Việt Nam

Có người hỏi: “Xá lợi của mỗi vị chỉ có thể thôi ư?”

- Tôi không được biết rõ về phần xá lợi của hai vị Thánh tăng đây, nhưng theo chỗ tôi hiểu ở các kinh sách Phật nói về xá lợi, thì sau khi đàn thiêu đã tắt, số xá lợi thu được, phần nhiều đem chia đi các nơi để thờ, ít khi để một chỗ tôi ngờ rằng đây cũng mới chỉ là một phần nào thôi.

6. – NGÀI THỦ HIẾN BENGALE HỎI VỀ PHẬT GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

Lễ chiêm bái xá lợi xong, Ngài Tổng Thư ký lại cho biết rằng: *“Thủ hiến xứ BENGALE (Băng gan) hẹn 4 giờ chiều hôm nay sẽ tiếp chúng tôi”*. Đúng 4 giờ, ông Tổng Thư ký cùng đi với chúng tôi vào Phủ Thủ hiến. Đến nơi lính gác cửa vào trình, Ngài Thủ hiến ra cửa đón chào và mời chúng tôi vào công đường nói chuyện. Ngài Thủ hiến nói: *“Tôi tuy không chính thức quy Phật, nhưng tôi rất tin Phật và rất mộ giáo lý của Phật, vì Phật dạy: Hạng người nào cũng theo được”* Ngài hỏi: *“Bên Việt Nam cuộc chiến tranh Việt Pháp đã yên chưa?”*

- Thưa Ngài, chưa yên!

Ngài nói: *“Tôi đọc các báo có nói nhiều về sự đau khổ của dân Việt Nam, nên tôi nào tôi cũng cầu nguyện cho nền độc lập của nước Việt Nam sớm thực hiện cho dân tình đỡ khổ”*.

Những câu nói của Ngài Thủ hiến BENGALE vừa nói xong, khiến cho tôi thêm đề ý xem dung mạo như thế nào, mà nói những câu thiết tha đối với dân Việt Nam như vậy. Quả nhiên tai to, trán cao, mắt sáng, tiếng nói đồng đặc, tầm người cao lớn, cả tướng mạo đáng kính, vận bộ quần áo vải gai phơn phớt trắng, biểu lộ một tư cách con người có vẻ trầm tiêm, cương nghị và nhân từ, khiêm tốn. Lúc mới tới, Ngài tiếp chúng tôi bằng cách vồn vã và thân mật như tình khế hữu. Tôi nghĩ luôn, Ngài đã kính mộ giáo lý của Phật, lại thân mật với chư Tăng, cố nhiên có tư tưởng mong cho thế giới hòa bình bằng cách không bạo động. Như vậy, những câu mà Ngài tiếp chúng tôi thành thực tự đáy lòng thốt ra.

Khi từ biệt Ngài còn gọi lính hầu thân dẫn chúng tôi đi xem mọi nơi trong dinh Phủ. Nguyên đây là dinh của Phó vương Anh hồi trước, cho nên sự rộng rãi trang nghiêm của nó có thể ngoài trí tưởng tượng; có những báu vật cổ kim nhiều không kể xiết mà phần nhiều là các báu vật của Vương triều ngày xưa để lại.

Tiếp kiến Ngài Thủ hiến xong, chúng tôi lại đến thăm Hội Phật giáo Bengale tức là Hội Nghiên cứu Phật học của địa phương này. Vì không báo trước nên chúng tôi không được gặp Hòa thượng trụ trì. Nhưng có Ngài Hội trưởng và nhân viên thường trực tiếp đãi chúng tôi theo lễ nhà Phật. Tôi có chuyển giao phong thư và hòm kính của HỘI VIỆT NAM PHẬT GIÁO gửi biếu. Ông chánh Hội trưởng thu nhận với những lời hết sức cảm động. Ông còn phen nài là tại chúng tôi không cho biết trước để có sự tiếp đón xứng đáng.

Sự tổ chức ở chùa Hội quán này, tuy không được bằng chùa Đại Bồ Đề, nhưng ở đây có trường Tăng học, hiện có hơn 30 vị Tăng học đều do Hội này cung cấp.

7. – CƯ SĨ BARUA CHO BIẾT VỀ TÌNH HÌNH PHẬT GIÁO ẤN ĐỘ

Tôi muốn biết về tình hình Phật giáo hiện tại ở Ấn Độ, nên ở Hội Nghiên cứu Phật học ra, liền nhờ Ông PHẠM CHỮ thuê ô tô, lấy cớ là mời Cư sĩ BARUA đưa đi thăm phố để cho có cơ hội hỏi được nhiều chuyện. Lên xe xong, với mấy câu chuyện phở phùng chiếu lệ, ký giả hỏi: “*Tôi nhận thấy ở ông có một lực lượng học vấn uyên thâm, cả về thế gian lẫn Phật pháp, với tư tưởng thanh tịnh thuần túy như vậy, sao ông không xuất gia?*”

- *Tôi không lập gia đình là cốt để xuất gia lúc nào cũng được dễ dàng. Tôi chưa xuất gia mà vẫn ở chùa với Chư Tăng, là cốt để tập luyện tính tình và lễ độ thuyên gia cho am hiểu đã. Nhất là tôi còn làm Cư Sĩ để được dễ dàng đột nhập vào đám quần chúng mà tùy duyên phương tiện cảm hoá họ, như mấy năm gần đây, tôi đã làm một số đông dân Ấn Độ theo Phật giáo.*

Ông xem Phật giáo ở Ấn Độ có thể phục hưng được không?

- *Ấn Độ, là đệ nhất Tổ quốc của Phật giáo, hết vận hội suy tât phải thịnh. Nhưng thịnh hay suy còn tùy ở Phật tử có trách nhiệm truyền giáo ở Ấn Độ. Riêng tôi, tôi nhận thấy quốc hội Ấn Độ lấy tượng hình Pháp luân (bánh xe Pháp của Phật giáo làm nhãn hiệu chính giữa quốc kỳ Ấn Độ và người Anh cát Lợi đã trao trả xá lợi của hai vị Thánh Tăng cho chính phủ Ấn. Hôm Bác Sĩ Nehru Thủ Tướng Ấn quỳ xuống đón hai bảo vật thiêng liêng ấy, có tới tám triệu người đến chiêm bái. Đây là tượng trưng Phật giáo có thể phục hưng được ở Ấn Độ.*

- Giữa Phật giáo và Ấn Độ giáo có thể dung hòa được không?

- Những nỗi yếu hèn đau khổ của Ấn Độ từ xưa đến nay, phần nhiều vì Ấn Độ nhiều tôn giáo tranh chấp nhau, để sinh ra vạ chia rẽ dân tộc, làm cho hao mòn lực lượng hùng hậu đi. Ngày nay, nhờ vào sự cách mệnh thành công của Thánh Cam Địa với phần lớn các nhà trí thức Ấn Độ đã tỉnh ngộ, đã nhận chân là phải làm cho Phật giáo và Ấn Độ giáo dung hòa với nhau. Lại còn có một cơ, có thể là cơ chính của Ấn Độ, phải dung hòa Tôn Giáo để thực hiện chủ nghĩa bình đẳng của Phật Giáo mà phá cái chế độ giai cấp của Ấn Độ Giáo, mới hồng giải thoát được cho 18 triệu dân nô lệ.

- Hiện giờ Ấn Độ có bao nhiêu Chư Tăng Ni?

- Chắc Thượng Toạ thừa hiểu rằng nhà chép sử Phật Giáo ở Ấn Độ đã phải gác bút từ đầu thế kỷ thứ 19, vì thế mà số Tăng, Ni ở Ấn Độ riêng chỗ tôi biết thì chưa có mấy. Trái lại, ở Ấn Độ có tới 1000 vị Tăng ở Tích Lam sang đây để phục hưng Phật Giáo.

- Dân số tín ngưỡng duy nhất về Phật Giáo của Ấn Độ được độ bao nhiêu?

- Ước độ 15 triệu người.

- Người theo Ấn Độ Giáo có hay đến chùa lễ không?

- Nhiều lắm, ngay Ngài Hội Trưởng Hội Đại Bồ Đề của chúng tôi đây chính là người theo Ấn Độ Giáo.

- Theo chỗ tôi hiểu thì Ấn Độ Giáo là một danh từ tổng quát, nếu phân tách ra thì nó sẽ có 96 thứ Tôn phái. Những tôn phái tương tự như Khổng giáo, Lão giáo ở Tàu thì còn có thể dung hòa được với Phật giáo. Nếu đem Phật giáo mà dung hòa với các Tôn phái do thần đạo thoát thai từ Thái cổ, đây những sự mê tín dị đoan mà dung hòa vào Phật giáo có

còn được chân tướng không? Và Phật giáo còn đào tạo làm sao được tín đồ thuần túy nữa?

- Chân tướng Phật giáo là ở lý sắc không, không sắc. Lý đó đã vì chúng sinh xuất hiện ra là “từ bi cứu thế” Muốn cứu thế phải thực hành phương tiện. Chắc Thượng Toạ còn nhớ Phật dạy: “Theo lòng mong cầu của chúng sinh mà làm lợi ích cho họ” trước nhất ta hãy dùng phép phương tiện để làm cho lợi ích chúng sinh đi đã, rồi sau ta sẽ đưa họ tới chốn thuần túy tín ngưỡng. Nếu ta có cỗ ngon mà không cho người ta ăn, thì ai biết đến mỹ vị của nó mà thêm thưởng muốn ăn. Và lại, số thuần túy tín ngưỡng ở nước nào cũng vậy, chỉ được một số ít người có căn cơ lại có học thức thôi. Còn hạng bình thường sẽ tập quen mê tín lâu đời nhất dần thay đổi ngay, khó khăn lắm, nhưng họ có tín ngưỡng còn hơn không!...

Cuộc nói chuyện này đã lâu tới 2 tiếng đồng hồ. Bảy giờ cũng đã hơn 8 giờ tối. Tôi bảo xe quay về để Ông PHẠM CHỮ còn đi ăn cơm tối.

8. – MỘT VỊ ĐẠI ĐỨC HỎI VỀ PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Một hôm về buổi tối, một vị Đại Đức nguyên là Tiên Sĩ xuất gia đến phòng của tôi nói là sẽ hướng dẫn phái đoàn Phật giáo chúng tôi đi chiêm bái các nơi Phật tích. Theo chương trình thì phải đi tới mười ngày mới về. Tôi cảm ơn và mời Đại Đức ngồi nói chuyện.

Đại Đức bắt đầu hỏi: Việt Nam theo Phật Giáo Nam phương hay Bắc phương?

Tôi đoán là Đại Đức muốn biết về lịch sử Phật Giáo Việt Nam mình, để khi đi hướng đạo sẽ tiện việc nói chuyện với các Phật tử các nơi Phật tích. Thôi ta cứ việc theo lời hỏi mà trả lời.

- Bạch Đại Đức, nếu theo về địa lý thì Việt Nam chúng tôi theo Phật Giáo Bắc phương, là vì kinh Phạm tự truyền sang Bắc phương, mà các kinh Phật ở Việt Nam là theo kinh Tàu, mà kinh của Tàu đều dịch ở kinh Phạm tự ra cả. Xem thế đủ thấy Phật Giáo Việt Nam thuộc về Bắc phương Phật giáo. Theo chỗ tôi nhận xét, thì đem chia Phật giáo Nam phương ra làm tiêu thừa. Phật giáo Bắc phương làm đại thừa chưa chắc đã là đúng. Vì Phật giáo vốn có đủ Đại thừa và Tiểu thừa. Một chứng cứ rõ ràng, là những người mới vào đạo phải tu hành, về phân tự giác, tự lợi đó là Tiểu thừa, rồi sẽ đem phân tự giác tự lợi của mình ra làm mọi việc lợi tha, giác tha, thì là tôn chỉ của Đại thừa. Còn như Phật giáo ở xứ nào thiên quá về một mặt là tại quan niệm của người theo Phật giáo ở địa phương đó.

- Nếu vậy Phật giáo Việt Nam là do Tàu truyền sang chứ không phải là do Ấn Độ truyền sang?

- Cuối thế kỷ thứ 2 có Mậu Bác Cư Sĩ, vì tránh nạn mà sang Việt Nam rồi truyền bá Phật giáo ở xứ chúng tôi, nhưng lúc đó mới chỉ có ảnh hưởng một phần nào, chứ chưa có sự tổ chức cụ thể. Đến mãi năm 225, Ngài KHANG TĂNG HỘI là Cao Tăng của Quý quốc sang Việt Nam, bấy giờ Việt Nam mới có Tăng chúng, Phật giáo Việt Nam mới có hệ thống, tổ chức do Tăng già lãnh đạo trách nhiệm truyền giáo. Thế nên sau Ngài KHANG TĂNG HỘI còn có nhiều các Cao Tăng quý quốc và Việt Nam đi lại mật thiết với nhau về việc tu hành và truyền bá. Phật giáo Việt Nam lấy hệ thống Tăng Già truyền giáo, nên từ xưa vẫn tôn thờ Ngài KHANG TĂNG HỘI là Sơ Tổ truyền Phật giáo sang Việt Nam.

- Số Tăng, Ni ở Việt Nam có được bao nhiêu?

- Dịch số thì tôi chưa biết rõ, nhưng ở Việt Nam rất ít làng không có chùa, có làng lại có đến hai ba chùa. Mỗi chùa cả thầy lẫn tiểu, ít nhất cũng tới ba người. Nhiều chùa có tới vài ba chục vị. Xem thế thì biết số Tăng, Ni ở Việt Nam không phải là ít.

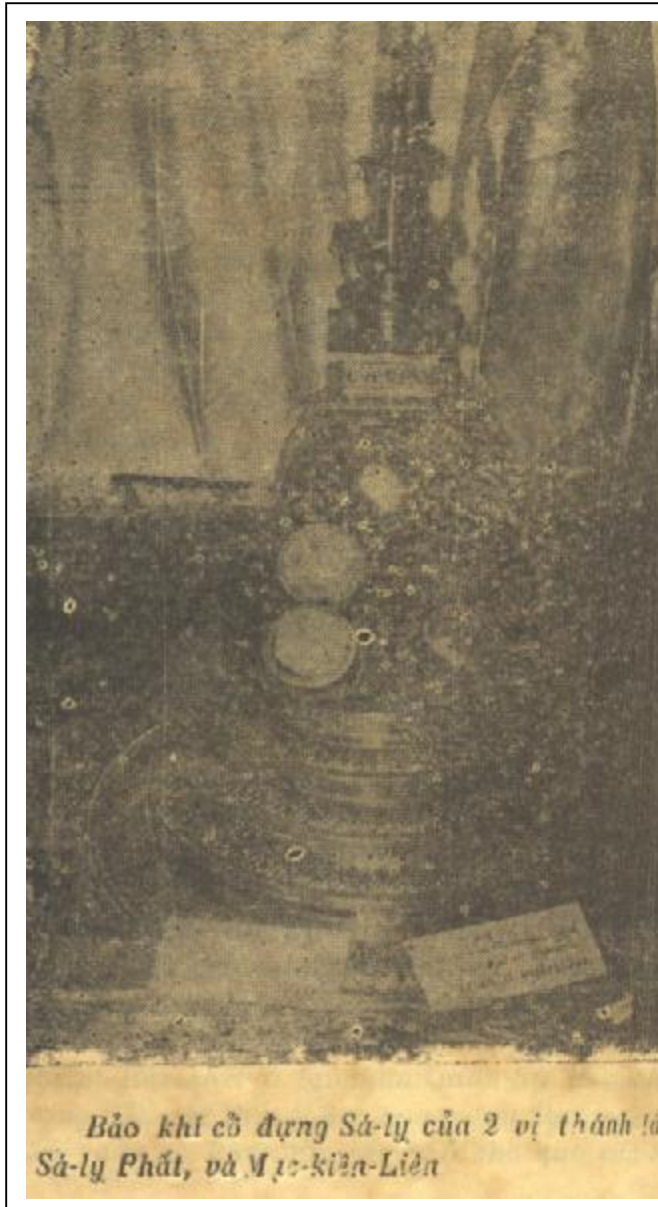
- Thượng Toạ bao nhiêu tiêu mới xuất gia, tu ở chùa nào, thuộc về pháp phái nào?

- Tôi xuất gia giữa năm 1903, tức là năm lên 13 tuổi, thụ nghiệp Hòa Thượng tôi tại chùa HƯƠNG TÍCH ở tỉnh HÀ ĐÔNG thuộc về pháp phái Lâm Tế.

- Thượng Toạ theo công cuộc chấn hưng Phật giáo đã được bao nhiêu năm?

- Đầu năm 1935, tôi đang tu niệm ở chùa La sơn, bỗng bị nghiệp sư bắt ra giúp hội V.N.P.G vì có một số các yếu nhân của Hội đổ vào tận chùa Hương Tích thỉnh cầu, nên Hòa Thượng tôi bắt phải ra chùa Quán Sứ để theo đuổi mục đích chấn hưng Phật giáo, chẳng may tôi bị bệnh phải xin tạm nghỉ về chùa Côn Sơn thuộc tỉnh Hải Dương điều trị, nhưng cũng không khỏi, sau lại phải ra bệnh viện Hà nội mổ giữa năm

1945 chính là năm nước chúng tôi bùng nổ cuộc cách mạng do Cụ Hồ Chí Minh lãnh đạo.



Quốc gia đã biến cố thì Tôn giáo cũng bị ảnh hưởng, giới xuất gia chúng tôi lúc đó cũng đã phân nhiều lâm vào tình thế hết sức lộn xộn rối ren. Giữa lúc đó tôi mới mổ bao tử được 13 ngày nhận thấy tình thế nguy ngập đến thuyên môn, không thể ngồi yên được, đành phải khăn đai chét bụng ra khỏi bệnh viện cùng với các bậc tu hành đồng chí tìm phương bổ cứu. Một ban lâm thời tổ chức Phật giáo thống nhất được thành lập, liền cử ra 7 phái đoàn chư Tăng theo một chương trình cấp tốc trong 10 ngày đi khắp 13 tỉnh để chiêu tập Tăng già để cùng thảo về vấn đề thống nhất Phật giáo đoàn kết Tăng già, hết thấy đều hưởng ứng nhiệt liệt, đã đi đến kết quả một kỳ Đại hội đồng toàn thể Tăng già và các hội Phật ở Bắc Việt. Hội nghị này đã duyệt y bản quyết nghị nhằm vào mục đích điều hòa các Hội Phật giáo, thực hiện tinh thần thống nhất Phật giáo với một ủy ban Tăng già Bắc Bộ được cử ra lãnh trách nhiệm đó. Tôi được cử làm phó chủ tịch ủy ban này.

Công cuộc của Ủy ban Tăng già Bắc Bộ đó đang tiến triển thì cuộc chiến tranh Việt-Pháp bùng nổ, dân chúng và các Phật tử ở Hà nội chạy loạn hầu hết còn mấy vị chúng tôi, từ, sinh phó mặc cho định nghiệp, liêu chết ở lại chùa Quán Sứ, lẽ cố nhiên phải đương đầu với đầy thảm trạng đau thương, cũng đều trông cậy có Phật lực che chở cho qua cơn sóng gió hết sức nguy nan khủng khiếp mới còn đến ngày nay, lại hân hạnh được sang nước Phật đây để được gặp gỡ các Phật tử thế giới.

- Tình hình hoạt động hiện tại Phật giáo Việt Nam ra sao?

- Về giới xuất gia thì ở Bắc Việt và Trung Việt đã có tổ chức thành Tăng già giáo hội, đều theo một mục đích chính lý nội bộ tu hành, còn những hội Phật giáo có đủ cả tăng lẫn tục như HỘI ĐẠI BỒ ĐỀ đây thì hiện thời có ba hội có ảnh hưởng lớn và cùng chung một tôn chỉ phụng sự Tam bảo, chân hưng Phật giáo, ngoài ra còn thực hiện tôn chỉ cứu thế, làm các việc cứu tế xã hội nữa”.

Sáng ngày mùng 9, ông Tổng Thư Ký cho mời tôi và ông PHẠM CHỦ đến tư phòng, tôi nhân danh Hội trưởng hội Tăng Ni Bắc Việt kính biểu ông một tập báo Phương Tiệm và yêu cầu ông giúp đỡ bài vở cho báo Phương Tiệm. Ông rất vui vẻ nhận lời còn nói thêm rằng: “Nếu tôi vì bạn mà chưa kịp viết bài gửi sang, thì Thượng toạ được tự do trích dịch những bài vở trong tạp chí Maha Boddhi của hội chúng tôi để đăng vào Phương Tiệm.” Tôi tỏ lời cảm ơn. Ngài nói: “Đây là sổ sách báo của Hội chúng tôi biểu phái đoàn Phật giáo.” Ngài nói tiếp: “Thượng Toạ muốn chụp ảnh Phật hoặc các pháp bảo trên chùa đây, cứ việc gọi thợ ảnh đến cho họ làm. Còn như muốn mua phim thì để thư thả tôi sẽ giúp, hiện bây giờ chưa tiện có.”

Ngay lúc đó tôi liền gửi Ngài 1000 đồng roupies (theo tiền Đông dương lĩnh 4000\$) để Ngài mua giúp các kinh sách báo chí về Phật giáo, nhận tiền xong, Ngài lại nói: “Tôi đã bàn định với Ngài Hội trưởng Hội chúng tôi để mời các Phật tử địa phương này đến 6 giờ chiều ngày 22 tháng 5 này đến tiếp Thượng toạ và Phái đoàn, xin Thượng toạ sẽ diễn giảng vào kỳ đó. Ngày mai, Thượng toạ đi chiêm bái, tôi đã cử một vị Đại đức đi hướng dẫn và đã báo cho các nơi biết, nhưng không nói sẽ đến đích vào ngày nào, vì đường tự nơi này đến nơi khác, hàng mấy trăm cây số một, mà lại đương mùa nắng nực, e đến không đúng để nhờ việc cho người ta, chắc điều đó Thượng toạ cũng đồng ý.”

- “Ngài nghĩ thế thực chu đáo”. Tôi trả lời và hỏi thêm: “Ngày nào chúng tôi đi Colombo dự Hội nghị Phật giáo Thế giới?”

- “Tôi đã biên thư đến ban Trị sự của chi hội chúng tôi ở đó và có gởi thư riêng cho ông RAJA HEWAVITARNE là phó Hội trưởng Hội MAHA BODDHI TÍCH LAN để đón tiếp và sắp đặt nơi ăn nghỉ, cả bản đề nghị lên Hội nghị Phật giáo Thế giới của Thượng toạ, tôi cũng đã gửi đi rồi.”

9. – CHIÊM BÁI BỒ ĐỀ TRÀNG

Chư Tăng và ông Tổng thư ký Hội Đại Bồ Đề đã sửa soạn chương trình đưa chúng tôi đi chiêm bái các nơi Phật tích.

Đúng 7 giờ tối mừng 10 tháng 5, ô tô đến đón chúng tôi với Đại Đức hướng đạo ra ga Houral lấy vé lên tàu. Đêm đó, chúng tôi phải ngủ ở tàu. Vì chúng tôi đi hạng nhất nên được rộng rãi, thư thái lắm. Nhân dịp thư thái, Đại Đức hướng đạo có cho chúng tôi được nghe một đoạn lịch sử Đức Phật tổ tu ở Bồ đề tràng như sau: “Đức THÍCH CA khi còn ở nhà là Thái tử TÁT ĐẠT ĐA, đã nhiều lần xin Phụ vương đi xuất gia không được, đến một đêm kia thanh vắng, Thái tử bèn cưỡi ngựa vượt thành trốn vào tu ở Tuyết sơn suốt 6 năm, ép xác quá khắc khổ, đến nổi nhịn ăn, nhịn mặc, làm cho thân thể gầy còm chỉ còn da bọc xương. Đã đến lúc Ngài không còn đủ sức lực để tu nữa, lúc đó Đức Phật mẫu ở trên cung trời thấy Ngài yếu quá, sợ đến chết mất. Phật mẫu vội vàng tạy trời xuống khóc than mà khuyên rằng: “Nếu như Bồ tát Ngài cứ tu ép xác quá như thế để cho mình gầy, sức yếu mãi đi thì còn hơi sức đâu mà tu hành cho đến chúng được đạo quả”. Nghe Đức Phật mẫu khuyên răn đã hết điều, Ngài mới đổi chí hướng, bỏ Tuyết sơn xuống Buddhagaya (xứ Bồ đề tràng) xuống sông Ni Liên tắm tấp rồi lại mặc áo cũ rách vào mình, đi đến cây Bồ đề, đương ngồi vá áo thì có ông VÔ CẦU QUANG là vua cõi Trời Tịnh Cư trông thấy, liền đem cái áo Cà sa xuống dâng. Lúc đó lại có Cô Nan Đà đương đi chăn bò thấy Ngài gầy gò, liền về nấu cháo sữa đem ra dâng cúng. Ngài dùng xong, lại có người cắt cỏ đem cho một bó. Ngài đỡ lấy rải xuống gốc Bồ đề, ngồi lên cương quyết thề rằng: “Ta lên ngôi đây tu thuyền mà không chúng được đạo quả, thề không bao giờ chịu bỏ cõi Bồ đề này mà đứng dậy”. Vừa dứt lời thề, thì hào quang ở đầu Ngài chiếu ra chói lọi khắp mọi

nơi, quả đất đã nhiều lần rung động làm cho bọn Ma vương khùng khiếp, chúng nó liền hô hào kéo nhau đến, ra oai đánh đập, bắn chém tứ tung, toan bề hại Ngài, nhưng bao nhiêu guom giáo, cung tên của bọn chúng đều biến ra hoa sen cả. Bọn Ma vương vẫn chưa chịu, lại bảo nhau hoá phép ra làm mưa, làm bão tưởng chừng đến long trời, lở đất. Bổng có Thần Hộ pháp hoá rắn uốn khúc che kín cho Ngài. Nó cũng chưa chịu, lại càng bức tức hơn nữa, cùng nhau chạy về cung, Ma vương lại cấp tốc sai con gái của chúng đem bộ sắc khuyh thành ra phô diễn đủ trò bỉ ổi, toan bề cám dỗ khiêu động ái tình của Ngài, kết quả đều bị thần lực của Ngài chuyên biến cho các Ma nữ, yêu nữ, cô nào cũng hoá ra mặt búng, môi nhọt, đầu bù, tóc rối, sau đều phải bảo nhau quỳ xuống xin Ngài mở lòng lân mẫn cho được hoàn lại nhan sắc cũ, sẽ xin làm lễ quy y.

Sở dĩ Ngài hàng phục được bọn yêu ma ác nghiệt ấy, là vì chí nguyện của Ngài chỉ lo âu về sự đau khổ của chúng sinh, muốn tham thuyên để tìm đến cội nguồn của phép diệt trừ đau khổ mà cứu độ chúng sinh ra khỏi bể thâm thành sâu. Chí nguyện bền vững ấy, đạo lực mạnh mẽ ấy, bọn Ma vương quý quái kia ám hại làm sao cho nổi?

Hàng phục được bọn Ma vương rồi, Ngài lại vào ngôi Đại định vừa 48 ngày thì ngộ đạo. Vua Đế Thích hiện xuống chào mừng và thỉnh Phật đi truyền đạo để cứu độ chúng sinh”.

Tàu chạy suốt đêm cho đến 7 giờ sáng mới đến ga Thành Gâya. Từ đây đến Bồ đề tràng là nơi Phật Thích Ca tu thành đạo còn 14 dặm Anh nữa, phải vào hàng com của sở Hỏa xa điểm tâm. Ăn xong, lại ra ô tô đến Trụ sở chi nhánh Hội Đại Bồ Đề ở Gâya. Vào uống nước, nói chuyện qua với cụ Trụ trì; Sư Cụ Trụ trì cũng cùng đi với chúng tôi vào Bồ đề tràng.

Sư Cụ bản tự nói: “Ô tô đi đây là chạy qua con đường sông Ni Liên”. Sư Cụ nói, tai tôi tuy có nghe, nhưng vẫn chăm chú để mắt nhìn tất cả cảnh vật của nơi Phật tích mà bản tâm tôi kính thờ, ngưỡng vọng gần nửa đời tu hành. Vì nơi đó

có hàm súc đầy sự huyền bí, huyền bí cả từ gốc cây ở mặt đất, cho đến vì sao ở trên trời. Chả thế mà hoàng tử TẤT ĐẠT ĐA tu khổ hạnh ròng rã sáu năm ở Tuyết sơn không thấy chúng đạo quả, khi đến đây chỉ một lần tắm ở sông Ni Liên, dùng một bát sữa của Mục nữ, rồi tiến đến gốc cây Bồ đề ngồi, suy nghĩ vừa 48 ngày, bỗng một sáng mai thấy sao mai mọc mà ngộ đạo thành Phật.

Ôi! Khu đất Bồ đề tràn sao rộng rãi thế, bao la có đến mấy mươi mẫu đất, thỉnh thoảng lại nổi bật lên một khu cây cối um tùm che phủ cho đám dân cư giữa bãi cát vàng đương nắng như rang của nhiệt độ.

Ô tô vừa dừng bánh, một số thổ dân cả già, trẻ, trai, gái chạy ra, nhưng không phải để đón chào mà là xem khách lạ, vì tôi ăn vận phục sức Tăng già Việt Nam, họ thích nhất là khi được nhìn thấy bộ răng đen của tôi, hoá nên tất cả đều chăm chú nhìn vào tôi. Tôi nghe thấy trong bọn họ có một người chỉ vào tôi hỏi Sư Cụ bản tự: “Người này là thế nào?” – “Cũng tu hành như tôi”. Bấy giờ họ mới chào.

Đến nơi, chúng tôi cùng tiến bước lên đồi. Tôi ngừng mặt trông lên Phật điện và cây Đại Bồ Đề với tất cả cảnh vật chung quanh. Ôi! Sao mà đồ sộ, sầm uất thế. Lúc đó tưởng chừng như mắt tôi được thấy bảo tháp của Phật Đa bảo hiện ra: nghe kinh Pháp hoa trên hội Linh sơn của đức THÍCH CA còn tại thế. Vào đến gần Phật điện, nhờ người trông hành lý, ai nấy đều trút bỏ dép rồi mới được vào. Đến trước đài hương, ông Cẩn dâng hương, lại có ông già thổ dân đem đến bán hoa, ông Chử trả tiền, tôi đỡ lấy một tràng hoa dâng lên cúng Phật, theo lễ Ấn Độ tức là đeo vào cổ Phật, còn một lẵng hoa nữa dâng ở bàn thờ. Tôi cũng như mọi vị đều quy lễ độ 40 phút, niệm hồng danh đức Bản sư THÍCH CA.

Quả thực lúc đó tâm tôi thổn thức, mắt tôi rơm rớm, nhìn lên Chân thân Đức Thế Tôn. Tôi không khấn cầu với Từ phụ một điều gì cả. Trái lại chỉ thấy tự hổ mà suy nghĩ rằng: “Xưa Đức Thế Tôn cũng là người, sao Ngài sống với cuộc đời trong

sạch sáng sửa? Nay con cũng là người, mặc dầu đã theo Ngài xuất gia mà vẫn sống chung với cuộc đời xấu xa, tối tăm mà người ta còn đờng thi nhau đem màn ám muội mà che phủ cho tối mù mịt thêm mãi đi. Ngài cũng là người tu, mà tu đến giác ngộ chân lý vũ trụ, nhân sinh. Con cũng là người có Phật tính, có tu hành, mà sao đối với chân lý vũ trụ nhân sinh, con chỉ thấy tối như đêm dày như đất.

Trăm lạy, nghìn lạy Đức Thế Tôn, xin rủ lòng từ điểm hoá cho con cùng chúng sinh được giác ngộ”.

Lúc đó rõ ràng thấy tôi có cảm tưởng như nghe thấy lời Phật dạy rằng: “Này Cùng tử con ơi! Ta đã cảm thấu lời của con vừa hồi hận với thân thể của con, ta cũng thương lắm rồi. Ta thương con thì những lời ta dạy bảo con đây, con cần phải suy nghĩ mà nhớ như chôn vào ruột đầy nhé. Này con ơi! Cõi trần thế là nơi bể khổ, con còn nhớ không? Quả đất này con đã có bao kiếp sinh ra cũng gửi ở đó, khi con chết đi cũng lại về với nó, con còn nhớ không? Con đã có bao phen ở quả đất này làm loài cỏ cây đến làm loại cầm thú, côn trùng, cho đến khi làm người, khi vinh khí nhục, khí đắc, gian lao lận đận với bao nhiêu trần thế đau khổ, chưa chắc nước bể đã nhiều hơn nước mắt của con đã vầy vùng khắp cõi với những đau thương khổ não. Nếu con đã biết khổ lại cần phải biết dục tâm, vọng ý của con là cõi rẻ khổ, con phải tức khắc chém chặt cho tiết giống dục tâm, vọng ý đi, như thế là con cũng được giác ngộ và thoát khổ như tứ phụ của con đây. Nếu con chỉ than thở thân là khổ, đời là khổ mà không chịu tinh tiến nhẫn nhục mà tu thân hành đạo, thì con còn khổ”.

Lễ tạ xong, đứng dậy, lúc ấy tôi mới dám để mắt nhìn trong lòng Phật điện, chỗ tôi vừa lễ đây chỉ rộng bằng hai căn nhà thôi. Tượng Đức Thích Ca ngự trên tòa Kim cương, hai bên là tượng Di Lạc Bồ tát. Còn có một pho tượng đứng ở giữa mà đứng ở dưới đất. Sư cụ trụ trì liền chỉ vào pho tượng đứng đó mà cho biết rằng: Bồ đề tràng này đã bị giáo Bà la môn chiếm một thời gian, tượng thần SI HOA đứng đây là

thần độc tôn của họ. Nay tuy đã trả Bồ đề tràng về Phật giáo, nhưng họ viện cớ rằng Thần SI HOA của họ được thờ ở Phật điện đây, cũng như các chùa thờ tượng Phạm Thiên, Đế Thích bên dưới tượng Phật vậy. Vì thế họ còn xin thờ tượng Thần SI HOA được Phật điện.

Về phía sau Phật điện lại còn có hai thánh điện thờ tượng Ngài Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên, chúng tôi đều có tới dâng hương lễ. Lễ xong các nơi mới xuống dưới Tháp để nhìn xem các kỳ công đệ nhất của Vua đệ nhất anh hùng trong lịch sử Ấn tức là Vua A Dục. Ngài đã xây lên tòa Phật điện ở đây và còn nhiều nơi có dấu vết của Phật Thích Ca cả về quá khứ lẫn hiện tại. Có lẽ các cảnh kỳ quan của Phật giáo thế giới phải để nhường tòa Phật điện ở Bồ Đề Tràng là đệ nhất. Phật điện cao gần 80 thước tây mà xây trên đồi. Từ đỉnh đến chân và chung quanh, tứ phía đều bằng đá trạm trở hình tượng Phật, Thánh và hình tượng bát bộ Hộ pháp, còn trạm trở nhiều cảnh mỹ thuật về Phật giáo nữa. Còn có tới gần 1000 ngọn tháp vừa to vừa nhỏ ngọn có trạm trở, ngọn để trơn, và còn nhiều thạch khí, trạm thành bình pháp khí, pháp bảo để bày xung quanh. Muốn xem để nhận xét cho hiểu biết phải mất một thời gian khá lâu, và phải có nhiều người học rộng về Phật giáo mới có thể hiểu biết được các điển tích xây tạc ở đây.

Sau chúng tôi ra chiêm bái tòa Kim cương ở bên cây Bồ đề về phía sau tòa Phật điện. Ở đây cũng có tượng Đức Thích Ca ngồi, nhưng tượng tạc liền vào một tảng đá lớn rồi xây liền vào vách đá ở phía sau Phật điện chứ không tạc ngồi vào tòa Kim cương. Tòa Kim cương này tôi có đo theo thước ta, chiều dài 5 thước, chiều rộng 3 thước, trong lòng để trơn, chung quanh trạm, tựa như hình cái sập trạm bóng.

Theo lời Phật dạy: “Vị Bồ sứ Bồ tát nào khi xuống Sa bà để nối ngôi Giáo chủ, cũng đều đến tòa Kim cương này ngồi tu phép Đại định cho đến chứng đạo thành Phật mới lên nối ngôi Giáo chủ cõi Sa bà”, Chư Phật trước Phật Thích Ca và

sau Phật Thích Ca đều tu hành thành Phật ở tòa Kim cương này. Thế nên, mặc dầu bao thuờ phong sương, bao lần ba đào đến long trời lở đất, làm cho cõi trần thế nghiêng ngả, tòa Kim cương này cũng vẫn còn ở nguyên. Đó chẳng là chân tướng của lý “bất sinh, bất diệt” ư?

Đến cây Bồ đề, trông hình dạng ngoài vỏ cây, hơi trắng trắng lại vàng vàng, lá xanh và mượt, tán nó dương xanh ngắt tận chín tận từng trời, rườm rà, âm u khắp khu đất để che vào tòa Kim cương là di tích thiêng liêng bất diệt. Sư cụ bản tự cho biết rằng: “Cái gốc to kia mới chính là cây Bồ đề che phong sương, mưa nắng cho Đức Thích Ca thuyên định đến giác ngộ đáng tiếc không còn, bởi vì trước đây giặc Hung nô sang xâm chiếm Ấn Độ, tàn phá chùa tháp. Chúa họ là Ca Xăng Ca (Cacanka) hạ lệnh đến phá chùa giết sãi và chặt cây Bồ đề của Phật ngôi tu đi rồi. Cây Bồ đề này đây chỉ là cái nhánh của nó mọc lên đấy thôi. Qua bốn thời xuân, hạ, thu, đông cũng đều xanh tốt âm u như thế này cả. Chỉ có đến ngày kỷ niệm Đức Phật tịch diệt là nó ủ rũ, rầu rĩ, rồi trút rụng đi hết cả lá, nhưng chỉ qua ngày lễ là lại đều đâm lộc, chùng tuần lễ, cành nào cành ấy đều lại mượt mà, sin sít như thường”.

Sư cụ trụ trì nói tiếp: “Lịch sử Phật tổ Thích Ca có nói: Khi Đức Phật Thích Ca chứng đạo thành Phật, Ngài phóng hào quang chiếu đến cõi trời Đại Phạm. Vua cõi trời ấy có chiêu tập các vị thiên nhân mà bảo rằng: Thái tử Tất Đạt Đa tu đạo Bồ Tát ở dưới cây Bồ đề, nay Ngài đã chứng được đạo chính đẳng, chính giác là đạo sáng suốt hết thảy mọi lẽ. Ngài đã đem đạo ấy may làm áo nhẵn nhục, đúc làm grom trí tuệ, hàng phục hết bọn Ma vương rồi, nay Ngài đang quanh bánh xe pháp để vận chở chúng sinh lên ngàn giác. Chúng ta tuy có phúc sinh ở thiên giới, làm người giới nhưng đối với Phật thì vẫn còn là chúng sinh, nay gặp được hội Ngài thuyết pháp, thực là hiếm có. Vậy nay chúng ta phải đến để chiêm bái, cúng dâng uy dung của Ngài.

Xưa Công chúa Sanghamitta chiết cành Bồ đề ở đây đem sang Tích Lan chao tay cho một vị Lão tăng đem trồng, đến nay cây Bồ đề đó đã thành một cảnh Phật tích nổi danh với hoàn cầu của đạo Phật Tích Lan. Kế đến một Phật tử ở Tích Lan lại chiết cành ở cây Bồ đề bên đó đem sang Ấn Độ trồng ở vườn Lộc uyển. Cây Bồ đề ở Lộc uyển hiện giờ cũng đã lớn đầy hai người vàng”.

Lúc ấy ký giả có một cảm tưởng tựa hồ như cây Bồ đề nó đương bảo rằng: “Này khán giả! Núi Tuyết sơn kia là nơi hiểm trở, rét mướt độc nhất của dãy Hy mã Lạp sơn, lại là cảnh âm u, tĩnh mịch nhất của nhà tu hành, thế mà Đức Thế tôn tu ở Tuyết sơn không chứng đạo quả. Còn như giống cây Bồ đề ở Ấn Độ đây, có thể nhiều như giống cây “đa” ở xứ khán giả, mà nó lại mọc ngay ở giữa cánh đồng bãi cát nóng cũng không khỏi náo nhiệt của hoàn cảnh, thế mà Đức Thích Ca tu ở dưới gốc cây này lại giác ngộ”. Như thế có phải Đức Phật Ngài muốn biểu thị cho khán giả biết rằng: “Ngài không phải là ông Hoàng độc nhất tu thành Phật, Ngài cũng không phải là thần, thánh độc nhất hoá thành Phật. Ngài cũng như số hăng sa chúng sinh có Phật tính, Ngài chỉ đem một Phật tính như ai mà tu thành Phật đó”.

Dưới đây là do cảm tưởng của ký giả ngâm bài tứ cảnh:

*Thích Ca thành đạo ở nơi đây,
Thế giới ba nghìn, Giác ngộ đây,
Kìa gốc Bồ đề tòa Phật chứng,
Này ngôi Bảo điện tháp vua xây,
Khởi nguồn bát nhã sông Ni rót,
Dẫn mạch từ bi núi Thuru vây,
Giáo tổ vì đời nêu cõi giác
Cho người kim, cổ biết đường ngay.*

Tôi hỏi sư cụ bản tự:

- Bạch Cụ, bên gốc Bồ Đề này trước đây có pho tượng Đức Quan Âm Bồ Tát bằng đá to lắm, tương truyền rằng: hễ

khi nào tượng Ngài chìm xuống thì đạo Phật không còn ở Ấn Độ nữa. Đầu thế kỷ thứ sáu, Thầy Đường Tăng đến đây chiêm bái cũng đã chìm đến ngực, từ ấy đến nay đã bao thế kỷ rồi, pho tượng đá cố nhiên không còn nữa, nhưng Cụ có biết chìm xuống chỗ nào, xin chỉ giáo cho biết”.

Sư Cụ đáp:

- “Tôi cũng thất truyền tụng như thế, nhưng cũng không biết chìm xuống chỗ nào cả. Nhưng Thượng toạ có biết tại làm sao lại chìm thế nhỉ?”

- Bạch Cụ! Đức Quan Âm Bồ Tát có phát nguyện giúp Đức Thích Ca mà hoá độ chúng sinh cả cõi Sa Bà này; Một khi mà nước nào còn có tâm niệm đến Ngài thì Ngài còn ứng hiện, nếu không tâm niệm đến Ngài thì Ngài không ứng hiện nữa thế nên tượng Ngài vừa chìm đi hết là Phật giáo không còn ở Ấn Độ nữa”.

Đại Đức hướng đạo cho biết rằng: “Bồ Đề tràng này trước đây còn đang bị giáo Bà la môn chiếm, các Phật tử thế giới tuy không ra mặt tranh đấu với họ bằng cách bạo động, cũng không cậy thế lực đòi lại cơ nghiệp của Đức Giáo Tổ. Nhưng mấy ngôi chùa của Phật tử Ấn Độ, Trung Hoa Nhật Bản và Tây Tạng đều làm lên ở chung quanh kia, đều là có công nghiệp duy trì Bồ Đề tràng này. Bác sỹ PRASAD là Tổng thống Ấn Độ hiện thời, cảm thấy trí cương quyết duy trì Bồ Đề tràng của Phật tử mấy nước đó nên Ngài mới can thiệp đòi lại cho”.

Tôi nói tiếp: “Có lẽ Phật tử còn thương chúng sinh, nên giữa lúc ngọn Đuốc tuệ của Ngài bị lu mờ, tiếng cứu thế của Ngài bị im lìm ở xứ này mà các Phật tử ở Thế giới cứ điềm nhiên trong hoàn cảnh, ở đâu biết đâu: “Cha chung không ai khóc” để mặc cho người ta chiếm đoạt tổ nghiệp, thì nhục nhã biết dường nào! Chúng ta ngày nay khỏi mang cái nhục ấy là nhờ có chư Tăng mấy nước kể trên đã làm lên mấy ngôi chùa

đó để duy trì, xin Đại Đức dẫn chúng tôi đến để nhân danh Phái đoàn Phật giáo Việt Nam tỏ chút lòng kính phục”.

Nhờ có Đại Đức hướng đạo nên chúng tôi đến chùa nào, chư Tăng cũng lấy tình đồng đạo tiếp đãi rất quý hoá. Ngôi chùa chúng tôi đến cuối cùng là ngôi chùa thuộc về chư Tăng Tây Tạng. Chúng tôi đến chỉ có hai Sư bác ra tiếp, còn Sư cụ chủ với chư Tăng đang tụng niệm khoá ngọ. Vốn biết phần đông chư Tăng Tây Tạng tu theo Mật tông tức là môn tu thần thông, tôi có ý đi tìm Sư cụ chủ để cầu Ngài chỉ giáo cho môn trì chú. Thực đáng tiếc cho tôi còn vô duyên với Mật tông, nên khi đến phòng thấy Ngài đương ngồi thẳng thẩn với nét mặt vắng lặng, cặp môi đang rung động với trang thần chú, tôi vội vã lui ra, đến xem bộ kinh Tây Tạng bọc ngoài một vuông vải vàng. Tôi xin với Sư bác cho giở ra xem. Bộ kinh này theo thước ta, chiều dài tới thước bảy, rộng 7 tấc, còn có đến mấy trăm bộ kinh đều bọc vóc, nhiều để vào hai tủ kính thờ ngay trên Phật điện.

Ông PHẠM CHỮ đến cho tôi biết đã hết giờ của buổi chiêm bái Bồ đề tràng. Buộc lòng tôi phải nhờ Sư bác chuyển lời kính chào Sư cụ rồi theo Phái đoàn ra ô tô. Về đến Trụ sở Hội Phật giáo Gâya đã 11 giờ trưa, nghỉ ngơi một chút lại phải ra hàng cơm của nhà Ga ăn cơm ngọ, để đi cho kịp chuyến tàu 2g50 đến Bà la nại.

10. – CHIÊM BÁI LỘC UYÊN

Đúng 3 giờ chiều, tàu hỏa ở Gâya bắt đầu chạy, mãi đến 10 giờ đêm mới đến ga tỉnh BA-NA-NAI (Bénarès) đã có ô tô đón sẵn. Đi bộ 10 cây số nữa thì đến Trụ sở Chi hội Phật giáo Lộc Uyển cũng thuộc về Hội Đại Bồ Đề. Vào tới nơi, chúng tôi uống nước vôi vàng, rồi xin đi chào chiếu lệ cho phải phép, xong, đi nghỉ, vì đã phải hai đêm nằm tàu, ai nấy đều mỏi mệt và buồn ngủ. Sáng ra, Hòa thượng trụ trì cho người mời đến trai đường. Ngài tiếp chúng tôi ngay trong bữa điểm tâm sáng nay. Mở đầu câu chuyện Ngài cho biết quê quán ở Tích Lan, sang trụ trì chùa Lộc Uyển đã được 25 năm rồi, năm nay xuân thu đã mười năm.

Ngài hỏi: *Chư Tăng Việt Nam đều mặc áo như Thượng tọa ư?*

- *Vâng.*

- *Sao không mặc Pháp y luôn ở mình như chúng tôi?*

- *Chư Tăng Việt Nam phần nhiều ở nhà quê phải làm việc, nên không tiện mặc Pháp y, chỉ có lúc lễ Phật, tụng kinh mới mặc.*

- *Làm sao có Pháp y?*

- *Do các thầy Giáo sư truyền thụ trong khi thụ giới.*

- *Pháp thụ giới ở Việt Nam như thế nào?*

- *Ở nơi nào có nhiều chư Tăng tu hành thì phải mời mười vị giới hạnh cao cả, nơi nào ít thì mời năm vị. Các Thầy được mời đó sẽ kết đàn làm phép theo luật Phật dạy mà truyền giới và ban áo cà sa cho.*

- *Chư Tăng Việt Nam có kết hạ an cư không?*

- *Nhiều lắm.*

- *Chư Tăng Việt Nam có tu thuyền định không?*
- *Về các đời Đinh, Lê, Lý, Trần phần nhiều tu thuyền định, nhưng hiện thời phép tu thuyền ở Việt Nam đã thất truyền.*
- *Nếu vậy thì không có môn tu nào nữa sao?*
- *Còn có môn tu Tịnh độ là môn tu niệm Phật, nếu niệm được nhất tâm thì cũng như tu thuyền.*
- *Bạch Hòa thượng - tôi hỏi lại: Ở đây có ruộng không?*
- *Khu Lộc Uyển này có vô số ruộng, nhưng để mặc người bản xứ họ làm họ ăn, mình đi tu để làm Đạo chứ có đi tu để làm ruộng đâu.*
- *Không làm ruộng lấy gì mà ăn?*
- *Cứ làm Đạo tự nhiên đủ ăn, không làm Đạo mà chỉ đi làm ruộng, dù có cũng chưa chắc đã giữ được mà ăn.*

Đối với Hòa thượng này, tôi đã nhận được ở Ngài thổ lộ ra nhiều câu có đầy tư tưởng cao xa. Thấy tôi điếm tâm có vẻ ếu oải, Hòa thượng liền pha trò:

- *Tuy chúng ta ăn chay, nhưng cũng cần phải ăn khỏe mới có đủ lực lượng mà tranh đấu cho Phật pháp chứ?*
- *Vâng, phải đấy, nhưng tiểu đệ xin nói lời thêm:*

“*Phải tu khỏe nữa mới đủ tinh thần tranh đấu cho Phật pháp*”. Tất cả Tăng, Tục trong bữa điếm tâm này đều nảy ra những nụ cười tươi tắn.

Điếm tâm xong, ra ngoạn cảnh, thì ra hôm qua Phái đoàn Phật giáo chúng tôi ngủ ở trung tâm ba tòa nhà gác có tới tất cả 74 gian, kiến trúc theo kiểu “Tịnh xá”. Hòa thượng trụ trì cho biết rằng: Ông vua thương mại hiện thời của Ấn Độ là Birla (Biếc La) tự xuất gia tài làm nên tòa tịnh xá này cung tiến cho hội Đại Bồ Đề để làm trường Phật học. Trong nội dung ba tòa nhà gác này, chia làm nhiều ngăn. Ngăn để chư Tăng thường trụ ở, ngăn để khách tăng đến ở, ngăn làm trường Tăng học v.v... Ngoài ra còn có nhiều nhà phụ tùng khác nữa. Cách xếp đặt rất khéo, đây chính là trụ sở của hội

Phật giáo Lộc Uyển lại là trường Phật học của hội Đại Bồ Đề. Vì tháng này nóng nực quá, chư Tăng học sinh đều đi kết Hạ ở các chùa khác. Ở khu nhà tịnh xá đây không có Phật điện như các nơi, vì tòa Phật điện đã có ở giữa Lộc Uyển chỉ cách đây vài trăm thước tây.

Tôi đương ngoạn cảnh thì có người mời đi ra Phật điện chiêm bái. Khi đến Phật điện, nghi thức lễ bái cũng như ở Bồ Đề Tràng. Tòa Phật điện ở Lộc Uyển này là do hội Đại Bồ Đề làm lên, chứ không phải có tự cổ, nhưng cũng kiến trúc tựa như tòa Phật điện ở Bồ Đề Tràng. Tòa Phật điện mới này chính giữa cao độ 50 thước tây, còn tòa Bái đường có thể để cho vài trăm người lễ bái và ngồi nghe giảng được, rồi đến hai tòa “Chung lâu”, “Cổ các” đều cao độ 40 thước tây, bên ngoài tiếp liền với tòa Chấn môn, lại thành ra hình tòa Tam quan, làm theo kiểu kiến trúc này đẹp lắm.

Chính giữa Phật điện, chỉ thờ có một tòa tượng THÍCH CA ngự trên tòa Sư tử đá, trạm chỗ theo điển tích Phật chuyển pháp luân ở vườn Lộc Uyển. Chính giữa trạm bánh xe có hai con hươu quỳ chung quanh, bên ngoài là các Ngài: KIỀU TRẦN NHƯ, năm vị Đại A La Hán ngồi nghe Phật nói pháp Tứ đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo.

Bấy giờ chúng tôi mới đi xem các di tích ở Lộc Uyển. Khi còn ở Phật điện trông ra đã thấy một quả núi cao ngất trời mà cũng chẳng ra núi đất, cũng chẳng ra núi gạch, khi đến nơi, thì thời ôi! Phong xương ác nghiệt của thời gian đã vạc đẽo và bộn giặc giã tàn bạo đã cả gan tàn phá gần hết tòa Bảo tháp bằng đá trạm chỗ, đủ thiên hình vạn trạng, chỉ thỉnh thoảng còn lại vài tảng đá đeo bám vào mỗi chỗ, thực đáng buồn thay cho nơi Phật tích mà cũng phải chung với kiếp vận bề dâu!

Đại đức hướng đạo cho biết rằng: “Vua A Dục xây ở Lộc Uyển này hai ngọn Bảo tháp, một ngọn cách đây độ hai cây số, ngọn ấy xây để kỷ niệm chính chỗ của thánh tăng KIỀU TRẦN NHƯ với bốn vị bạn của Ngài khi thấy Phật bỏ lối tu quá khắc khổ, đi ra tu theo Trung đạo, nên cả năm thầy đều bỏ

Phật đến đây tu khổ hạnh, tức là vẫn kiên trì tu theo phép tiểu thừa là lối tu quá ư ép xác. Khi Phật THÍCH CA thành đạo rồi, Ngài liền đi tìm năm vị để giáo hoá, khi đến đây là gặp. Còn ngọn Bảo tháp này xây lên để kỷ niệm chính nơi mà đức THÍCH CA tìm thấy năm vị đem đến đây mới thuyết pháp “Tứ đế”. Ngọn Bảo tháp này còn có xá lợi của Phật, ngọn kia họ đào phá tứ tung ra để lấy đi mất hết rồi”. Nghe nói động tâm, tôi gần xa lẹ. Nhưng phải cố trấn tĩnh để tìm xem những quý vật của ngọn Đại bảo tháp này bọn giặc phá ra đem đi đâu mất cả? Đại đức Hướng đạo biết tôi đương suy nghĩ cố ý tìm tòi những cái gì thiêng liêng, huyền bí mà đức Phật Ngài đã cho đũa con lạc loài của Ngài được thấy ở ngoài Bồ đề tràng hôm qua, liền nói với tôi: *“Này Thượng toạ, ở sông Hằng có cái cầu xây toàn bằng đá trạm chỗ là do ông Chúa ác nghiệp phá lấy ở tháp đây đem ra xây đấy. Nhưng đây mới là xem Phật tháp bị tàn phá, bây giờ chúng ta đến xem Phật điện, Tăng đường còn di tích của lịch sử Phật giáo huy hoàng mà nay đều bị tan hoang”*.

Đi độ vài trăm thước, đến một khu độ ngót hai mẫu ta, toàn thấy những chân tường xây bằng gạch chỉ còn có sát mặt đất mà ăn sâu đến bảy thước ta, đều có đường đi thông với nhau, thỉnh thoảng lại có một chỗ độ bằng chiếc chiếu thụt vào. Đại đức hướng đạo hỏi: *“Thượng toạ có biết kiểu nhà Tăng làm có Thuyền hốt không?”*

- *Tôi có biết! Nhưng chỗ lổm vào bằng chiếc chiếu kia chứ gì?”* Tôi chỉ lên cái nhà bằng kềm đằng sau có cái cột đá đứng dựng to lắm, mà đã gãy một nửa, người ta mới làm hàng rào sắt để ngăn. Hỏi: *“Đấy là gì?”*

- *Đấy chính là Sư tử toạ của Phật ngồi để thuyết pháp khi còn tại thế. Sợ lâu ngày mưa trôi mất dấu tích, nên phải làm nhà kềm để che. Cột đá kia cũng của A Dục vương xây để ghi khắc lời đức THÍCH CA di chúc rằng: “Sau này đức Di Lặc ra đời khi tu thành Phật, Ngài cũng lại ra thuyết pháp độ sinh lần đầu tiên ở Lộc Uyển này.*

- Khu Lộc Uyển rộng độ bao nhiêu?

- Chu vi tới 50 dặm Anh (90 cây số), chung quanh có 3 cái hồ, khi Phật còn tại thế, Ngài thường tắm ở một hồ, giặt y phục ở một hồ và rửa bình bát ở một hồ. Khu đất này thỉnh thoảng lại nổi lên một quả đồi và nhiều cây cối. Đại Đức nói tiếp: *Thượng toạ chèo lên chóp quả đồi kia mà xem, sẽ thấy cảnh trí đẹp, thiên nhiên của nơi Phật tích*". Tôi liền đi một mình lên mặt quả đồi, thấy còn rất nhiều tảng đá trạm chỗ vắt ngổn ngang dưới rừng cây um tùm. Tôi ngắm xem tất cả cảnh Phật tích bao la man mác đã để lại bao nhiêu dấu vết tàn phá của phong sương và của những quân giặc Hung giặc Hời. Càng thấy cảnh, lòng càng thổn thức. Bài tôi vịnh tức cảnh dưới đây, chính là muốn miêu tả lúc đương uất ức với hai bọn giặc tàn ác vô đạo:

*Càng nhìn Lộc Uyển Phật trường xưa,
Toàn thấy lòng đau với lệ sa.
Rào sắt rêu phong tòa Tứ đế,
Vườn hiêu cỏ rậm lối Tam thừa.
Nhà Tăng hết đã cây chen đá,
Dấu Phật còn chằng Tháp với Hồ,
Cảnh ấy lòng này hương một nén,
Pháp luận mau chuyển chúng sinh chờ.*

Ký giả đương bồi hồi thổn thức, thì Đại Đức hướng đạo đột ngột làm dật nảy mình lên bằng câu hỏi: *"Có lẽ Thượng toạ đương thổn thức với cảnh vật tiêu tụy của nơi Phật tích này lắm thì phải?"*

- *Vâng, tôi đương ảo não lắm, tôi tưởng người tôi không phải là loài mộc thạch, đối với nơi Phật tích bị tan hoang sụp đổ này, ai mà không xúc động?*



Hỏi: - Sáng tạo ra nơi Phật điện vô biên công đức này, cũng là do một người có quyền hành độc nhất, đến khi hạ thủ phá hoại đi, cũng lại do một người có quyền hành độc nhất. Thượng toạ có thấy Đức Phật đối với người ấy ra sao không?

Đáp: - Vua Lương Vũ làm chùa để xuong mình đạo Phật, Pháp, Tăng, được hưởng phúc ở thiên đường. Vua Chu Vũ đui Tạng phá chùa để toan phá đạo Phật, Pháp, Tăng, phải chịu tội ở địa ngục. Vua A Dục tu đạo nên Phật Trường này, Vua Xa sang Ca giết Tạng chúng, phá hoại Phật Trường này, tất nhiên cũng như Lương Vũ và Chu Vũ, ấy là cái lẽ định đoạt của nhân quả phải theo thiện tâm với ác tâm của người đời mà thưởng phạt. Còn đến Đức Phật Ngài đối với người tu đạo, người phá hoại, Ngài đều vô tâm cả. Ngài chỉ cho người tu đạo, người phá hoại cũng như hai con chim sẻ húc núi Tu Di mà thôi. Vì tu tạo, đạo Ngài cũng vẫn còn, đến phá hoại, đạo Ngài cũng vẫn còn, cũng tỷ như núi Tu Di có bao giờ siêu đổ với sức húc của hai con chim sẻ.

- Thượng toạ có dám nhận nơi này là chân thực Phật địa không?

- Bàn về lý Phật tức tâm địa thì tôi không nhận, còn bàn về tông tích Phật địa ở nơi này thì tôi quả quyết nhận. Về tâm lý thì Phật dạy: “Người đời không được say mê nơi giả ảnh và giả cảnh mặc dầu cảnh vật và hình ảnh ở vào phạm vi hình thức nào. Phật cho rằng: Tất cả muôn hình vạn trạng ở đời đều là giả cảnh hay là giả ảnh rảo, vì thế mà tôi không nhận nơi này là chân thực Phật địa, trái lại chỉ nhận tâm tôi là chân thực Phật địa.

Bàn về Phật tích thì hiện tất cả Phật tử thế giới đều một lòng ngưỡng mộ về nơi Phật tích này vì nó có một giá trị thiêng liêng của Phật giáo, khiến cho người đời thấy cảnh phát tâm rồi tu hành đến “minh tâm kiến tính thành Phật” được. Giữa chúng tôi đây, hẳn ai cũng nhớ câu “Mượn cảnh chùa, Tượng Phật mà tu trì cho đến minh tâm: “Giả hương đài sắc tướng dĩ minh tâm”.

Ông PHẠM CHỮ vừa thông ngôn xong, liền cho tôi trông đồng hồ ở tay, thì ra đã gần 12 giờ rồi, liền cùng nhau vội vã về Hội quán thụ ngộ kéo Hòa Thượng cùng Chư tăng đợi.

Dùng cơm xong, đương ngồi uống nước thì Hòa thượng trụ trì thốt nhiên hỏi: “*Thượng tọa thấy lịch sử Phật Tổ Thích Ca nói về nơi Lộc Uyển này thế nào, xin cho chúng tôi nghe với?*” Nghe hỏi tôi lấy làm e lệ quá, vì tôi không nhớ hết, vả lại, không biết chỗ lịch sử tôi học nó có giống với Hòa thượng Ngài biết không? Vì sách Phật giáo nói về lịch sử Đức Thế tôn nhiều lắm. Nhưng thôi “đem chuông đi đấm nước ngoài” dù chẳng kêu ta cũng cứ đấm, dẫu chẳng cầu vinh nhưng cũng gỡ cho khỏi nhục vì dốt. Nghĩ thầm thế rồi Ký giả liền đáp:

- *Bạch Hòa Thượng, tôi xin kể sơ lược, nếu có sai lầm xin Ngài chỉ giáo thêm cho.*

Một hôm, vua cỡi ghe đại Phạm cùng với rất nhiều thiên nhân cùng đến chốn Phật thành đạo, lễ xuống sát chân Phật mà bạch rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, Ngài chỉ vì chúng sinh, đau khổ mà phải xuất gia cầu đạo để diệt trừ cội rễ đau khổ cho chúng sinh, nay Ngài đã thành Phật, xin Ngài mau chuyển xe pháp nhiệm mầu để giáo hoá cho chúng sinh. Chúng sinh đương mong chờ nghe pháp của Ngài không khác gì người đương đói mong được ăn, đương đói mong được sáng.

Bấy giờ Đức Thế tôn nhận lời thỉnh pháp của vua Phạm Thiên, mới đi tới vườn Lộc Uyển đây để tìm năm ông đệ tử trước cùng tu với Ngài là: Kiều Trần Như, A Tháp Bà, Bạt Đà, Ma Ha Nam và Thập lục Ca Diếp. Đến nơi tìm thấy đủ cả năm ông. Phật liền chuyển xe pháp Tứ đế mà giáo hoá rằng: “Này lũ các ông Kiều Trần Như! Các ông nên biết rằng: Năm uẩn là sắc, thụ, tưởng, thành, thức ở thân con người ta, nó mà nồng nàn quá là bị khổ, sinh là khổ, già là khổ, ốm là khổ, chết là khổ, yêu nhau mà phải ly biệt là khổ, ghét nhau mà cứ phải gặp nhau là khổ, muốn gì mà cầu cạnh không được là khổ, các ông nên biết, các sự phiền não Tham, Sân, Si, là cái

nhân nẩy ra mọi quả khổ, các ông nên đoạn trừ, cõi tịch diệt (vãng lạng) là cõi sung sướng nhất các ông nên chứng, đạo Bồ Đề là đạo giải thoát, các ông nên tu đi”. Phật vừa giáo hoá xong năm ông bỗng thấy tự tâm chứng được đạo quả A-La-Hán, tức là lên ngôi Thánh cao nhất hàng thánh của Tiểu thừa.

Sở dĩ có ngôi Tam Bảo là bắt đầu từ đây, Đức Như Lai Đại giác là ngôi Phật Bảo; bốn phép diệu đế: Khổ, Tập, Diệt, Đạo là ngôi pháp bảo; năm vị A-la-Hán vừa nói trên là ngôi Tăng bảo. Nói tóm lại Lộc Uyển đây là nơi Tam Bảo địa mở ra trước nhất của Đức Giáo chủ Thích Ca của cả Phật tử thế giới”.

Đến chiều, tôi xem ý cả Phái đoàn đều có vẻ mệt mỏi, vì đi nhiều và thức đêm giữa lúc tiết trời nóng nực quá, mới cùng nhau bàn ở lại đây nghỉ ngơi một ngày mai nữa, rồi sẽ lại đi chiêm bái nơi khác.

Chiều hôm ấy, mãi đến 5 giờ, một vị Đại đức ở Hội quán đưa chúng tôi ra xem viện Bảo tàng. Đi bộ 500 thước tây thì đến. Lấy vé vào cửa rồi ai nấy đi xem tự do. Viện này ngày trước người Anh trông coi mới trả lại cho chính phủ Ấn Độ, Viện bảo tàng này khác hẳn với Viện Bảo tàng ở nơi khác, vì toàn có đồ đá và có đến 7/10 là di tích về Phật giáo ở các ngọn chùa tháp thuộc về các nơi Phật tích mà bọn giặc lấy đi không hết người ta đem về để ở đây. Ba tòa nhà có tới 20 gian rộng, ngăn đôi thành 40 gian. Bất cứ vật di tích lớn nhỏ đều để trong viện này mà đều đề chữ Anh đánh dấu niên lịch sáng tạo ra các vật bảo đó. Chúng tôi xin xem lướt qua cũng đã hết hai tiếng đồng hồ. Nếu muốn xem để nhận xét kỹ lưỡng phải hết đến tuần lễ, mà phải có lực học Phật rộng lắm mới hiểu hết điển tích.

Sáng hôm sau chúng tôi lại đi xem các cơ quan Từ thiện của Hội Đại Bộ Đề đã thực hiện được nhiều tôn chỉ từ bi, phương tiện để giúp ích cho dân chúng xứ này.

Phật tử chúng ta ai cũng phải phục về mục đích truyền bá về văn hoá ở đây. Mặc dầu là nơi Phật tích, nhưng chỉ là nơi thôn quê, dân cư cũng không lấy gì làm đông, thế mà Hòa thượng trụ trì Ngài tổ chức nên Thư viện về Phật giáo rộng bằng bốn căn nhà, đều có đủ hình kê vầy khắp cả, tủ nào bên trong cũng đựng đầy kinh, sách, có bàn ghế đầy đủ để cho độc giả ngồi. Bên cạnh Thư viện lại có trường học dạy theo chương trình Chính phủ Ấn cũng do Hòa thượng sáng lập nên, có đủ các lớp Tiểu học và Trung học. Các Giáo sư toàn là Phật tử phụ trách. Chúng tôi đương xem trường học lại có người rủ ra xem phòng phát thuốc làm phúc. Đến nơi thấy có nhiều người cầm chai lọ đến xin thuốc. Tôi vào chào vị y sĩ cũng là Phật tử, tôi liền hỏi: *“Mỗi ngày có độ khoảng bao nhiêu người đến xin thuốc, và tiền mua thuốc lấy ở đâu?”*

- *“Trung bình mỗi ngày có 100 người đến xin thuốc. Tiền mua thuốc để phát, đều do các Hội viên Hội Đại Bồ Đề góp nguyệt liễm và các nhà từ tâm giúp”*. Lúc đó tôi cảm động quá với tấm lòng vàng của các nhà mộ Phật xứ này, đã biết mộ Phật bằng thực tế, mới bảo ông PHẠM CHỮ khi về dâng Hòa thượng trụ trì 200 roupies (tính theo tiền Đông Dương linh 800\$). Đi qua phòng phát thuốc một quãng, lại đến bệnh viện cũng để làm phúc, cũng do Hòa thượng trụ trì đứng ra kiến trúc, nhưng độ hai tháng nữa thì mới làm xong.

Thực ra hai hôm nay tôi rất buồn rầu về hiện tượng tiêu điều tan tác của cảnh Lộc Uyển. Đến đây được thấy Hội Đại Bồ Đề thực hiện được cơ quan từ thiện để phụng sự nhân loại ở Lộc Uyển, do Hòa thượng trụ trì lãnh đạo, Ngài đã thực hiện được lòng từ bi của Đức Phật ra làm công việc cứu tế mà tôi đã mục kích. Tôi tin rằng: Nếu những việc “pháp thí, tài thí” này mà tiếp tục được mãi, thì nơi Phật tích này, có thể phục hưng được một cách rất nhanh chóng. Lúc đó tôi thấy tâm hồn vui vẻ, liền tức cảnh:

*Đạo có người làm, Đạo mới hay,
Này Bồ Đề Hội thực hành đây.*

*Học đường dạy trẻ thêm công hiến,
Thư viên cung đời đủ sách hay.
Phòng phát thuốc không, tiền Hội chịu.
Nhà thương làm phúc, đất Chùa xây.
Cứu dân độ thế noi gương Phật,
Phật ở lòng người mãi mãi đây.*

11. – CHIÊM BÁI SONG LÂM

Từ Lộc Uyển đến Song Lâm, nếu đi tàu hỏa phải lên ga tỉnh Ba-la-nại. Vì muốn xem cảnh tượng kinh đô của các Tôn giáo ở Ba-la-nại, nên 5 giờ chiều chúng tôi ở Lộc Uyển, ra Ba-la-nại, đến đây, chúng tôi đi xem cả bằng đường bộ lẫn đường thủy cho tới 9 giờ rưỡi mới lấy vé. Đúng 10 giờ tàu chuyên bánh, với con đường dài 300 cây số, cho tới 7 giờ sáng hôm sau mới đến ga Goruqua, xuống ga vào hàng điếm tâm xong lại ra ô tô đi đến 80 cây số nữa mới đến Song Lâm là nơi Đức Phật tịch.

May sao vừa xuống xe thì gặp được vị sư Ni người Tàu chừng độ 39 tuổi, thấy chúng tôi liền ra vái chào hết sức mừng rỡ, mời đón vào Chùa thì thấy đương tu đạo dở dang, gỗ lạt còn bỏ ngổn ngang, xem phong cảnh thì Chùa này cũng nghèo, nhưng lễ độ cư xử của người đối với chúng tôi thật đáng phục, chúng tôi gửi hành lý rồi ra chiêm bái. Ra khỏi cửa Chùa đã trông thấy Phật điện và Bảo tháp.

Theo lời Đại đức hướng đạo: *“Vi Đức Phật Thích Ca tịch ở đây, nên có nhiều xá lợi của Phật để trong bảo tháp này”*. Mục thước bảo tháp này cũng ngang với bảo tháp bên Lộc Uyển, mà vẫn còn nguyên vẹn, lại được Chính phủ Ấn Độ mới tu sửa lại những chỗ hư hỏng. Bên dưới chân tháp có Phật điện. Phật điện ở Song Lâm, mặc dầu có tu bổ lại, nhưng không đồ sộ nguy nga như các nơi khác, vẫn giữ nguyên cái khung khổ của một cái lăng cổ, xây vuông chạy dài khoảng 7, 8 thước tây, trên đỉnh có mấy cấp giống như bậc lên, có một cửa đi vào để lễ Phật. Cửa nhỏ hẹp chỉ đi lọt hai người. Tôi mặc áo cà sa sẵn, đến nơi quỳ lễ ngay chứ chưa dám nhìn lên. Xong ba lễ, tôi vẫn quỳ để toan khẩn cầu, bỗng thấy tâm hồn hoi hoi, nước mắt chạy quanh. Tại sao lại cảm động như thế?

Vì tôi vừa thấy tượng Từ phụ Thích Ca nằm mở mắt như khi còn hiện tại, tướng chừng như Ngài nhìn vào tôi, đây về từ bi lân mẫn, không khác ông bố nhìn nhận đứa con yêu mới đi đâu về. Lúc đó đối với Phật tôi cứ nhìn vào mắt Ngài tựa như đứa con hư hỏng, chót dại bỏ cha đi “tha phương cầu thực”, nếm trải bao nhiêu phong trần cay đắng, trải qua biết bao cảnh thế nổi chìm, ngày nay mới quay về với thân phụ. Tâm tôi càng xúc động thì mắt tôi càng chăm chú nhìn Ngài. Tôi bỗng khóc òa lên mà than rằng:

“Từ phụ của con ơi! Khi Từ phụ còn ở đời thuyết pháp mầu, tế độ chúng sinh, thì đứa con của Từ phụ này còn đang bị lưới phiền não vây phủ chân tâm, tự tạo lấy dây nghiệp báo để trói trằng trong bao kiếp luân hồi khổ não. Nay con đã được làm người, lại nhờ có thiện duyên xuất gia học đạo của Từ phụ, thì Từ phụ, lại đã tịch đi hơn hai ngàn năm rồi, thật đau đớn cho con biết nhường nào. Hôm nay đây, con được đến thăm dấu vết cũ của Từ phụ, chiêm bái trước sắc thân của Từ phụ, con thiết tha dâng lên Từ phụ tất cả lòng thành kính lẫn mối đau khổ của con và chúng sinh, dám mong mắt trí bao la, lòng từ quảng đại của Từ phụ lân mẫn xét soi”.

Lúc tôi còn đang ủ rũ quỳ trước mặt Phật mà khóc than, bỗng cảm tưởng như nghe thấy những câu an ủi từ miệng vàng của Từ phụ nói ra rằng:

“Này con ạ! Ta xưa cũng đều phải theo luật biến thiên, nghĩa là cũng như con nay, đã có hợp thì phải có tan, có sống thì phải có chết; nhưng sống là gửi mà chết là về. Thân ta tuy đã về cõi Niết bàn vô biên giải thoát, nhưng đạo lý của ta vẫn còn khắp thế gian, đạo của ta tức là thân của ta đây. Nếu con biết thương thân bao nhiêu, lại càng phải lấy đạo của ta mà dùi mài lấy thân bấy nhiêu. Con nghe lời ta, thực hành đạo của ta, quyết nhiên lúc nào con cũng thấy thân ta. Nghe lời ta, con sẽ độ được con và chúng sinh, tức là ta độ con và độ chúng sinh đấy con à!”

Không biết ai khéo ra mẫu cho thợ tượng mà họ tạc tượng Phật giống như in thế. Tượng Phật nằm gối lên khuỷu tay của Ngài mà lại mở mắt, hai con mắt giống như nụ sen xanh, nét mặt y như trắng rằm, thân Phật dài trượng sáu. Toàn thân Phật đều phủ kín bằng một bức gấm hoa, chỉ để hở có hai bả vai với hai bàn chân thôi. Phật nằm trên toàn đá. Trạm chỗ toàn những hình ảnh bi ai như lúc sắp vào Niết bàn. Buồn thảm nhất là hai tượng Ngài Ca Diếp và A Nan, là hai đệ tử nhất nhì của Phật. Tượng hai vị này quỳ khóc lóc bên tòa lúc mà Đức Phật Ngài sắp nhập diệt. Tôi còn đơng quỳ để chiêm ngưỡng mặc niệm, thì bỗng có khách vào lễ, đành phải vái tạ đứng lên. Nhưng tôi còn đi vòng quanh tòa Phật nằm, tôi lại đánh bại khế lật xem. Xem vừa xong, lại ra nghiêm trang đọc trước mặt Phật:

*Ba cõi đạo sư hiện tại còn,
Ngửa trông Đại giác Thích Ca Tôn.
Ba hai tướng báu y như đúc,
Tượng sáu thân vàng hết đồ khuôn.
Mặt nguyện hình dung bao phúc tuệ,
Mắt sen thấu đáo mấy càn khôn.
Chen hương khấn trước tòa Từ phụ,
Té độ quần sinh lẫn chúng con.*

Xưa kia Đức Phật tịch rồi, còn lập Hòa đàn để làm lễ phân thân, tức là làm lễ thiêu rồi lấy xá lợi rước vào tháp, còn bao nhiêu tro tàn đều để vào ngôi tháp ở nơi làm lễ phân thân mà chúng tôi sắp đến nơi chiêm bái bây giờ đây.

Từ Phật điện đến hỏa đàn còn phải đi qua một cánh đồng dài độ ba cây số. Mặc dầu đương nắng như thiêu như đốt của giữa trưa mùa hạ, chúng tôi cũng cố đi đến. Còn cách độ một cây số nữa, đã thấy cảnh hỏa đàn um tùm, tôi cứ tưởng hỏa đàn ở trên một quả núi giữa cánh đồng, nhưng đến nơi thì lại là núi gạch của cây bảo tháp bị tàn phá còn lại, phần nhiều gạch đã hoá ra đất, người ta đem trồng lên đỉnh nó hai cây Bồ đề, hiện thời hai cây đã tỏa ra thành cây bảo cái thiên nhiên

rườm rà che phủ cho cả quả núi gạch đất tới ba sào ruộng. Dấu vết của người ta đào phá ra để tìm xá lợi còn để lại suốt bên này sang bên kia giữa bảo tháp, ai là con Phật đến nơi này trông thấy cũng phải mỉm lòng sa lệ.

Chúng tôi lên tới nơi, thấy một cánh cửa bằng sắt tây, buộc vào cái cột bằng cành củi khô chôn xuống đất, mà cánh cửa thì đóng. Một mảnh giấy đỏ đề bằng chữ Hán rằng: “XUẤT HÀNH TẶNG PHẬT TUỆ”, nghĩa là: “*Khi ra đến đường phải làm cho đạo Phật thêm sáng sủa*”. Bên trong cánh cửa hiện ra một gian nhà cỏ đã cũ kỹ ở lọt vào góc cây bồ đề.

Bốn chữ hán với gian nhà cỏ ấy, khiến cho ký giả đoán chắc thế nào cũng lại có một vị xuất trần hiền tăng người Trung Hoa hay Nhật Bản bẻ quan tu thuyền ở đây. Chúng tôi còn đương ngòai nghĩ ở góc cây bồ đề thứ hai ở bên ngoài, bỗng nghe tiếng oan oan tiếng thổ đồng của vị Lão tăng người Trung Hoa từ trong cổng ra. Chúng tôi ai nấy đều vội vã đứng cả dậy, kính cẩn vái chào và bạch thực rằng: “*Chúng tôi là Phái đoàn Phật giáo Việt Nam đến chiêm bái*”.

Vị Lão tăng tỏ vẻ hoan hỷ lắm. Ngài toàn dùng tiếng Ấn Độ nói với người thổ dân đi cùng chúng tôi rằng: “*Bàn tăng ở đây chỉ có một mình thôi, không có nhà cửa, bàn ghế gì để mời quý khách vào nghỉ, cũng không có tiểu tăng đâu mà sai đun nước, xin mời các vị ngòai nghỉ chỗ cũ, để bàn tăng đi lấy bầu nước lã ra đãi quý khách*”.

Ngài vừa vào qua cánh cổng, đã xách ngay ra một bình nước giếng mà người ta mới xách lên cho, với mấy cái bát sành mời chúng tôi uống nước. Ngài đứng nói chuyện với chúng tôi đến hơn nửa giờ, cứ luôn mồm nói nói, cười cười rất vui vẻ mà đạo vị. Ngài còn cho biết rằng: “*Khi tôi (vẫn là Ngài), 31 tuổi, từ Trung Hoa qua đây chiêm bái, thấy các nơi Phật tích ở khắp Ấn Độ này đều bị vật đổi sao dời, vì phong sương, vì giặc giã đã tàn phá, nhất là ngôi mộ của Đức Giáo tổ chúng ta đây, bấy giờ còn tan hoang, bừa bãi lắm. Tôi lo các*

Ngài ngoại đạo cũng như các người du lịch trên thế giới họ phê bình đến số Trương tử của đảng Từ phụ là chư Tăng, Ni, chúng ta quên mất mồ cha khi khóc đống mối. Sau khi chiêm bái xong trở về Trung Hoa, tôi nhất quyết bỏ học, trốn thầy tôi sang ở đây, từ bấy đến nay đã được 25 năm rồi. Thổ dân ở đây người ta cho mỗi ngày một bữa cơm dưa muối, nhưng không bao giờ tôi phải nghĩ đến sự tôi đói cơm rách áo nơi đất khách quê người, chỉ một niêm gửi thân hoa cỏ cho được sớm khuya hương khói ở đây thờ cúng nơi phần mộ của Đức Từ phụ”.

Lão tăng hoan hỷ là đời tu của người đã báo hiếu được đảng Từ phụ, nên trong khi Ngài nói ra những câu cay đắng, xót xa, mà nét mặt vẫn vui vẻ tươi cười. Riêng ký giả nghe thấy thấm thía, mũi lòng sa lệ, bảo ông PHẠM CHỮ dâng kính Ngài một món tiền. Người thổ dân vội gạt đi nói:

- “Chứ! chứ! Lão từ khi đến tu ở đây, không hề cầm lấy tiền của ai cho bao giờ, chỉ có ai đưa đến cho gạo, củi, rau, muối thì Ngài mới nhận”.

Ký giả hỏi người thổ dân:

- Thế người có hay đi vào các làng không?

- Có, nhưng thỉnh thoảng thôi.

- Người xuống làm gì? Và có ai cho gì, lúc đó người có lấy không?

- Lần nào xuống, Ngài cũng chỉ đi giáo hoá, ai cho gì cũng không lấy và bảo: “Nếu cho lão thức ăn, xin quá bộ đem đến am cho, chứ lão không tiện mang”.

Câu chuyện đã dài, lão tăng liền mời chúng tôi đi ngoạn cảnh để người vào thụ trai kéo quá ngo. Tôi mừng thầm rằng sẽ lại được chứng kiến bữa ăn khổ hạnh của vị lão tăng mô phạm này. Tôi rủ các đoàn viên giả vờ đi ngoạn cảnh đây thôi, chứ ở đây chẳng có Phật điện, bảo tháp gì mà chiêm bái và ngoạn cảnh như các nơi.

Ký giả mượn cố ngoạn cảnh, bước luôn vào gian nhà cỏ, chợt thấy bàn tay khô héo đương dúm một thứ tựa như cám, bỏ vào miệng. Tôi nhìn kỹ thì trời ơi! Sao quá u khổ hạnh! Món thuyền vị mà lão tăng đương thụ đó là thứ cơm khô, rang lên rồi tán nhỏ, vì đã móm không còn nhai được nữa, cứ mỗi dúm bỏ vào miệng lại phải chiêu một hớp nước lã mới trôi được. Ký giả đánh bạo đi xem vài cái hũ và lọ sành để lỏng chông ở chân giường, mở ra xem thấy nhẵn không cá, chỉ còn cái vò con là còn độ mấy bát cơm khô, các đồ vật hành dùng chỉ có mấy tấm áo với một cái chõng tre, dưới gầm có vài cái hỏa lò để tay còn hơi nóng; được thấy rõ đời tu khổ hạnh của nhà xuất thế mô phạm, ký giả trở ra vừa gặp các đoàn viên với người thổ dân cùng đến cửa. Người thổ dân chỏ lên cái trạc ba ở lưng chừng cây bồ đề bảo tôi. Ký giả ngẩng lên xem, thấy tựa như hình cái chuồng chim bồ câu, tự nghĩ chắc không phải, vì nếu là chuồng chim thì phải có cửa, chẳng có lẽ nào Ngài lại nuôi chim? Hay là miếu thờ cô, cậu, song chẳng có bát nhan hoặc đồ thờ cúng gì cả. Ký giả đi tìm thang để lên thì ra đã bị lão tăng đoán cất đi rồi. Chùng hiểu ý tôi muốn lên xem để khám phá nơi huyền bí, nên lão tăng đương ở trong nhà ra bảo cho biết rằng: Không lên được đâu? Đây là thuyền thất riêng của lão tăng. Ký giả cảm phục quá, quay lại lễ Ngài rồi bảo ông PHẠM CHỮ chụp ảnh làm kỷ niệm, nhưng ba lần đưa máy ảnh ra, lão tăng đều lấy áo che mặt nhất định không cho chụp. Vì lòng khâm phục bậc lão tăng siêu việt, nên ký giả viết tặng Ngài bài sau đây:

*Xuất gia như Cụ mấy ai đây,
Một hạnh tu tròn, muôn hạnh hay.
Ngoài áo bát kia không bận bịu,
Trong am cỏ nọ lắm vui say.
Đã quen mùi đạo dưa cùng muối,
Nường thấy việc đời bọt với mây.
Nhấn nủ thuyền sơn bao Phật tử,
Song Lâm mau đến học Sư Thầy.*

12. – CHIÊM BÁI THỨU LĨNH

Ngôi chùa của chư Tăng Diên Điện cách núi Thứu chừng 6 cây số, chúng tôi định vào chùa này gửi hành lý rồi thượng sơn. Vì trời nắng quá, xem ý Phái đoàn ai cũng mệt mỏi cả. Cụ bản tự chùa Diên Điện lại bảo: “*Các Ngài nên nghỉ lại đây hôm nay, sáng mai mắt mẽ sẽ thượng sơn*”, đành vâng lời nghỉ lại. Mặt trời gần gác núi, nhiệt độ đã bớt nhiều, ký giả mời Đại đức hướng đạo đi xem phong cảnh ở ngay khu chùa. Đại đức hướng đạo cho biết: Ở đây còn di tích của hai thành quách xưa. Một di tích có tự thời kỳ trước Phật, mà chính vua Tần bà Xa la là người sùng mộ và ủng hộ Đức Phật THÍCH CA thứ nhất. Ký giả đến thăm di tích của thành quách về thời chưa có Phật thì nó chỉ là địa thế ỷ sơn, thủ hiểm của mấy ông tiểu Bá vương của mấy nghìn năm về trước, hiện giờ không còn dấu tích gì nữa.

Kể đến xem di tích, thành quách, lâu đài của các triều đại vua Tần bà Xa la ở một địa điểm bao la, núi non vây phủ, cây cối rất nhiều, tuy đương mùa nóng nhưng cỏ cây rất trù mật, chân tường của thành quách, chân móng của cung điện, đài các, trông dấu vết để lại rất mực quy mô, hùng tráng của kinh đô cổ kính dĩ vãng.

Đến ở giữa cự đô của vua Tần bà Xa la cố nhiên tôi phải hỏi tường mà hỏi đến chuyện thương luân bại lý của Thái tử A xà Thế là con vua Tần bà Xa la. Đại đức hướng đạo chỉ ra một nơi xa tít, âm u mà bảo tôi: “*Chỗ kia là nhà ngục mà vua Tần bà Xa la bị Thái tử A xà Thế giam chết, còn chỗ kia là lãnh cung mà Hoàng hậu Vi đề Hy bị con là A xà Thế giam cầm rồi được Phật đến cứu. Còn chỗ kia là trường đua của 500 con voi dữ say rược của A xà Thế thả ra để toan giết hại Đức Phật Thích Ca.*”

Ôi! Thảm mục thương tâm nào bằng cảnh ngộ, mà tai ương nghe những việc làm thương luân bại lý của kẻ đã phú quý cực nhân gian, mắt lại thấy bao nhiêu dấu vết oai hùng đã tan tác với phong sương, đã tan tành với sóng nước. Những cảnh ngộ chiều nay đã đưa Ký giả đi sâu vào chân lý vô thường của Đức Phật dạy. Nếu như ai không tin lý vô thường thì hãy nhìn vào sự thật khu đất tôi đang đứng đây, đang lúc thời vận cường thịnh của nó, đã có bao kẻ chém giết lẫn nhau, để tranh đồ nó. Tranh đồ nó để nắm lấy oai quyền nghiêng trời, lệch đất, để ăn ngồi trên miếng đỉnh trung. Bởi mù quán vì lợi danh nên không thấy lẽ thiêng liêng của luân lý, đến nổi lật đổ cương thường, cắt đứt cả giây tình nghĩa, như Thái tử A xà Thế, nếu ta không tin chân lý vô thường của Phật dạy “thế gian vô thường” thì thành quách, lâu đài của mấy ngàn xưa, giờ này đây, bao vương bá tranh hùng, miếng đất này giờ đâu? Trái lại khu đất này làm cho Ký giả hồi hộp, cảm xúc. Hồi tưởng lại những câu bất diệt của nữ thi sĩ Thanh Quan:

*“Đá cũng bẻ gan cùng tuế nguyệt.
Nước còn chau mặt với tang thương”.*

Hay:

*“Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Dấu cũ lâu đài bóng tịch dương”.*

Lúc này ký giả không còn đủ sức kìm lại mối bi quan. Vì xúc cảnh thương tâm nên cũng vịnh mấy câu để gửi lại mai hậu:

*Hỡi hồn tranh Bá đồ Vương,
Hỡi bao thành quách, miếu đường đây đâu?
Những ai Khanh, Tưóng, Công, Hầu,
Giang sơn còn đó thấy đâu anh hào.
Đài vãn, điện vũ nơi nao?
Bao vua chiến thắng, bao trào bại quân.
Nào phường hại nước hại dân,*

*Nào phân cật thế, cật thân hiểm sâu.
Lâu ca, gác múa, chén đào,
Từng bưng bao cuộc nay nào còn đâu?
Kìa kìa đá mọc cỏ tàu,
Nắng mưa bao độ bể dâu mấy lần.
Ta đây là khách ngoại trần,
Đứng trên cõi mộng, mấy vắn gửi ai.
Gửi ai là khách quan hoài,
Việc đời muôn sự có rồi lại không.
Gửi ai là khách cửa không,
Việc đời điên đảo bặt lòng mà chi.
Gửi ai là khách đắc thì,
Việc đời chớ để những gì mả mai.
Gửi ai là khách lỡ thời,
Việc đời bầy soá, soá thôi lại bầy.
Cuộc đời ai tỉnh ai say,
Cảm hoài đọc mấy câu này làm duyên.*

Vì muốn cho chúng tôi tránh đỡ sự nóng nực, nên sáng hôm nay mới có 4 giờ 30, Sư Cụ bản tự đã gọi dậy điễm tâm, để ai chiêm bái Thúu lĩnh.

Điễm tâm xong, vừa 5 giờ, chúng tôi bắt đầu ra đi, Đại đức hướng đạo hỏi: “*Từ đây đến Thúu lĩnh có tòa kết tập kinh của Tổ Ca Diếp và 500 vị La Hán ở tít trên đỉnh núi và có vài ngọn tháp của vua A Dục xây nhưng đã đổ gần hết, lại còn có nhiều trường Tăng học về thời Phật và sau thời Phật to lắm, nhưng hiện giờ các cảnh đó chỉ còn nền không thôi. Thượng toạ có muốn đến thăm không?*”

- “*Xin thôi, đến nơi thấy cảnh cũ điều tàn, người xưa khuất tịch, lại càng thêm cảm động thương tâm, cũng như mấy hôm trước đây, tôi thấy cảnh Phật tích ở Lộc Uyển, ở Song Lâm.*”

Thế là chúng tôi đi thẳng đường lên núi Thúu lĩnh. Từ chùa đến núi chỉ có 6 cây số, đường xây bực đá rộng rãi dễ

hơn đường đi chùa Hương Tích. Tôi hỏi Đại đức hướng đạo:
“Con đường đá này làm từ đời nào?”

- “Con đường này của vua Tần bà Xa la sáng tạo ra từ khi Phật còn tại thế, đồng thời nhà vua còn làm tòa nhà đồ sộ ở gần khu suối nóng, để cho các vua chúa đến thăm Phật nghe đạo được dễ dàng, trong khi đi lại và cư trú, tòa nhà đó hiện vẫn còn, khi trở về sẽ dẫn Phái đoàn đến xem suối nóng rồi xem tòa nhà ấy nhân thế”. Vì còn sớm, chúng tôi bảo nhau đi nhón nhờ để ngắm cây cỏ, núi mây của buổi sớm mai mà sức nhiệt độ của ánh dương quang chưa vén hết những ánh làn mây khói. Thật là vô biên thú vị của khách ngoại trần nhẹ nhàng theo gót ngoại vật thiên nhiên.

Chỉ độ 6 cây số thế mà chúng tôi đi từ 5 giờ cho mãi đến 8 giờ mới đến. Đến chân núi Linh thú, đứng mà ngắm không chỉ những ưu điểm của cảnh yên hà, còn có nhiều cảnh tượng bí tàng của nơi Phật tràng nữa. Dưới chân núi có thung lũng rộng rãi, khói mây; cây cỏ điểm tô như gấm, như vóc, các ngọn núi bao phủ chung quanh đều là những bức bình phong, xa xa có những dòng suối uốn quanh mà trắng xoá như bạc. Tâm hồn tôi lúc đó thấy nó phảng phất tiêu dao theo với những vần nhạc thiên nhiên của gió reo, suối hát, cỏ đón, hoa chào giữa cảnh núi Phật tích. Cảnh đẹp thiên nhiên thế ấy, đến những cảnh bi quan của vận tạo phủ phàng ở núi Linh thú cũng không kém phần đau đớn, khiến cho ai là Phật tử khi đến nơi cũng phải chau mày với mưa gió vạc đẽo của thời gian dĩ vãng.

Tôi thấy nổi lên sừng sừng những bức tường đá xây cao phủ lấy chung quanh lối lên Phật đài, tôi hỏi Đại đức hướng đạo sao lại xây dãy tường ở lưng chừng núi nhỉ ? Ngài cho biết rằng: “Chính phủ Ấn Độ mới cho xây để giữ lấy lối lên Phật đài, kéo dần dà lở mất hết. Kìa bao nhiêu những tảng đá ngổn ngang kia, đều là mới lở ở trên núi xuống đây”. Đại đức hướng đạo còn chỉ vào hòn đá bằng hai gian nhà đã nứt đôi

bảo tôi rằng: “Năm ngoái tôi lên, hòn đá này còn lạnh lặn, năm nay lên đã nứt đôi, sang năm lên có lẽ nó bay rồi”.

Đại đức hướng đạo lại dẫn chúng tôi đến một cái hang đá chỉ độ nửa gian nhà mà bảo rằng: “Đây là hang ngôi tu thuyền định của Tổ A Nan Đà từ khi Phật còn tại thế”. Tôi thấy cái hang của nhà Tiên giác đã hơn 2500 năm, mới định ngâm trong tâm, khi lễ xong, ta sẽ đến nơi này yên toạ một lúc để thưởng thức thuyền vị còn lưu hương của ngàn xưa.

Từ hang tu của Tổ A Nan Đà còn phải đi vòng quanh ngược lên một quãng dài nữa mới đến đỉnh núi là nơi có tòa Sư tử của Đức Phật ngôi thuyết pháp ngày xưa, mà cũng lại là nền cũ của tòa Phật đài này chỉ độ 5 miếng ruộng vuông vắn, đã phải xây đá bao bọc kỹ càng cho khỏi lở. Nền lát xi măng hãy còn lạnh lặn, sẵn có gió quét mưa rửa nên sạch sẽ lắm. Vì chùa đồ nên tượng Phật cũng rước đi nơi khác rồi, nhưng hương nến không đủ sức chống với gió của đỉnh núi cao, cho nên hễ thấp là sẽ tắt, sau đành phải lễ không hương, không nến.

Lúc chúng tôi lễ mới có hơn 8 giờ, hoá nên đỉnh núi còn nhiều đám mây khói chum phủ lấy cả người. Tôi đương quỳ lễ trong mây, bỗng nhớ đến câu: “*Linh vân kết tạo tràng*” do cảm tưởng ấy, nên khi lễ xong, tôi vịnh tức cảnh:

*Đầu lễ mây, rồi mắt ngắm mây,
Đạo tràng Thửu Lĩnh nghiêm nhiên đây.
Kìa tòa Sư tử in chân Phật,
Nọ cảnh Lô Âm tạc dấu Thầy.
Mạch Đạo đã khơi Nam đến Bắc,
Nguồn Thuyền từng rót Đông qua Tây.
Phong sương dù có mà xuyên tạc,
Ngàn giác mây thiêng vẫn thế này.*

Lễ xong, chúng tôi bàn nhau ở lại một tiếng để cho ai nấy có đủ thì giờ để ngoạn cảnh. Một mình tôi liền xuống hang tu thuyền của Tổ A Nan Đà, thực là âm u tịch mịch, sẵn có tòa

đá nhả mát, lại có thêm gió lùa mát mẻ, ngồi được một lúc, đã thấy thân thể nhẹ nhàng, tâm hồn phóng khoáng, dường như đã đi sâu vào cõi chân không. Mùi thuyền đã nếm, lại ngả lưng chơi thử giấc tiên nữa, đương lúc sắp thiu thiu thì Ông CĂN đến gọi ra về, lúc đó đã gần 10 giờ rưỡi rồi. Ra khỏi hang thấy nhiệt độ của nắng hạ như thiêu như đốt, vậy mà khi nằm trong hang tôi không biết gì là nóng cả.

Ký giả có vịnh bốn câu tức cảnh:

*Thủa mùa hạ nằm hang Thửu Lĩnh,
Gió Nam phong quét sạch trần hiêu.
Nửa giờ tự tại tiêu diêu,
Thú vui, vui thực khó điều mách ai.*

13. – THĂM SUỐI NÓNG

Đường về qua chùng bốn cây số mới đến suối nóng “Ôn tuyền”. Thoạt đến nơi, tôi cứ tưởng có hàng chục ngôi đền thờ của tín đồ Bà la môn, nhưng đến nơi xem thì không phải, vì dân Ấn Độ xem suối nước nóng này thiêng liêng lắm. Họ tin rằng: Ai nặng nghiệp xuống tắm gội là sẽ được nhẹ đi, cho nên họ xây đắp chung quanh mỗi cái suối là một cái đền đồ sộ, ở dưới lát đá hoặc trổ xi măng, lại có bệ ngồi tắm giặt. Họ còn xây máng cho nước suối chảy ra để tắm gội, mà suối nào cũng đều có ống ngầm cho nước thoát đi, coi có mỹ thuật và sạch sẽ lắm.

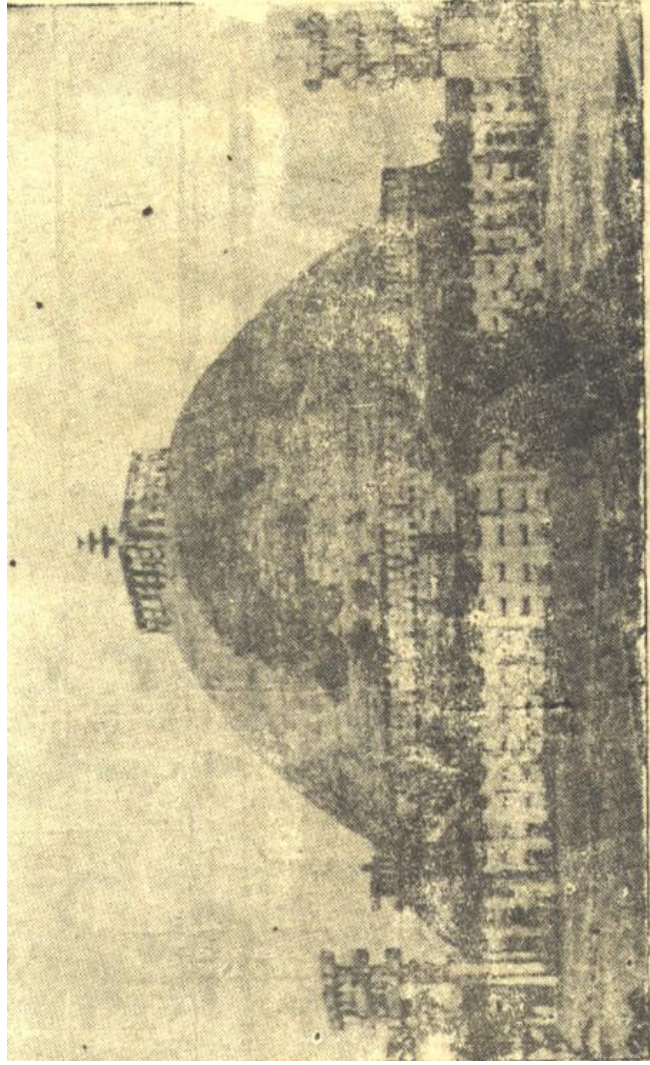
Lúc chúng tôi đến nơi, vì nhiệt đã mạnh lắm nên dân chúng lân cận ra tắm gội rất đông, không còn làm sao tìm được một suối vắng người để lau mình cho biết thú vị của “Ôn tuyền”.

Đại đức hướng đạo cho biết rằng: *“Về mùa đông thì dân Ấn Độ và Phật tử thế giới về Thửu Lĩnh chiêm bái, rồi ra đây tắm gội đông đúc không kể xiết. “Ôn tuyền” này còn là một cảnh du lịch của mùa đông, nên Chính phủ Ấn Độ đã phải làm một tòa nhà để cho khách du lịch có chỗ ăn nghỉ, nhưng hết mùa đông thì đóng cửa, bây giờ có đến, người gác cũng không cho vào”*. Chúng tôi chờ mãi đến 12 giờ trưa mới dành được một suối để xuống lau mình.

Thì ra suối nóng này quý thực, suối nào nước chảy ra cũng trong trắng như bạc, khi mới rửa thì âm ấm như mới hâm, nếu về mùa rét mà tắm rửa thì thực là như ý; khi rửa xong lại mát lạnh đi, tôi có vịnh tức cảnh:

*Phường Tây núi Thửu đạo khơi giông,
Có phải đây là suối nóng không?*

*Thương kẻ lạnh lùng khơi mạch ấm,
Vì đời vẫn đục mở nguồn trong.
Ử bầu nhật nguyệt chùng dư sức,
Hâm lửa âm dương đã tốn công.
Toan quấy quách về Nam Việt tám,
E rằng Phật quả sãi chơi nông.*



Bảo - tháp ở Sanchi thuộc xứ Bhopal

14. – CẢM TƯỞNG CỦA KÝ GIẢ ĐỐI VỚI CÁC NƠI PHẬT TÍCH

Chương trình đi chiêm bái năm nơi Phật tích trong khoảng 10 ngày, nay đã hết số ngày ấy rồi mà chúng tôi mới đi được bốn nơi, còn nơi Phật Tích Ca giảng sinh là Lâm Tỳ Ni (Lumbini) đành phải bỏ dở, vì Đại đức hướng đạo cho biết rằng: Phải đi đường bộ qua bãi cát vàng nóng của mùa viêm nhiệt chừng 30 cây số mới đến nơi, mà xem khí sắc Phái đoàn ai nấy đều mỗi mệt lắm rồi, vả lại còn phải nghỉ ngơi mấy ngày cho lại sức, để còn sang họp Hội nghị Phật giáo Thế giới tại Tích Lan, khai mạc vào ngày 25 tháng 5 dương lịch này. Vì những lý do ấy, nên chiêm bái xong ở Thuru Lĩnh, chúng tôi về thẳng ngay chùa Đại Bồ Đề nhằm ngày 19 tháng 5, Chư Tăng đón tiếp chúng tôi ngay ở phòng khách, sau dịp thỉnh an, Thượng tọa thư ký liền hỏi: *“Cảm tưởng của Thượng tọa trong dịp đi chiêm bái các nơi Phật tích thế nào, xin cho Chư Tăng chúng tôi được nghe với?”*

- Bạch các Cụ, Chư Tăng, trong 10 ngày chúng tôi toàn đi tàu, xe đến các nơi Phật tích mà còn thấy vất vả, nhọc nhằn, huống hồ Đức Phật Thích Ca ở thời đại trước đây linh hai ngàn rưỡi năm, đường xá chưa mở mang, tàu xe cũng chưa có, mà Ngài đi khắp 18 tiểu quốc trong 49 năm để truyền bá đạo pháp, giáo hoá chúng sinh, huống lại còn gặp bao trở lực của bọn ngoại đạo ghen tỵ, bài báng, và những chúng sinh ương ngạnh nan hoá, xem thế đủ biết tư tưởng hy sinh vì nguyên vọng lợi tha của Đức Phật bền bỉ, mạnh mẽ biết nhường nào? Nếu không phải là bậc Tử phụ, coi chúng sinh như con đờ, tự thụ lấy đau khổ trước chúng sinh đau khổ, hưởng sự vui sướng sau chúng sinh vui sướng thì ai làm được như vậy!

Cũng trong dịp đi chiêm bái các nơi Phật tích này, chúng tôi còn khám phá được những truyện yêu tinh, quỷ quái, dùng pháp thuật cao cường để đấu chiến với Tề Thiên Đại Thánh

toan bề bắt Đường Tăng ăn thịt cho được phúc trường sinh, những truyện đến nay tôi mới nhận ra nó đều do những khối óc hoang đường phịa đặt ra cả. Họ tưởng cốt phịa đặt ra như thế sẽ nêu cao giá trị cho Thầy Đường Tăng và Tôn Ngộ Không cho nó vui truyện thì truyện mới đắt, họ mới có lợi chứ họ có biết đâu là làm cho người thức giả càng thêm hồ nghi rằng: Sao đạo đức như Thầy Huyền Trang tại sao lại thua kém pháp thuật của Hành Giả Tôn Ngộ Không? Tệ hơn nữa là khiến số người thiên trí vào đạo Phật với con đường mê tín huyền hoặc. Đại khái các loại tiểu thuyết hoang đường đều có cái tai hại khốc liệt như vậy. Riêng tôi, tôi cảm thấy thầy Đường Tăng để lại đài gương chói lợi vô biên là do chỗ Thầy muốn thực hiện tinh thần từ bi cứu thế của Đức Thích Ca để cứu khổ nạn cho dân tộc Trung Hoa hồi đó. Vì từ cuối Tùy sang Đường trải mấy chục năm hầu khắp nước Tàu gây nạn binh hỏa rất là nguy kịch, người ta chỉ thấy nào cha mất con, vợ mất chồng, cô nhi nheo nhóc làm than, quả phụ cô đơn hờn oán, nhà cửa tiêu điều, ruộng vườn hoang dậm sô nhau đầy sáo trên đồng xương, vũng máu đồng loại. Người ta không còn biết tin cậy vào đâu để cầu bảo đảm tính mệnh, tài sản nữa. Bấy giờ họ mới tỉnh linh hồn mà quy tâm hướng về Phật giáo. Nhưng khôn thay, chính trị đã thối nát, Tôn giáo cũng rối ren, vì nổi chia môn rẽ phái, cái nạn công kích, bài xích lẫn nhau biến thành bao nhiêu hàng rào ngăn đường vào Phật giáo. Bồ cứu tai nạn tày trời ấy phải là bậc giác ngộ cùng tội chân lý của Đức Thích Ca mới mong làm được trọn vẹn. Vì lý do ấy, Thầy Đường Tăng phải dấn thân trên con đường xa xăm sang Tây Trúc, lao đao, lận đận, trèo non, vượt suối, giải nắng, dầm mưa khắp sứ Thiên Trúc mới tìm được Thầy học được pháp đến minh được tâm, ngộ được đạo của Đức Thế Tôn đem về quê hương, chuyển vận hội chiến tranh khổ nạn ra thời kỳ Phật giáo xương minh.

Các nơi Phật tích mà chúng tôi đã đến chiêm bái, sung sướng nhất là Bà la môn giáo đã trả Bồ đề tràng về Phật giáo

sau bao nhiêu năm bị chiếm đoạt, cũng nhờ có chư Tăng 4 nước làm chùa ở chung quanh để giữ gìn nên Bồ Đề Tràng vẫn còn nguyên vẹn. Nhưng chúng tôi không khỏi buồn rầu rằng: Thạch Tượng Ngài Quan Âm đã chìm mất mà Tượng Thân Sĩ Hoa của Bà La Môn còn thờ ở dưới chân bệ Đức Thế Tôn.

Đối với Lộc Uyển bị quan nào bằng, chùa xưa, cảnh cũ đã chung cuộc bể dâu từ bao giờ rồi. Tuy thế nhưng chúng tôi rất lạc quan là Quý Hội đã tân tạo lên Phật điện nguy nga, tăng đường đồ sộ. Quý hội còn chăn nuôi cho tinh thần nhân dân xứ Lộc Uyển bằng thư viện, bằng học đường điều trị cho thân thể của họ một khi có bệnh bằng dược phòng, bằng bệnh viện. Khi mục kích thấy cảnh Song Lâm, chúng tôi đều phải sa lệ trước cảnh bao la của Pháp viện, Tăng đường đều đã bị quân Hung, quân Hồi tàn phá. Nhưng kim thân của Đức Giáo Tổ với Bảo tháp Xá lợi của Ngài còn ngất trời. Đạo tràng Phật thuyết Đại thừa tại Linh Thứu, mặc dầu không còn hình thức ở đỉnh núi, nhưng tinh thần vẫn còn ở trong lòng người ở khắp thế giới. Đáng tiếc cho phúc duyên của chúng tôi còn mỏng manh nên không được đi đến chiêm bái khắp cả 48 tòa bảo tháp của vua A Dục xây để tôn thờ dấu vết thiêng liêng của Đức Thích Ca cả về quá khứ lẫn hiện tại ở khắp 5 xứ Ấn Độ này.

15. – DIỄN GIẢNG TẠI CHÙA HỘI PHẬT GIÁO ĐẠI BỒ ĐỀ.

Sáng ngày 20 tháng 5 năm 1950, Ông Tổng thư ký Hội Đại Bồ Đề cho mời lên phòng khách đàm đạo hồi lâu, ông cho biết rằng: “*Vì các Ngài không báo tin trước, nên hôm Quý Phái đoàn đến, bản Hội chưa có dịp hội họp đông đủ để được tỏ tình thân mật với Quý Phái đoàn. Nay bản Hội đã đưa thiệp mời chư Tăng và quan khách cùng thiện tín hội viên tới chùa Hội quán đây vào hồi 6 giờ chiều hôm 22 này. Hôm đó, trước khi khai giảng xin mời Thượng tọa lấy tư cách Trưởng Phái Đoàn Phật giáo Việt Nam sẽ chủ lễ khai xá lợi hai vị Thánh tăng mà Ngài đã dự lễ hôm vừa rồi, để cho mấy Phái đoàn Phật giáo các nước mới tới và các quan khách đều được chiêm bái*”. Sau khi nghe ông Tổng Thư ký nói, Phái đoàn chúng tôi ai nấy rất mực cảm động, đều đứng dậy cảm ơn.

Dưới đây là thiệp mời bằng Anh văn của Hội Đại Bồ Đề:

The Maha Bodhi Society of India request your presence at the Sri Dharmarajika Vihara, 4A, Bankim Chalterjee Street (College Square), Calcutta on Monday, the 22nd May, 1950, at 6 p.m., at a reception to be given in honour of the Buddhist Mission consisting of Venble Abbot To Lien (the leader), Ven ble Bhikkhu Thach Lich and Mr. Pham Chu, the Secretary of the Mission, sent by His Majesty Bao Dai.

Head of the Government of Viet Nam.

Dr. Kalidas Nag, M.A., D.Litt will preide.

Devapriva Valisinha.

General Secretary

Đúng thời giờ kể trên, lễ khai xá lợi cử hành, tuy đơn giản nhưng rất mực trang nghiêm. Sau 10 phút lễ xong, Ông Tổng

thư ký Hội Đại Bô Đề giới thiệu Phái đoàn Phật giáo Việt Nam với cử tọa. Xong, tôi nhân danh Trưởng Phái đoàn tỏ lời cảm ơn và giới thiệu ông PHẠM CHỮ thay tôi lên diễn đàn dịch bài giảng của tôi nói về “LƯỢC SỬ PHẬT GIÁO VIỆT NAM” ra tiếng Anh.

Dưới đây là nguyên văn bài diễn văn:

Thưa các Ngài,

Hiện nay Phật giáo đã là thế giới hoá, các nhà học Phật Đông, Tây đều suy tôn Ấn Độ là đê nhất Tổ quốc Phật giáo, thế là lấy Ấn Độ làm Trung tâm điểm của Phật giáo thế giới. Đến Việt Nam chúng tôi cũng được thấm nhuần với nguồn giòng giáo lý từ bi bình đẳng ấy gần 2.000 năm nay (189-1950) cố nhiên Phật giáo Việt Nam phải có một lịch sử sự thật.

Trước khi bàn đến lịch sử Phật giáo Việt Nam, chúng tôi cảm thấy tận đáy lòng thành thật xin bặc bạch với Quý Ngài rằng: Chúng tôi bao giờ cũng tu trì theo chân lý tuyệt đối của chư Phật, không hề manh tâm tranh giành lấy một thiên lịch sử cho Phật giáo Việt Nam, cũng không dám mong phô trương nền tín ngưỡng của dân tộc Việt Nam. Chẳng qua vì giữa nhân loại đương xô đẩy nhau đi tìm lịch sử của hiện tượng để nghiên cứu, để học hỏi. Phật giáo cũng đã là pháp môn hiện tượng thích hợp với lòng mong cầu của nhân loại, có đủ phép này phép khác để trị sạch hết hiện tượng tham hoa đương diễn giữa nhân loại. Nói tóm lại Phật giáo đã là pháp môn hiện tượng bao la giữa đại đồng thế giới, đem thu hẹp lại thì Phật giáo cũng đã là một tôn giáo truyền bá vào nước Việt Nam. Chúng tôi là người được thấm nhuần, ngày nay may mắn lại được gặp các Ngài ở đây đều là Phật tử, đều là Phật tử hay ít nhất cũng đều là người có Phật tính, lẽ nào lại không mạnh bạo đem những chỗ đã nghe, đã học về lịch sử Phật giáo Việt Nam, hầu mong công hiến Quý Ngài, để đền bù những tấm thịnh tình vô biên của Quý Ngài đối với Phái đoàn

Phật giáo Việt Nam chúng tôi, tức là đối với cả dân tộc Việt Nam và tín đồ Phật giáo Việt Nam.

Xét về lịch sử truyền giáo suốt cổ kim, chúng tôi thấy rằng, một khi có tôn giáo nước này truyền vào nước khác, trước nhất phải do hai nguyên nhân:

1) Nước có tôn giáo, sau khi đã thành công chiến thắng và đã đặt được nền thống trị.

2) Trước nhất phải do dân tộc nước có tôn giáo này với dân tộc chưa có tôn giáo kia, đã mở cuộc giao thông buôn bán với nhau qua một thời gian, để am hiểu nhau về ngôn ngữ và kết chặt dây liên lạc thân ái.

Nguyên nhân Phật giáo của Đại Ấn truyền vào Việt Nam không ở điểm chiến thắng, thống trị mà chính ở điểm hai dân tộc Ấn-Việt sớm liên lạc thông thương với nhau, hướng hồ Phật giáo lại rất thích hợp với tính tình dân tộc cũng như phong hoá cổ truyền của quốc gia Việt Nam. Điều đó chứng minh ở điểm này:

Xem trong bản đồ Ấn Độ Chi-Na tức là bán đảo Đông Dương, sẽ thấy nước Việt Nam có tới 7/10 đất đai ở lọt vào khoảng giữa Ấn Độ và Trung Hoa, mà đường giao thông từ Ấn sang Việt Nam còn thuận tiện hơn từ Trung sang Việt, vì thế nên Phật giáo của Đại Ấn đã sớm thâm nhuần hầu hết dân tộc Việt Nam ngay từ thế kỷ thứ nhất, thứ nhì.

Đứng về phương diện lịch sử, chúng tôi thấy trong truyện Đàm Thiên Pháp Sư có chép rằng: Một buổi kia vua Cao Tổ nhà Tùy có sắc dụ cho Đàm Thiên Pháp sư rằng: “Trẫm nhớ đến đạo đức từ bi của Đức Thích Ca Giáo chủ, không biết báo ơn Đức Ngài thế nào cho xiết, nên chỉ ước mong truyền bá đạo Ngài thế nào cho đi khắp thiên hạ. Trẫm đã cho đi rước xá lợi của Phật về kính thờ trong 49 ngọn tháp, lại mới xây xong 150 ngôi chùa để làm tiêu biểu tín ngưỡng đạo đức cho dân nước ta (Tàu). Bây giờ Trẫm lại muốn xây tháp làm chùa ở Việt Nam, hơn nữa là cử các Pháp sư sang đó truyền bá

Phật giáo, hầu mong một ngày gần đây đạo Phật sẽ lan tràn khắp thế giới. Nay Pháp sư lựa chọn mấy vị Tăng có đạo hạnh sang Việt Nam hoằng hoá cho dân tộc xứ đó để họ sớm hiểu biết đạo Bồ đề”.

Đàm Thiện Pháp sư tâu: “Nước Việt Nam vốn có đường giao thông sang Ấn Độ hơn sang nước Tàu ta, nên Ấn Độ đã có nhiều các bậc đại Pháp sư, như Khang Tăng Hội, Chi Khương Lương v.v...sang Việt Nam truyền bá Phật giáo rất sớm (Pháp sư Khang Tăng Hội sang Việt Nam vào năm 225, Pháp sư Chi Khương Lương sang vào năm 226 và Pháp sư Ma Ha Kỳ Vực sang vào năm 294). Hiện ở Việt Nam các vị Pháp sư đó đã dịch được nhiều kinh Phật, đã giáo hoá được nhiều tăng sĩ và ở Việt Nam cũng đã có nhiều chùa tháp rồi, nay ta không phải phái Pháp sư sang Việt Nam nữa”.

Trở lại mà xét vào lịch sử Phật giáo Việt Nam sẽ thấy các bộ sách Thuyền uyển tập anh, Thống yếu kế đăng và Đạo giáo nguyên lưu v.v...các bộ sách đó đều nói nhiều về công nghiệp truyền bá Phật giáo từ Ấn Độ qua Việt Nam lúc đầu. Mặc dầu năm 189, Mậu Bác cư sĩ là người Tàu vì lánh nạn mà truyền Phật giáo qua Việt Nam trước Ngài Khang Tăng Hội, nhưng bàn về hệ thống kế đăng vẫn phải tôn Ngài Khang Tăng Hội làm Giáo tổ thứ nhất của Phật giáo Việt Nam, mà chính thân phụ Ngài Khang Tăng Hội sang buôn bán doanh nghiệp ở Việt Nam đã lâu năm. Đại Ấn đã có ba vị cao tăng rộng lòng phổ thông Phật giáo, chẳng từ gian lao sang xây nền đắp móng cho Phật giáo Việt Nam, không những thế mà thôi, lại đến thời kỳ khuếch trương cho Phật giáo Việt Nam thành lâu đài trang nghiêm sáng lạng cũng lại nhờ ở bậc Thánh tăng của Đại Ấn là Tổ sư Tỳ Ni Đa Lưu Chi Ngài sang Việt Nam vào năm 580, ở chùa Pháp Vân, quận Thường Tín thuộc tỉnh Hà Đông bây giờ. Tăng đạo Việt Nam có quy mô tổ chức, có hệ thống nói truyền, để xương minh mệnh mạch Phật tổ, để bồi bổ nhân tâm thế đạo, là nhờ ở công đức của Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi; vì Ngài đã ròng rã 14 năm trụ trì chùa Pháp Vân,

chỉ một niềm chuyên chú dịch kinh giảng đạo, trong thì đào tạo chư Tăng, ngoài thì tiếp hoá thiện tín, rốt ráo lại sáng lập nên một phái Thuyền tôn trước nhất, lớn nhất ở Việt Nam, gọi là Tôn Tỳ Ni Đa Lưu Chi. Tôn phái của Ngài truyền nói đến 19 đời: không những ngọn đuốc tuệ chói lợi khắp non sông Việt Nam mà ảnh hưởng còn chấn động đến cả Trung Quốc, sự thực còn ghi chép ở Việt Nam Phật giáo sử. Sau khi Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi tịch, giữa khoảng năm 603-604, vua Cao Tổ nhà Tùy được nghe tiếng liền khởi lòng tôn kính, có hạ chiếu cho sang Việt Nam xây tháp để kính thờ Tổ Tỳ Ni Đa Lưu Chi ở chùa Pháp Vân, chùa Tràng Khánh v.v... lại gửi sang 5 hòm lễ vật tặng ban cho Pháp Hiền Thuyền sư là vị Thánh tăng thứ nhất của Việt Nam vì được Ngài truyền tâm pháp cho nên kế pháp vị thống xuất tăng chúng.

Từ Ngài Khang Tăng Hội truyền Phật giáo sang Việt Nam đến Ngài Tỳ Ni Đa Lưu Chi truyền Thuyền tôn sang Việt Nam trước sau trải qua 345 năm (225-580). Trong thời gian ấy ở Việt Nam cũng có nhiều các Tăng sĩ am hiểu Phạm tự, thông thạo tiếng Ấn, nên cũng được sang cầu đạo, tham thuyên ở Phật địa và cũng dịch được nhiều kinh Phật như Vân Kỳ Thuyền sư. Mộc Xoa Đề Bà, Khuy Xứng Thuyền sư, Huệ Diệu Pháp sư, Trí Hành Thuyền sư và Đại Thắng Đăng Pháp sư.

Lại đến thời kỳ Việt Nam chúng tôi nội thuộc nhà Đường, Phật giáo ở Việt Nam vẫn thịnh hành lắm, cũng có những bậc cao tăng Việt Nam có ảnh hưởng lớn với Phật giáo Trung Hoa. Sự thực còn thấy trong bộ sách “Loại hàm anh ngữ” của Tàu và ở sách Kiến văn của ông Lê Quý Đôn là nhà Nho học trứ danh ở Việt Nam, đều chép rằng: “Phụng Định Pháp sư và Duy Giám Pháp sư đều được vua nhà Đường mời sang Tàu để vào Vương cung giảng kinh bàn đạo. Đường cư Nguyên thi hào của Tàu hồi đó có thơ tiễn biệt Ngài Phụng Định khi về Việt Nam sau này:

Quê nhà trông cõi Việt,
Mây bạc tím mù xa.

Cửa trời vắng kinh kệ,
Mặt bể nổi hương hoa,
Sóng gợn có in bóng,
Thành xây hén mấy tòa,
Trường An lòng quán quít,
Giao Châu chuông đêm tà.

Lại có thi hào Cổ Đảo tặng thơ tiễn biệt Ngài Duy Giám
Pháp sư khi rời Vương cung nhà Đường về Việt Nam rằng:

Điện xuân giáng kinh luận,
Giường ngự vương mùi hoa,
Bể Nam quen lối cũ,
Non Việt viếng tuần già,
Ăn mòn khi gió táp,
Áo lấm lụt mưa sa.
Kìa kìa, trời lẫn nước,
Tin tức biết bao qua.

Ôi! Việt Nam chúng tôi, gần 1000 năm 3 lần thuộc quyền
đô hộ của các triều Hán, Tần, Tùy, Đường, mà giữa thời gian
ấy các triều đại của Đại Ấn cũng có các vua anh hùng như
vua Sảng Đức, (299 trước kỷ nguyên và vua A Dục 222 cũng
trước kỷ nguyên) đều gây dựng lên Vương triều Khổng tước,
hùng cường thịnh trị, mãi về sau hơn 300 năm, nói đến triều
đại vua Ca Tỳ Sắc Ca mở vận nước cũng không kém hùng
cường, thế mà lịch sử Việt Nam chỉ thấy chép những trang hai
dân tộc Ấn Việt giao thông buôn bán với truyền bá văn hoá
Phật giáo chứ không có qua một trang lịch sử dẫm xương
máu xảy ra đáng tiếc. Các nhà học giả Đông, Tây ngày nay
đều công nhận văn minh Ấn Độ là văn minh tinh thần chứ
không phải văn minh vật chất, những lời tán dương đó đủ
thấy hầu hết nhân vật yêu chuộng văn minh cao siêu, hòa bình
tuyệt đối đều tỏ lòng kính trọng văn hoá Ấn Độ chứ không
những dân tộc Việt Nam quý mến.

Hướng hồ còn có những bậc Thánh tăng truyền bá sang
nước tôi một nền tôn giáo Từ bi Bình đẳng, một nền văn hoá

triết học cao siêu mà vẫn không kém tinh thần đại từ bi, đại hùng lực. Chính nền văn hoá đó không những đã sản xuất ra cho Việt Nam những vị Cao tăng ở gần 1.000 năm nước tôi thuộc quyền đô hộ của người Tàu mà chỉ đem đạo đức, học thức để cảm hoá lòng người, có uy quyền mạnh khiến họ đỡ sự khinh miệt người Việt Nam, lại dự một phần lớn xây đắp nền độc lập, mãi về sau cho các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Phật giáo đã được công nhận là quốc giáo khắp các triều đại kể trên, cũng như Ấn Độ đã tôn Phật giáo làm Quốc giáo, ở các triều đại Sảng Đức, A Dục, Ca Tỳ Sắc Ca v.v...

Nền Phật giáo lại còn đào tạo nên những bậc Pháp sư kiêm Thái sư giúp vua trị nước, ơn thấm muôn dân ở hai triều Đinh Lê như Khuông Việt Thái sư, giúp vua Lê Đại Hành giữ ngoại giao; như Ngài Đỗ Thuận Quốc sư dự bộ Tham mưu, bàn tính quốc quân đại sự; như Vạn Hạnh Quốc sư giáo dục cho ông Lý Công Uẩn trở nên bậc hiền quân; như Khánh Vân Pháp sư. Ở Việt Nam mà nói đến Phật giáo hết thầy đều tán dương Phật giáo về đời Lý, đời Trần. Vì các đời đó có các vị vua thâm ngộ thuyên tâm như Thánh tôn Anh Tôn và Cao tôn nhà Lý đến nhà vua xuất gia thành Phật như Nhân tôn nhà Trần, Trạng Nguyên xuất gia chứng ngộ chánh pháp nhãn tạng như Huyền Quang Pháp sư. Gồm đến những bậc Tuệ Nghiệp Pháp sư, văn nhân cư sĩ thật không sao kể xiết.

Nước Việt Nam có thể gọi là một nước Phật giáo, vì hầu hết mỗi làng đều có chùa chiền thờ Phật, Tăng Ni tu hành, mặc dầu hơn 300 năm nay, Phật giáo ở Việt Nam đã bị suy kém vì hoàn cảnh nội loạn và ngoại xâm xui nên. Nhưng chỉ suy kém về phần tinh thần giáo lý, còn đến lòng tín ngưỡng của dân chúng nay cũng như xưa. Dân Việt Nam đã có những câu chuyện tụng về nổi trầy chùa Yên tử cực điểm khó khăn rằng: “Đi như cày, về như cua – vất gậy mà quơ lấy cành”, vậy mà mỗi năm về tháng hai, hằng ngày ít nhất cũng có tới vài ngàn người trèo non vượt suối lên chiêm bái. Lại đến động Hương Tích ở làng Yên Vĩ, thuộc tỉnh Hà Đông đông

gấp mười phần thế nữa. Trong cuốn Nhật trình chùa Hương Tích đã có những câu rằng:

*Làng Yên Vĩ có non Hương Tích,
Bao khi thiêng đất Việt đức nên,
Phật Quan Âm ngự tòa sen,
Mười phương quý tiện đưa chen khán nguyện.*

Khách trảy chùa Hương này mỗi năm từ cuối tháng giêng đến cuối tháng ba âm lịch, mỗi ngày ít bù nhiều có tới vài vạn người, còn sự đi chiêm bái các danh lam cổ tích khắp trong nước không thể kể xiết đặng.

Gần đây lại nhờ có ảnh hưởng Hội Đại Bồ Đề và Hội Nghiên cứu Phật học ở Đại Ấn đây lan tràn đến, khiến cho từ 20 năm đến nay cơ duyên chấn hưng Phật học ở Việt Nam cũng rất bông bột, từ các thủ đô lớn đến hầu hết các tỉnh, phủ, huyện, đều có hội chấn hưng Phật giáo. Số hội viên đông đúc không xiết kể. Cuộc Việt Pháp chiến tranh xảy ra gần 5 năm rồi, chùa chiền, bia tháp khắp các nơi cũng mang đầy dấu vết tang thương; nhưng cục diện ở Việt Nam cũng đã hé tia sáng thông nhất độc lập, mặc dầu đang ở vào thời kỳ tinh thần khủng hoảng, cũng như kinh tế quần bách. Vậy mà lòng công đức của dân chúng cũng đã gom góp để kiến thiết, tu bổ chùa tháp. Các giáo hội Tăng già cũng như các Hội Phật giáo đương thành lập và đương phục hưng, các trường TăngNi học ở các thủ đô lớn cũng đã tổ chức được hơn 10 trường Phật học, số Tăng Ni học sinh trong các trường đó tổng cộng có tới gần 300. Còn về quan niệm tín ngưỡng Phật giáo của dân chúng quả thật là bông bột, hầu như họ đã qua một cuộc bom đạn, khói lửa khiến cho phần lớn bị cốt nhục ly tán, tài sản tan không, cái thảm hoạ đó đã khiến họ càng hiểu chân lý vô thượng của Phật dạy, hoá nên không ai bảo ai mà đi lễ bái nghe kinh, cầu đạo lại bắt đầu bông bột.

Hiện nay dân tộc Việt Nam từ trí thức đến bình dân phần nhiều tin tưởng: Phật giáo Việt Nam có cơ chấn hưng để bồi dưỡng lại tinh thần dân tộc đã có mấy ngàn năm nay.

Ngày nay Phái đoàn Phật giáo Việt Nam chúng tôi sang Quý quốc đây, mục đích trước là để tỏ lòng chiêm bái Phật địa và ca tụng Quý quốc đã sớm thu hồi chính quyền độc lập; sau là ước mong nối lại dây tình thân văn hoá của Phật giáo đã bồi dưỡng cho hai dân tộc bao nhiêu thế kỷ chung sống trong bầu không khí trong sạch sáng suốt vậy.

Sau nửa giờ ông Phạm Chử dứt tiếng, kể đến Tổng Lãnh sự Pháp và Trưởng Phái Đoàn Phật giáo Việt Nam và Hội Đại Bồ Đề. Các vị còn nêu cả vấn đề quan hệ về Hội nghị Phật giáo Quốc tế, thành ra cuộc nói chuyện kéo dài ra đến hai tiếng đồng hồ mới giải tán, ai nấy đều đem về một cảm tưởng hy vọng ở Hội Phật giáo thế giới sắp được thành lập cho Phật tử hoàn cầu đều có một lực lượng đoàn kết đại hùng, đại lực để cùng thực hiện tinh thần phụng sự nhân loại.

16. – CUỘC GẶP GỠ NHÀ TRƯỜNG GIẢ BIRLA.

Sau khi người Anh trao trả Chính phủ Ấn Độ Xá lợi của hai vị Xá Lợi Phát và Mục Kiền Liên do Bác sỹ Nerhu, Thủ tướng Ấn Độ tiếp nhận rồi giao sang Hội Đại Bò Đề phụng sự. Tuy vậy mà chính phủ Ấn vẫn còn giữ hai món đó là Quốc Bảo vô giá, Phật giáo nước nào muốn xin rước về chiêm bái, tất phải được Chính phủ Ấn duyệt y, nhiên hậu Hội Đại Bò Đề mới dám cho rước. Khi tôi được cử làm Trưởng Phái đoàn Phật giáo qua Ấn Độ, ban Tổng trị sự Hội Việt Nam Phật giáo cho tôi một số tác phẩm quý nhất của Phật giáo Việt Nam đem sang biểu Chính phủ Ấn để gây thiện cảm, mong sau này sẽ nhờ Chính phủ Ấn cho được toại nguyện thỉnh Xá lợi.

Dem trí tưởng tượng ra mà đặt đường thì dễ đấy, nhưng đến sự thực tế thì khi sang đến Ấn Độ mới thấy sự trực tiếp với Tổng thống Ấn để trao tay cho Ngài hòm kinh thực là khó, mà điều khó nhất là khi người ta còn nghi kỵ Phái đoàn Phật giáo chúng tôi là có dính chính trị. Đối với danh nghĩa, điều đó chính chúng tôi cũng cần phải tránh nên khi mới đến Ấn Độ, hai lần có các nhà báo đến phỏng vấn về chính trị, chúng tôi đều từ chối, lại phải hoạt động theo nhiệm vụ Phái đoàn Phật giáo cả ở Ấn Độ lẫn Tích Lan. Các báo chí ở Ấn Độ và Tích Lan đều đem các hoạt động hợp chính nghĩa của Phái đoàn Phật giáo nêu lên dư luận; lại nhờ có Thượng toạ Janatana biên thư giới thiệu với nhà đại Trường giả rất được Chính phủ Ấn trọng nể, vì ông này đã giúp kinh tế họ Thánh Cam Địa cách mệnh thành công, tức là BIRLA tiên sinh.

Chúng tôi đáp phi cơ từ Calcutta đến New Delhi hồi 2 giờ chiều ngày 16 tháng 6, có các viên tòa Đại sứ Pháp và đại biểu Phật giáo New Delhi đón về chùa Hội quán dùng cơm

nước rồi nghỉ ngơi, 5 giờ chiều Birla tiên sinh cho đón Phái đoàn Phật giáo chúng tôi vào biệt thự đàm đạo. Chúng tôi nói qua mục đích biểu kính Chính phủ Ấn, yêu cầu Tiên sinh giới thiệu cho được gặp Tổng thống Ấn. Tiên sinh nói:

“Việc này kể ra rất khó, nhưng các Ngài cứ yên tâm, thế nào tôi cũng yêu cầu được Tổng thống chúng tôi tiếp quý Phái đoàn vào nội nhật ngày mai”. Birla tiên sinh hỏi tiếp:

- *Cuộc chiến tranh ở Quý quốc liệu có sắp kết liễu chưa?*

- *Đa số dân Việt Nam chúng tôi đều cho cuộc chiến tranh ở nước tôi chỉ kết liễu khi nào người Pháp trả lại hoàn toàn chủ quyền.*

- *Sự sinh hoạt hiện thời của dân chúng có dễ chịu không?*

- *Trừ một số ít người hoặc dẫu giếm hoặc chạy được trước khi chiến tranh thì đời sống của họ còn dễ chịu một chút, còn đều bị thiếu thốn đủ mọi đường.*

- *Ở Việt Nam có Gia giáo không?*

- *Trước đây linh 300 năm, ở Việt Nam đã có ảnh hưởng Gia giáo, nhưng dân chúng theo rất ít, hiện thời chỉ độ 20% thôi.*

- *Còn thì theo Phật giáo cả ư?*

- *Cũng có một số ít người vô Tôn giáo còn họ theo Phật giáo trực tiếp, hoặc theo gián tiếp, nhưng họ cũng tự nhận là theo Phật giáo.*

- *Lực lượng của Hội Việt Nam Phật giáo ra sao?*

- *Trước thời kỳ chiến tranh có linh một trăm chi hội khắp cõi Bắc Việt cộng cả số Hội viên Tăng, Ni, thiện tín có tới linh 30 vạn, nhưng từ khi xảy ra chiến tranh đã tan rã mất nhiều. Nhưng hiện thời cũng đã có nhiều chi tiếp tục hoạt động. Còn Hội Trung ương ở Hà Nội thì sự tiến hành cả về truyền bá giáo dục lẫn cứu tế xã hội cũng khả quan. Đó là tôi chưa nói đến các Hội Phật học ở Trung Việt và Nam Việt, nhất là Sơn*

môn Tăng già ở Trung Việt có ảnh hưởng rất sâu xa về Phật học ở nước tôi.

Chúng tôi hỏi tiếp:

- Xin tiên sinh cho chúng tôi được biết quan niệm của Ngài đối với Phật giáo?

- Xin thú thực tôi thuộc về Bà la môn giáo, không những riêng tôi mà phần lớn giới trí thức ở nước chúng tôi tuy thuộc về Bà la môn nhưng rất kính phục Đức Thích Ca. Sở dĩ chúng tôi kính phục Ngài như vậy, là vì Ngài đã sớm hy sinh đời sống diễm phúc, xa hoa của vị Hoàng Tử đương tuổi anh niên, quả quyết đoạn tuyệt cảnh ngôi cao quyền lớn, vợ đẹp, con yêu, dẫn thân theo con đường tu đạo khổ hạnh, khi chứng ngộ được đạo lại mạnh mẽ đem đạo ra cứu đời suốt 49 năm, tức là Ngài đã hy sinh thân thể để đi tìm hạnh phúc chân thực cho chúng sinh, Ngài đã nêu cao tấm gương chân lý sáng sủa để cải cách từ Tôn giáo, cho đến chính trị, văn hoá, xã hội cho nước tôi hồi ấy, lòng vị tha không bờ bến của Ngài đã kết thành một sức mạnh độc nhất để hướng dẫn hàng hà sa số những tâm hồn về với chân lý từ bi, bình đẳng, cho biết đường sinh sống với cuộc đời sáng suốt, êm dịu. Đức Thích Ca chính là nhà đại tôn giáo cách mệnh, nhưng Ngài chỉ cách mệnh bằng tinh thần bình tĩnh, Ngài còn làm gương cho các nhà cách mệnh bằng võ lực bạo động nữa.

Birla tiên sinh hỏi:

- Xin Thượng toạ cho biết Đức Thích Ca khi Ngài còn tại thế có hay nói đến chính trị không?

- Có, Đức Phật Tổ Thích Ca ngày xưa có nói về chính trị để giúp cho các vua chúa. Dưới đây Bàn tăng xin dẫn chứng một đoạn lịch sử còn chép về việc Đức Thích Ca đem chính trị giáo hoá cho vua Thắng Quang ở nước Kiều tát la: “Một hôm vua Thắng Quang đến chiêm yết Phật rồi xin Ngài dạy phép làm chính trị.

Phật bảo vua Thắng Quang rằng: Tuy thân mặc gấm vóc ngời ngai vàng nhưng tâm phải để đến hạng dân đen áo vải, nhà tranh. Miếng ăn sơn hào hải vị, mà trí phải để đến kẻ đồ mồ hôi nước mắt lấy miếng cơm dưa muối. Ý trí tuy khoan khoái, nhưng phải nghĩ đến những tù hàm oan uổng. Trong tay thống lĩnh muôn dân, làm sao cho chúng đều được sống mạnh mẽ trong lòng nhân ái từ bi, cần phải thương muôn dân như con một của mình, hằng mong cầu cho dân chúng được mọi sự yên lành. Thấy chúng làm điều ác nghiệt, phải nhận ở mình có lỗi thiếu dạy bảo. Nên cố khoan tội lỗi rồi giáo hoá cho họ biết đổi chừa. Thấy dân chúng làm điều hay việc tốt phải khen thưởng để khuyến khích cho chúng thêm hăng hái làm điều lợi ích. Nếu nhà vua thương dân như con thì muôn dân sẽ coi nhà vua như cha. Ở Triều đình phải chọn người tài mà trọng dụng, cho mỗi người một việc, xét kẻ gian nịnh mà truất bỏ. Chớ để những lạm hại nước, hại dân, không nên dùng nhiều người làm để phiền phí đến công quỹ, coi của dân là của mình, sức dân là sức mình, chớ nên đánh sưu thuế nặng, chớ nên bắt phu phen nhiều. Những kẻ ương ngạnh không theo phát luật thì phải trừng trị ngay, chớ để đi hoạ về sau.

Còn cần phải noi gương chính trị thuần túy của các vị Thánh vương hiền thần đời trước. Chớ nên hà khắc để dân ai oán làm loạn, chớ nên tàn sát quá đáng để mang tội báo đền nặng về sau. Đối với các nước lân bang, nên gây cảm tình thân thiện, chớ gây mầm oán thù báo phục, chớ nên cậy khỏe hiếp yếu mà xâm chiếm đất nước người ta, chớ nên cậy lớn hiếp bé, đem quân đánh chém gây va chiến tranh để bắt người ta thần phục cống hiến. Ngâm suốt cổ kim thiên hạ, có nước nào mạnh giỏi được mãi, có nước nào bị hèn yếu mãi, mình đã gây va chém giết người ta khi cậy lớn cậy khỏe, tất người ta phải lo toan phục thù báo oán để rửa nhục khi mình đã bị hèn yếu.

Nếu nhà vua đem nhân đức làm chính trị như vậy thì ân uy sẽ nhuần thấm thiên hạ, tiếng hay sẽ đồn đại ra khắp các nước gần xa, họ sẽ rủ nhau đến quy phục đông như về chợ, đem lễ vật đến cống hiến cho nhà vua, coi nhà vua ngang thánh, thần vậy. Đối với ngôi Tam Bảo nhà vua chớ nên bài bang phải nên tôn kính. Ngôi Tam Bảo là nền trí tuệ của dân, nhà vua phải chăm khêu luôn cho thêm tỏ. Ngôi Tam Bảo là đạo sư hướng dẫn đạo đức cho dân, nhà vua phải ủng hộ. Ngôi Tam Bảo là thuyền bè chở dân đến bến hạnh phúc, nhà vua phải ra tay ủng hộ cho người cầm lái. Cần phải gắng sức giữ gìn. Ngôi Tam Bảo còn phải sáng lập ra khắp trong nước nhiều đạo tràng truyền giáo để cho dân chúng có một nền đạo vị nuôi sống linh hồn của chúng mãi mãi.

Nếu Đại vương nghe theo lời tôi mà trị nước trị dân, thì dân yên nước trị, thiên địa, thần minh chứng minh ủng hộ, mưa thuận gió hòa, lúa đậu nhân dân no ấm, tai vạ không có, nước nhà an lạc, thiên hạ thái bình, sau khi nhà Vua băng hà còn được sinh về cõi giới mà hưởng phần khoái lạc nữa.

Tôi hỏi: Đạo của Đức Phật Thích Ca thuần túy cao cả như Tiên sinh đã biết, tại sao Phật giáo không được bành trướng ở Ấn độ?

Đáp: Đó chẳng qua là vì Phật giáo ở nước tôi đến vận hội suy nhược, hoá nên trong Tăng giới không sản xuất ra được những bậc vĩ tăng như Mã Minh, Long Thọ, Thiên Nhân, Vô Trước v.v.. trong giới Thiện tín không có bậc Hộ Pháp như vua Bình xa. Vua Tần Bà Xa La hay ít nhất cũng được như Vua Sảng Đức, Vua A Dục v.v. để cùng đem giáo lý Đại thừa ra giáo hoá cho dân tộc chúng tôi. Trái lại mặc cho họ xu hướng theo về các giáo khác cả. Nhưng hiện thời ở nước tôi, Phật giáo đã có cơ chấn hưng, vì từ khi nước tôi đòi được chủ quyền Độc lập, chính phủ Ấn đã tính ngay đến phương châm dung hòa Phật giáo với Bà la môn giáo mong cứu vãn cái nạn chia rẽ dân tộc và tôn giáo.

- Thượng toạ Janatana đã cho chúng tôi được biết đến quan niệm đối với Phật giáo của Tiên sinh. Chúng tôi còn nhận thấy công đức vĩ đại của Tiên sinh đã sáng tạo nên trường Phật học ở Lộc Uyển và tòa Chùa ở ngay Quý thủ đô đây. Tòa đền thờ Thần Bà La Môn có thể to tát nhất Ấn Độ cũng là do Tiên sinh xuất tài, xuất lực tạo nên. Tiên sinh cho đắp tượng hai bậc Vĩ nhân là Vua A Dục và cho vẽ tranh Thánh Cam Địa đều quý lễ trước tượng Phật Thích Ca. Như vậy, không riêng gì chúng tôi, tất cả các nhân vật trên thế giới đến du lịch quý Thủ đô đây một khi ngoạn cảnh ngôi đền đó, họ đều nhận chân được lòng sùng mộ Phật giáo của tiên sinh là nhường nào rồi.

Đến phút cuối cùng Birla Tiên sinh lại ngỏ ý với chúng tôi rằng:

Xin Thượng toạ cho biết số tiền chi tiêu của quý Phái đoàn đi dịp này hết tất cả bao nhiêu để tôi xin cúng, mong được góp phần công đức.

- Chúng tôi xin trân trọng cảm ơn tấm đạo tâm vô thượng của tiên sinh đối với Phái đoàn Phật giáo Việt Nam chúng tôi cũng như đối với toàn dân Việt Nam. Chúng tôi không dám nhận món tiền của Tiên sinh tặng, vì chúng tôi đi đây, Chính phủ Việt Nam đã chu cấp đủ cả. Nói đoạn, chúng tôi liền cáo từ ra về.

17. – PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM YẾT KIẾN BÁC SỸ ‘PRASAD’ TỔNG THỐNG ẤN ĐỘ

Hồi non trưa 17-6-50, chúng tôi nhận được tin Tổng thống Ấn Độ sẽ tiếp chúng tôi tại điện Tổng thống vào hồi 6 giờ chiều. Đúng giờ kể trên, chúng tôi mới tới cửa ngoài đã có lính đón, dẫn vào đến cửa điện đã thấy tổng thống ra đón chào. Chúng tôi đáp lễ rồi cùng vào ngồi. Mỗi đoàn viên ngồi riêng một ghế, riêng tôi, Tổng thống mời ngồi chung với Ngài một tòa để nói chuyện cho vui. Tôi nhân danh Trưởng phái đoàn đệ hòm kính kính biểu, Ngài tiếp nhận với lễ mạo thành kính và gửi lời cảm ơn Hội Việt Nam Phật Giáo đã để ý đến Chính phủ Ấn Độ do Ngài lãnh đạo. Ngài còn cho mở hòm kính ra xem một lúc rồi mới cùng chúng tôi đàm đạo.

Dưới đây là những lời vàng ngọc của Bác sỹ PRASAD, Tổng thống Ấn Độ tiếp chúng tôi:

- *“Tôi rất sung sướng được tiếp quý Phái đoàn Phật giáo, tôi hằng mong dây tinh thần Phật giáo giữa Ấn Việt sẽ được nối lại mỗi ngày một thêm chặt chẽ. Chỉ có nối dây tinh thần Phật giáo với nhau mới được lâu dài chân thực, còn các mối dây liên lạc khác, dù thiết chặt đến đâu chẳng nữa cũng chẳng mấy mà ái nút ! Chính sinh quán của tôi ở Bouddha Gaya tức Bồ Đề tràng nơi Phật Thích Ca tu thành đạo. Tôi đã phải trực tiếp can thiệp giúp Phật giáo đòi Bồ Đề tràng, nên bên Bà La Môn giáo người ta mới chịu trả. Chính phủ Ấn hiện thời không những chỉ bảo tồn những nơi Phật tích, lại còn giúp Hội Maha Bồ đề chấn hưng nhiều công cuộc Phật giáo ở Ấn Độ nữa. Tôi thấy Phật giáo cần phải chấn hưng ở nước tôi; xin Thượng toạ cho biết cảm tưởng của Ngài đối với xứ Ấn Độ?*

- *Thưa Tổng thống: Chúng tôi nhận thấy ở Quý quốc có ba tôn giáo lớn là Phật giáo, Bà La Môn giáo và Hồi giáo, nay Hồi giáo đã biệt lập thành một nước, chỉ còn có Bà la Môn và Phật giáo. Ở ngay Quý quốc thì Bà la Môn thịnh hơn Phật giáo nhiều, trái lại, Bà La Môn không có một tín đồ nào ở thế giới cả. Phật giáo tuy kém Bà La Môn ở Quý quốc, nhưng lại có hàng mấy trăm triệu Tín đồ ở khắp thế giới, lý thế tất đạo Phật gây thiện cảm với thế giới. Quý quốc còn phải dung hòa Phật giáo với Bà la Môn giáo cho dân chúng thoát cái nạn vì tôn giáo mà chia rẽ cái lực lượng hùng hậu của quốc gia, nhất là phải giải phóng 18 triệu dân nô lệ để cho họ được sinh sống trong bầu không khí từ bi, bình đẳng thời cuộc đời họ mới được có giá trị của con người. Hiện tại muốn xây đắp một nền tảng chắc chắn cả về tôn giáo, chính trị, văn hoá, xã hội ở Quý quốc, cố nhiên cần phải chấn hưng Phật giáo.*

Phong trào nam, nữ tự do bình quyền đã lan đến Quý quốc hơn ba năm nay. Vậy mà bản Tăng xem ở mấy tỉnh như Ba la nại, Can quit ta, Đa nát, dĩ chí Tân đen ni đây ít khi thấy đôi vợ chồng trẻ hoặc đôi thanh niên Nam, Nữ khoác cánh nhau đi ngoài đường, lại qua không có một người phụ nữ nào mặc áo cánh ra khỏi cửa, đủ thấy nguồn phong hoá ở Quý quốc còn chay sạch lắm. Bản Tăng còn thấy cả dân tộc Quý quốc chỉ độ một phần trăm ăn vận âu phục là những người thường tiếp xúc với ngoại quốc, còn đều dùng quốc phục với đồ nội hoá. Người ôm dùng thuốc men, không kiêu cúng ma quỷ và không đốt vàng mã. Người chết đem đốt cho xuống sông là xong, không ma chay kèn trống, xôi thịt và đã không tốn đất cát tốn tiền của lại không tốn cả thì giờ nữa. Đám cưới nào cũng đơn giản, không cỗ bàn, không tiệc tùng, các việc cúng lễ ít khi ăn uống linh đình; như thế không những chỉ bồi bổ cho tinh thần tự chủ của một dân tộc có ngót bốn trăm triệu người, mà còn xây đắp nền kinh tế chắc chắn cho quốc gia nữa. Bản tăng thấy tinh thần thanh, cần, tiết,

kiệm và tu, ó, liêm, si còn tươi sáng ở Quý quốc nhiều lắm. Nhất là vừa được thành công rực rỡ của cuộc cách mệnh lạnh, không mất một giọt máu, một đốt xương mà giành được chính quyền độc lập. Chả thế mà phần nhiều người Âu châu đã chán ngấy cái khí vị văn minh vật chất, họ đương đổ xô đến khảo cứu về văn hoá của Quý quốc”.

Cuộc đàm đạo đã đến nửa giờ, chúng tôi xin cáo từ, Tổng thống còn ân cần gửi lời thân ái chào dân tộc Việt Nam và ước mong tinh thần Phật giáo cũng như tinh thần hữu nghị của Ấn Việt luôn luôn liên lạc với nhau rất mật thiết bằng tinh thần Phật giáo.

Khi ra khỏi dinh Tổng thống Ấn, tự thâm tâm ký giả cảm thấy rằng hơn hai tháng lo âu với gánh nặng Trường Phật giáo bỗng nhẹ hẳn tôi bèn hứng vịnh:

*Từ vâng Phật xir luống lo âu,
Nhờ sức phù trì kết quả đầu,
Gây mối bang giao cùng quốc tế,
Mở đầu Phật hội với hoàn cầu,
Thỉnh kinh ba Tạng noi gương trước.
Ký sự một thiên rọi đuốc sau.
Gánh nặng Phái đoàn thôi đã cất,
Phó cùng trăng gió giữ dùm nhau.*

**PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO
VIỆT NAM ĐI TÍCH LAN**

1. – DỰ HỘI NGHỊ PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

10 giờ đêm ngày 23 tháng 5 năm 1950, chúng tôi ở chùa Đại Bồ Đề (Calcutta) ra trường bay Calcutta đã gặp một số cả Chư Tăng và thiện tín là mấy Phái đoàn Phật giáo các nước đi họp Hội Nghị Phật giáo Quốc tế ở Thủ đô Tích Lan. Đi dọc đường máy bay phải đỗ hai lần: Một lần đỗ ở tỉnh Madras để chờ máy bay khác đến đón, lần này đỗ đã hết giờ nửa ngày. Lần nữa đỗ ở biên giới Ấn Tích để trình giấy thông hành chỉ độ 30 phút, vì thế mãi 3 giờ chiều hôm 24 mới đến Colombo.

Ở tàu bay xuống, tất cả các Phái đoàn Phật giáo đi chuyến máy bay này đều phải cảm động với bao nhiêu tâm đạo tâm thân mật của ban Chiêu tập Hội nghị và nhân viên hội Phật giáo Đại Bồ Đề Tích Lan, vì có tới hàng trăm người, có cả mấy vị cao cấp trong Chính phủ Tích Lan, các giới Phật giáo Tích Lan đưa ra khá nhiều ô tô nhà để đón rước. Bất luận quen hay lạ, ai nấy đều tay bắt mặt mừng, thực là vui vẻ tung bùng. Làn không khí cực lạc nhân gian đã bắt đầu diễn. Các phái đoàn được ban chiêu tập chia nhau đón về các chùa hoặc nhà tư. Chỉ riêng có Phái đoàn Phật giáo Việt Nam là nhờ có thư của ông Tổng thư ký Hội Đại Bồ Đề Ấn Độ giới thiệu từ trước, nên ngoài ban chiêu tập tiếp đón ra còn có Ông RAJA HEWAVITARNE hiện đương là Bộ trưởng Bộ Thương mại trong chính phủ Tích, lại là Phó Hội trưởng Hội Đại Bồ Đề Tích Lan với một số các ông các Bà yếu nhân của hội đó ra đón. Ông phó hội cho biết vì tôi không thạo tiếng Anh và tiếng Tích Lan mà đến chùa ở không tiện cho tôi về ngôn ngữ giao tế, vì theo phép Phật giáo Tích Lan thì thiện tính như ông PHẠM CHỮ không được ở chung với chư Tăng, về ở nhà riêng của ông để ông PHẠM CHỮ được ở chung với tôi cho tiện việc giao dịch thông ngôn trong mọi công việc. Tôi cũng nghĩ, đi đây là cốt được ích chung cho đạo, không được phép

câu nệ với những điều chi tiết riêng mình để làm trở ngại đến việc công. Bèn nhận lời về tạm trú nhà ông RAJA HEWAVITARNE.

2. – NỀN NẾP CỦA MỘT GIA ĐÌNH PHẬT GIÁO

Vừa đúng nửa tháng, chúng tôi ở nhà Ông RAJA HEWAVITARNE càng ở lâu càng phục tẩm lòng mộ đạo kính Tăng của hai Ông Bà nhà quý phái đàn việt này. Nhiều khi ông đi làm về lại lái xe đưa chúng tôi đi chiêm bái, đi hội họp hay đi xem các nơi, cũng vì thế mà các danh lam thắng cảnh, các trường học Phật pháp, hoặc thế gian, nhà thương, nơi nuôi ông già, bà cả yếu đuối nghèo túng mà không có con cháu, dĩ chí mấy sở kỹ nghệ và viện bảo tàng ở thủ đô Tích Lan là tôi đều được đến chiêm bái và thăm xem.

Hơn nữa Bà RAJA HEWAVITARNE lại có một tinh thần đáng phục: Thân danh bà là vợ một ông Bộ trưởng lại làm chủ hai xưởng công nghệ lớn ở Thủ đô Tích Lan, năm nay gần 50 tuổi, trong nhà phú quý cực điểm, thế mà đầy tớ chỉ vền vện có hai người. Ông bà quý phái đàn việt này chỉ có hai người con: một trai một gái mà đều còn đang đi học cả. Hai cô cậu này nếu là con nhà phú quý khác tất nhiên sẽ được chiều chuộng đến bực nào! Chiều chuộng quá hoá hư hỏng, trở nên những hạng thiếu niên vô hạnh, đến khi thành niên sẽ làm hại đến tự thân chúng, đến gia đình chúng, cố nhiên di hại đến cả xã hội. Đàng này không thế, người ta yêu con khác, bắt con cũng phải làm các việc vặt trong nhà. Chính buổi tôi ở, sáng nào cậu con trai cũng vào mở cửa xem xét, rồi bảo người nhà quét dọn. Cô con gái mỗi buổi đi học về phải săn sóc luôn vào việc cơm nước hầu cha mẹ. Lòng yêu con của ông bà này thực là biết đường thương yêu, muốn cho con sau này nên người kiểu mẫu. Về bốn đức công, ngôn, dung, hạnh, có lẽ Bà đàn việt này chiếm ưu điểm trong bạn quần thoa, vì hôm nào tôi cũng thấy bà ta dậy rất sớm làm việc với người ở, suốt nửa

tháng trời không thấy bà ta nặng lời với người ở lần nào. Có một lần tôi thấy bà ta làm việc ở bếp từ 3 giờ sáng cho mãi đến 10 giờ trưa. Tôi xuống hỏi, thì bà trả lời: là đến phiên bà được cùng com ngô 30 vị học sinh Tăng tại trường Phật học của Hội Đại Bồ Đề Tích Lan; cần phải thổi nấu gấp để mang đến kéo quá ngộ.

Lại mỗi khi gia nhân mang com cho chúng tôi, bà tự lên sẵn sóc từng ly từng týt, không bữa nào là để mặc cho người ở, khi chúng tôi đi đâu về, chỉ độ mấy phút, đã thấy nước giải khát Tôi còn thấy ít khi bà bỏ những khoá lễ long trọng ở các chùa, thế mà bà quý phái đàn việt này còn làm giám đốc 3 viện nuôi ông già bà cả nghèo khổ với không có con cháu và trẻ mồ côi nữa. Bà đàn việt này thật là người hiểu đạo và tự mình đem mình ra làm việc đạo và vẫn đủ bổn phận làm nội tướng của một đại gia đình phú quý. Bà này thật: **“Giàu mà vẫn siêng năng, sang mà không biển lận”**. Có thể đem 10 chữ trên này để tặng cho bà rất thích đáng.

Dưới đây là bài tôi tặng bà RAJA HEWAVITARNE:

*Trong làng mệnh phụ thiếu chi a!
Phú quý nhân từ được mấy bà,
Giàu vẫn cần lao thêm hỷ xả,
Quý mà phúc hậu lại hiền hòa,
Soi gương từ đức đời vong bản,
Rập bảng tam quy nét vị tha,
Giá đủ tu my hay biết mấy,
Trượng phu ai đứng giữa quần thoa.*

3. – LÒNG YÊU QUÝ KHÁCH NGOẠI QUỐC CỦA ÔNG K-T WIMALASEKERA

Chúng tôi còn cảm động sâu xa với gia đình ông: K-T WIMALASEKERA nữa, nguyên nhân chỉ vì con trai ông gặp chúng tôi nói chuyện có một lần tại chùa Đại Bồ Đề Ấn Độ. Dịp đó cậu ta qua Ấn Độ cũng về việc Phật, khi về nhà không biết cậu ta nói những gì mà làm cho cả hai cha mẹ và hai chị em của cậu đi hai ô tô ra tại sân trường bay Colomba đón chúng tôi. Trong khi đón rước mừng mừng rỡ rỡ một cách khẩn đẫn tựa hồ như đón người nhà đi đâu xa xôi lâu ngày nay mới về. Vì tôi không thạo tiếng, để cho cả nhà quý phái đàn việt này cứ quần quít lấy ông PHẠM CHỮ để nhờ thông ngôn những lời chào mừng và khẩn khoản mới về ở nhà riêng.

Gia đình này cứ khăng khăng không chịu để cho ông Phó hội trưởng hội Đại Bồ đề mời về nhà. Sau tôi phải đòi ba lần nhờ ông Phạm Chữ nói rõ rằng: “Tôi là đại biểu Phật giáo Việt Nam phải ở nơi có tính cách công cộng của đoàn thể Phật giáo để tiện cho công việc đạo, còn như đối với Quý đàn việt tôi thâm cảm thấy đạo tâm thân mật nhường ấy, thế nào tôi cũng đến thăm và chơi một ngày để cùng đàm đạo”. Bấy giờ mới chịu để cho ông Phó hội trưởng đón về. Tưởng rằng như thế thì thôi chả là đến sáng hôm sau, ông chủ cùng các con trai con gái lại đều đến nhà ông RAJA HEWAVITARNE để thăm chúng tôi rồi tiếp tục mọi ngày ít nhất ông với các con cũng đến thăm một lần, làm cho tôi vì cảm động rồi đâm ra suy nghĩ: “Mình với gia đình đàn việt này có lẽ cũng chỉ là những tấm thân đã bị thay hình, đổi dạng của những kiếp nào đến nay mà đều không biết đó thôi, nhưng đạo tâm vẫn cùng nhau ở trong Phật pháp dày lắm, cho nên thiện duyên đến khi cảm ứng là phải gặp gỡ, nếu không thì sao mình với người ta

còn là khác nước, khác nòi, không phải là thầy là bạn, cũng chưa từng gặp nhau bao giờ, mà lại thiết tha đến mực ấy, thực là “Hữu duyên thiên lý năng tương ngộ” chứ đây lại là: “Hữu duyên vạn lý năng tương ngộ” mà là duyên Phật Pháp chứ không phải là duyên thế tình”.

Dưới đây là bài tôi vịnh để tặng gia đình này:

Ba sinh hẳng đã hẹn nhau gì?

Lạ mặt nhưng lòng có lạ chi.

Đã biết duyên lành đưa hội ngộ,

Thì tin nghiệp xấu bắt phân ly.

Đình chung mặc đấy pha màu đạo.

Xum họp hỏi chi ai sắp đặt,

Đường tu khéo vụng tình mau đi.

4. – LỄ TUYÊN THỆ THÀNH LẬP HỘI PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (25-05-1950)

Vì ban chiêu tập hội nghị Phật giáo Thế giới đã lượng cơ biết số người đến dự hội nghị và chiêm bái buổi lễ khai mạc này rất đông đúc. Nhất là buổi lễ tuyên thệ của cả hai mươi sáu phái đoàn cùng đứng ra sáng lập Hội Phật giáo Thế giới. Vì thế nên lễ này trước định cử hành ở tòa khán đài rộng nhất Thủ đô Tích Lan, nhưng vì phần các đại biểu Phật giáo Thế giới không ưng làm lễ tuyên thệ ở nơi không có dấu vết thiêng liêng của Phật Tổ, mà phải làm lễ ở ngôi chùa thờ Răng Đức Phật Tổ, cổ tích của Tích Lan ở tỉnh Kandy bây giờ. Tỉnh này cách Colombo chừng 150 cây số, mà lại ở trên ngọn đảo.

Tám giờ sáng hội nghị ở trụ sở Thanh niên Phật giáo Tích Lan ra đi, vì ô tô cứ phải bò ngược sườn núi chừng 50 cây số, tức là 1/3 đường Colombo đến Kandy, vì thế nên mãi đến gần 11 giờ mới tới. Riêng Ký giả lấy thể làm may mắn, vì được xem phong cảnh cả thành thị lẫn thôn quê của Tích Lan. Nếu các độc giả sang du lịch, sẽ thấy những bức họa “son thủy lâu đài” mà ta cho là gấm vóc đem so với phong cảnh đẹp thiên nhiên, của đảo Tích Lan, sẽ thấy bức tranh kia chẳng thấm vào đâu.

Trưa hôm nay dùng cơm hai nơi, các thiện tín thì ăn ở khách sạn do ban chiêu tập thết, còn chư tăng thì dùng cơm chay do một trai chủ dâng thết. Người tiếp ứng chư tăng trong bữa cơm này, từ chủ nhà đến gia nhân đều đi chân không hết. Khi chư tăng chứng trai xong, hai ông bà và các ông già bà cả Thanh niên nam nữ đến làm giúp tiệc trai này đều trái khăn ra đất để lễ hết vị này đến vị khác.

Cơm ngộ xong, nghị ngơi đến 4 giờ chiều mới lại đi tới chùa thờ Răng Phật dự lễ, bắt đầu đến cửa chùa ai nấy đều

phải tháo bỏ giày dép vào đứng sấp hàng nghiêm trang để theo ban Phật nhạc rước vào nơi hành lễ, vừa đúng 5 giờ bắt đầu cử bài Phật nhạc Tích Lan rồi đến một bài kinh tiếng Phạm độ 25 phút để cầu nguyện Tam bảo gia hộ. Vừa dứt tiếng tụng kinh, thầy tất cả tăng tục đều đứng dậy nghiêm chỉnh chào một vị Tổ sư ngoại 80 tuổi ra ngồi ghế chủ tọa. Tôi đang nghĩ Ngài già nua thế này thì còn nói làm sao được to tát cho số chợ người này nghe, thì bỗng thấy tiến Sư Tổ tiếp theo lời giới thiệu, Ngài đọc một bài diễn văn non 20 phút mà không thấy trông vào bài lần nào. Tiếp theo Hòa thượng là một vị Hộ Pháp được cử làm chủ tịch cho thiện tín cũng lên diễn đàn. Đại ý hai Ngài đều nói với 26 phái đoàn Phật giáo thế giới rằng: “Cần phải có một tổ chức thống nhất lực lượng Phật giáo, đoàn kết Phật tử bằng một phương diện thành lập hội Phật giáo thế giới, nếu được toàn thể hội nghị tán thành”. Một vị lão tăng được ra đáp: “Muốn phục hưng Phật giáo, muốn cứu vãn nền tín ngưỡng Phật giáo hiện thời cần phải lập hội Phật giáo Thế giới. Tất cả đại biểu Tăng tục chúng tôi xin tán thành”. Để hưởng ứng một tiếng tán thành theo với những âm vận Phật nhạc vang dội cả không trung, kể đến ai nấy đều vào làm lễ phát thệ. Một Hòa Thượng được cử đọc bản tuyên thệ trước Phật điện để thành lập hội Phật giáo thế giới.

5. – BẢN TUYÊN THỆ

Chúng tôi đại biểu Phật giáo các nước và đại biểu tất cả các tổ chức Phật giáo trên hoàn cầu, hôm nay (25-5-1950) họp trước cửa Tam bảo tôn nghiêm ở chùa Răng Phật đây, vốn là nơi chùa lịch sử của kinh đô cổ tích này, chúng tôi cùng nhau phát thệ rằng: Chúng tôi và tất cả các Phật tử mà chúng tôi thay mặt đều chí thành phát thệ: Cả xuất gia lẫn tại gia đều sẽ hết sức tuân theo thi hành giáo pháp và giới luật của Đức Phật THÍCH CA. Chúng tôi với các Phật tử sẽ phải cố gắng đem mình làm những tấm gương trong sạch sáng suốt giữ nền tín ngưỡng Phật giáo để làm cho tinh thần Phật giáo chung đúc thành một khối sáng sủa mạnh mẽ khắp hoàn cầu.

Muốn đạt được mục đích ấy, chúng tôi cùng nhau thề nguyện sẽ phải thống nhất Phật giáo, đoàn kết Phật tử theo nghĩa “Lục hòa” với lòng thâm tín, để dìu dắt tất cả Phật tử trên khắp hoàn cầu làm cho đạo lý của Phật, tinh thần thanh tịnh của chư Tăng được tất cả mọi người trên thế giới hiểu biết. Mong rằng tinh thần: “Từ bi, hỷ xả của Đức Phật có lực lượng mạnh mẽ vô cùng để hướng dẫn các dân tộc và các Chính phủ của dân tộc đó đều tin tưởng cũng như đều hoạt động theo một con đường từ bi bình đẳng để sống chung với cuộc đời sáng suốt, rửa sạch hết những khối óc tham, sân, si, như thế để lòng bác ái, tình hữu nghị giữa dân tộc nọ với dân tộc kia sẽ hòa giải, sẽ thân thiết, ức triệu người như một để cho hòa bình của nhân loại sẽ thực hiện. Muốn đạt tới mục đích vĩ đại đó, phải có một cơ sở vĩ đại, một chương trình hoàn bị, để giao cho một cơ quan lãnh đạo. Vì thế nên chúng tôi quyết định thành lập hội Phật giáo Thế giới với tất cả các trường Phái đoàn Phật giáo có góp mặt góp lời tại buổi lễ

tuyên thệ này, đều được đủ thẩm quyền quyết đoán và thi hành quyết nghị này.

Chúng tôi rất mực thành kính cầu xin Đức Phật phù hộ cho tất cả các sự cố gắng của chúng tôi”.

Đọc xong bản quyết nghị này, tất cả 26 vị Trưởng Phái đoàn Phật giáo đều lần lượt đọc lời phát nguyện riêng.

Dưới đây là lời tuyên thệ của tôi:

Đệ tử Tỷ Khiêu THANH LAI, biệt hiệu TỐ LIÊN nhân danh Trưởng Phái đoàn Phật giáo Việt Nam, hân hạnh được cùng 25 vị Trưởng Phái đoàn Phật giáo các nước trên thế giới, dự buổi lễ phát nguyện thành lập hội Phật giáo thế giới dưới bóng từ bi cao cả. Cầu xin Đức Phật chứng cho lời chân thực tán thành đề nghị lập hội Phật giáo thế giới giữa lúc này và tuyên thệ với Đức Từ bi, với Phật tử thế giới rằng: Sẽ cùng nhau áp dụng những lời đã tuyên thệ cho được thực hiện làm cho tinh thần Phật giáo mỗi ngày được thêm sáng sủa ở Việt Nam. Sẽ là công trình gom góp lực lượng với hội Phật giáo thế giới, sự thành công của đệ tử sau này còn nhờ ở Đức Phật điểm hoá cho có sự ủng hộ của Chính phủ cũng như của dân Việt Nam với các hội, các tổ chức Phật giáo ở Việt Nam, nhất là còn phải hy vọng sự ủng hộ về tinh thần của hội Phật giáo thế giới nữa.

Trong buổi lễ tuyên thệ còn có mấy bài diễn văn mà ký giả trích dịch những đoạn đặc sắc ở trong các bài của ông MAHA NAKAYA DE MALWATE, của ông DIYAVADANA NILAME (người coi sóc thờ Răng Phật) và bà G.C.LOUNSBERRY (đại diện các đại biểu Âu Châu). Đây là đoạn văn của ông MAHA NAKAYA DE MALWATE:

“Thưa chư Tăng và các anh em Phật tử thế giới! Chúng tôi rất lấy làm may mắn được gặp gỡ tiếp rước các Quý vị trong ngôi chùa lịch sử này. Hôm nay các Quý vị tới đây thay mặt cho Phật tử các xứ đã được tươi sáng với ánh sáng giáo lý của đấng đại từ bi. Mong rằng điểm này được coi như triệu

chúng tốt lành và để chứng tỏ sự thực nghiệm của cổ truyền rằng: “Đến năm 2500 (cức theo Phật lịch Tích Lan thì năm nay mới có 2494, khác với ta theo Phật lịch năm nay đã 2513) thì hoàn cầu sẽ được hoàn toàn giác ngộ”.

Bây giờ đã có cơ hội thuận tiện nhất để chỉ cho hoàn cầu biết con đường đưa tới sự thái bình an lạc cao cả nhất, mà chỉ có Đức Phật mới cứu cho ta được, vì bây giờ nhân loại cũng như thời đại của Đức Phật đã mở mang tinh thần rất sáng suốt rộng rãi. Bởi vậy chúng ta phải nhất quyết đi mà reo rắc mầm tốt trên khắp thế giới bằng cách khởi một phong trào “TỪ, BI, HỖ, XÁ” như lời Phật dạy.

Chúng tôi dốc lòng nguyện vọng cho nền Phật học thế giới được bành trướng khắp đó đây để làm cho bao tâm hồn đương sợ hãi góm ghê của nhân loại, đương áy náy lo âu, chiến tranh sẽ không còn trên hoàn cầu... Chúng tôi mời các Ngài thượng khách của chúng tôi đi thăm các ngôi chùa lịch sử và các lăng tẩm của chúng tôi. Xin thay mặt toàn nước Tích Lan và Giáo hội Tăng già, chúng tôi cầu chúc các Ngài mạnh khỏe phúc tuệ vẹn toàn và chúng tôi ước mong rằng: Mục đích của Hội nghị Phật giáo thế giới này là đem lại hòa bình cho thế giới được kết quả mỹ mãn.

Của ông LE DIGAVADAMA NILAME:

“Chúng tôi là Phật tử, một phần năm số nhân loại đã cùng nhau từ những phương xa ngàn muôn dặm tới đây hội họp để tỏ cho hoàn cầu biết sự thống nhất lực lượng tín ngưỡng của chúng ta.. một tín ngưỡng đã vượt lên trên tất cả bao sự khó khăn của hoàn cảnh trường ngại. Sự họp mặt của chúng ta ở trong ngôi chùa thờ Răng Phật này, mới thật là cuộc hội nghị xứng đáng của Phật tử thế giới, tới ngôi chùa này là nơi dấu vết đã được vị công chúa SANAWAL theo lệnh vua cha đem Răng Phật từ Ấn Độ sang đã 14 thế kỷ nay để giao phó cho xứ Lanka này. Thật là lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo mà các Phật tử gặp nhau để góp sức gom công đối

với tôi là người giữ gìn các thứ báu của Phật, tôi tin vào sự hội họp ở Lanka này là một việc vui mừng lớn lao.

Tất cả chúng ta tự đồng dục tuyên bố với hoàn cầu rằng: Từ chỗ đất danh tiếng mà chúng ta đến hội họp Hội Phật giáo thế giới để từ nay về sau sẽ làm nảy nở ra giữa nhân loại những tư tưởng của Đức Phật, tình thương yêu của muôn loài, nó sẽ chắc chắn đưa lại hòa bình hạnh phúc cho một thế giới đương điều linh.

Của bà G.C.LOUNSBERRY, Hội trưởng hội Ái Hữu Phật giáo:

Thưa Quý vị,

Các Phái đoàn Châu Âu và Châu Mỹ đã cử tôi đến đây để tỏ lòng thành kính với ngôi Tam bảo trong chốn tôn nghiêm này, có thể gọi được là Trung tâm điểm Phật giáo của hiện tại. Bởi vậy nhân danh tất cả các Phái đoàn Châu Âu và Châu Mỹ, tôi xin các Ngài nhận tấm lòng thành kính và tôn sùng sự cộng tác của Phật tử giữa Châu Âu, Châu Mỹ với Châu Á để cùng mong nhờ Phật Tổ độ cho chúng ta có cơ hội xum họp các mối lòng, các bàn tay công đức để tước khí giới trong các mối lòng thù oán, các bàn tay tàn sát. Theo đề nghị của Bác sỹ G.P.MALALASEKERA, tôi sáp nhập tất cả các Phái đoàn Châu Âu và Châu Mỹ vào quyết nghị thành lập một hội Phật giáo thế giới mà Trung tâm điểm hiện thời là Tích Lan. Chúng ta cùng nguyện với Bác sỹ rằng: Hội Phật giáo thế giới sẽ đem ra nhiều những mối dây tâm trí đoàn kết và lại là những dây thân ái với hiểu biết của các Phật tử trên thế giới để cho họ có thể cộng tác mà truyền bá Phật giáo. Tôi cầu chúc cho mọi loài đều được hạnh phúc.

6. – QUANG CẢNH BUỔI LỄ KHAI MẠC HỘI NGHỊ PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Buổi lễ khai mạc Hội nghị Phật giáo thế giới này do một vị lão Hòa Thượng chủ tọa về bên Tăng già và Thủ tướng Tích Lan nhận chủ tịch do lời mời của ban chiêu tập, cốt để Ngài có dịp hoan nghênh các đại biểu Phật giáo trên thế giới và để tỏ lòng sốt sắng của Ngài đối với tôn chỉ lập Phật giáo thế giới. Hồi 5 giờ chiều lễ mới cử hành, mà mới có 4 giờ chúng tôi đã ra đi, còn một phần ba (1/3) cây số nữa mới tới, thế mà chúng tôi đã phải xuống ô tô để đi bộ. Phần thì đông quá và chính tôi cũng muốn nhận ở lòng dân tộc Tích Lan hưởng ứng với Hội nghị Phật giáo thế giới này ra sao.

Thực là quang cảnh “xe hơi như nước, bóng người như mây”.

Tôi hỏi ông chủ nhà: “*Thành phố đây sao lắm xe ô tô thế nhỉ?*”

Ông cho biết: - “*Thành phố chúng tôi này, nhà có hai ba chiếc bù với nhà không có chiếc nào, tính trung bình thì mỗi nhà có một chiếc*”

Thảo nào mà nhìn quang cảnh của các con đường đi tới khán đài tựa như làn sóng ngũ sắc từ bốn phương tràn lại, vì rằng riêng cờ Phật giáo theo màu ngũ sắc nổi bật lên trên các ô tô. Đây là mỗi xe ô tô người ta chỉ cắm có một cây hoặc ba cây.

Hai bên vỉa đường thực là quang cảnh chảy hội, nhưng đám chảy hội này nó có một đặc điểm là đủ tất cả các màu da của các giống người trên thế giới. Người nào người nấy đều lộ đầy vẻ mặt phong nhã và hoan hỷ với bộ quốc phục của họ, hết thấy đều hăm hở tiến tới nơi hội nghị, thực không khác gì quần tiên tới hội bàn đào.

Tòa nhà dùng để cử hành lễ khai hội nghị này nó chính là tòa khán đài mà người ta bảo rằng nó to tát nhất, rộng rãi nhất của thủ đô Tích Lan. Tòa khán đài này, lối kiến trúc làm rất ít cột mà chạy dài, nếu quy vuông lại có thể hơn mẫu ruộng. Trước khán đài tôn một pho tượng Phật to lắm mà màu sơn son thiếp vàng đã có vẻ cũ. Chung quanh bệ tượng Phật bày rải hoa sen không biết bao nhiêu mà kể. Dưới chân bệ đều chôn bốn ngọn đèn điện lớn ở dưới đất cho ánh sáng của nó chiếu ngược lên tượng Phật thành ra ánh đèn chiếu với hào quang sắc vàng của tượng Phật lộ ra một vẻ thiêng liêng huyền bí, khiến cho người ta đứng bên ngoài chiêm ngưỡng vào thấy đầy chân tướng uy nghiêm vô hạn.

Còn một đám lớn mây cờ ngũ sắc treo khắp trên nóc khán đài nó chiếu ánh với đèn điện rồi theo luồng gió thổi mà phất múa chào các Phật tử thế giới. Lối để cho các diễn giả đi vào diễn đàn còn bày những chậu lúa vàng để tượng trưng những cảnh thái bình sẽ đưa lại cho nhân loại.

Bên ngoài khán đài là bãi đua, nó có một bệ thế rộng rãi thênh thang cho người ta đứng xem. Người ta ước lượng ngoài sân đua có linh vạn người đến xem, đây là chưa kể số bao nhiêu người có thiếp mời đến dự lễ với hơn một trăm Đại biểu của các Phái đoàn các nước ngồi trong khán đài. Đối với chư Tăng đến dự hội nghị, hình như ban chiêu tập có mật ý để cho thập phương chiêm ngưỡng oai nghi của các nhà đạo đức thì phải. Vì ký giả thấy sắp đặt để chỗ chư Tăng ngồi làm nhiều nơi, mà mỗi nơi chỉ có độ vài ba chục vị, chư Tăng đều mặc áo cà sa sắc vàng cả, thành ra những lớp sóng áo vàng của chư Tăng nổi bật lên giữa những làn sóng y phục ngũ sắc của thiện tín. Cuộc hội nghị này ban chiêu tập sắp cũng lắm công phu và mỹ thuật. Đúng 5 giờ, tiếng chuông trống với vận điệu âm nhạc nổi lên ba hồi vừa dứt thì Bác sỹ MALALASEKERA nhân danh trưởng ban chiêu tập ra cảm ơn Hội nghị, làm lễ khai mạc, Bác sỹ vừa dứt tiếng thì trời bỗng đổ mưa gió, nhưng không vì mưa gió mà trì hoãn lại để

nhờ mất cái giây phút thiêng liêng độc nhất của lịch sử Phật giáo thế giới, nghĩa là lễ khai mạc cử việc cử hành.

Chư Tăng Tích Lan đồng thanh tụng bài kinh Phạm tự vào 4 cái loa, tiếng thiêng liêng oai hùng truyền ra vang dội trời đất. Thực là đạo màu thiêng liêng cảm ứng mà lòng người ta không thể nghĩ bàn xiết được. Tất cả hội nghị đều chứng kiến đạo thiêng liêng thực hiện đó là vì vừa dứt tiếng tụng kinh thì mây quang mưa tạnh. Đương lúc hàng hơn vạn người đều yên lặng chăm chú hướng vào tượng Phật để nghe kinh một cách hoan hỷ cảm động, thì diễn văn bằng tiếng Phạm của Hòa thượng Phirivattaduwe Pallassa Vayasca Thera, diễn văn của thủ tướng Tích Lan D.S. Sananayaka v.v...đều tiếp tục đọc. Lại đọc đến những bức điện tín của mấy vị Tổng thống và Thủ tướng ở các nước gửi đến cầu chúc hội nghị Phật giáo thế giới thành công.

Dưới đây xin dịch hai bức thư của một vị Hòa thượng và một vị công chúa Thái lan (Xiêm). Bức thư của Hòa thượng Somdich Phara Vajirananaism là Pháp chủ của Giáo hội Tăng già Thái lan:

“Nhân dịp Hội nghị Phật giáo thế giới nhóm họp, nhân danh Pháp chủ Tăng già Phật giáo Thái Lan, tôi mong được tiến những lời chúc tụng thành thực và những lời cầu nguyện cho sự thành công của Hội nghị để đưa đến chỗ tiến hành thực sự về giáo lý của đức Phật Tổ để đem lại hạnh phúc hòa bình thế giới.

Đức Phật đã chỉ cho chúng ta con đường chính và sự hòa bình vĩnh viễn. Tôi cầu xin cho Hội nghị Phật giáo thế giới sớm đạt mục đích để tiến tới ngày kết quả hết sức mỹ mãn”.

Thư của công chúa Ponn Diskul:

“Thưa các quý vị giáo hữu, Tích Lan và nước Thái lan chúng tôi không xa lạ gì nhau, từ bao thế kỷ đến nay đã có biết bao nhiêu phái đoàn Phật giáo của hai nước chúng tôi đã

trao đổi mà lần này là lần thứ 16 của Phái đoàn Phật giáo Thái lan tới xứ này.

Ước mong tình thân ái của chúng ta được lâu bền mãi mãi. Nhân danh hội Phật giáo Thái lan và các Phật tử Thái lan, tôi cầu xin chúc các Ngài đều được hạnh phúc và Hội nghị thành công rực rỡ”.

7. – LỜI TUYÊN BỐ VÀ DIỄN VĂN CỦA KÝ GIẢ

Thưa Thủ tướng,

Phái đoàn Phật giáo Việt Nam lấy làm sung sướng được thấy Ngài áp dụng địa vị Thủ Tướng ra hộ trì Phật giáo, nhân danh Trưởng Phái đoàn Phật giáo Việt Nam chuyển lời toàn thể Phật tử Việt Nam trân trọng kính chào Ngài và cảm ơn Ngài và trân trọng kính chào Phật tử thế giới. Chúng tôi đến đây để biểu lộ một quan niệm thành kính tha thiết nhất là cầu chúc Hội nghị Phật giáo thế giới này sớm thành công ngõ hầu san sẻ hết sự đau khổ vô biên giữa nhân loại đã diễn, đang diễn và còn diễn nếu mà nhân loại không giác ngộ.

Thưa toàn thể Hội nghị Phật giáo thế giới. Trân trọng xin các Quý Ngài hoan hỷ nhận ở tôi kính cẩn chuyển lời của 18 triệu dân Việt Nam theo Phật giáo chào mừng toàn thể Quý Ngài và chúng tôi cũng xin thành thực dâng lời ca tụng công đức của Quý Ngài.

Giữa lúc phần lớn nhân loại đang xô nhau nghiên cứu phát triển về văn minh vật chất mà các Quý Ngài lại họp Hội nghị cùng nhau để tìm chân lý tiến hoá về tinh thần; nếu người nào nhận xét ở Hội nghị này một cách đơn giản, họ sẽ cho là phản tiến hoá, tôi có thể hiểu được thâm ý của các Quý Ngài, chẳng những không phản tiến hoá, mà còn muốn cho con đường tiến hoá hoàn bị nữa. Vì mục đích Hội nghị Phật giáo Thế giới của Quý Ngài là muốn cho nhân loại tiến hoá cả vật chất lẫn tinh thần, chứ không nên thiên khinh, thiên trọng một bên nào cả. Vì một bên nuôi sống cho thể xác, một bên nuôi sống cho tâm linh, toàn thể Hội nghị đã hoan hỷ ủng hộ cho chúng tôi phát biểu ý kiến. Vậy chúng tôi xin công hiến

Quý Ngài vấn đề: “ MUÔN CỨU VẮN HIỆN TƯỢNG THẾ GIỚI CẦN PHẢI HIỂU BIẾT CHÂN LÝ PHẬT GIÁO”.

Đứng về phương diện tương đối mà bàn: Kìa trước mắt chúng ta đã thấy muôn nghìn hiện tượng. Cuộc đời này cố nhiên là thế giới hiện tượng. Nếu như phóng tầm mắt đạt quang, ta sẽ thấy các hiện tượng nó là con ma ám ảnh nhân loại, quay chuyển từ đáy lòng nhân loại phát sinh ra; còn giống tham, sân, si, nó sẽ nảy nẻ ra muôn nghìn tính từ mâu thuẫn chênh lệch, đuổi theo với hoàn cảnh; tình theo cảnh chuyển, cảnh càng chuyển, tình càng mê, người ta lại càng nhận ở hoàn cảnh thật có. Đã nhận ở hoàn cảnh thật có rồi giác ngộ đâu được nữa mà chẳng hô hào nhau, xô đẩy nhau theo hoàn cảnh giả ảnh để tiến hoá, tranh dành để lấy cái hoàn cảnh giả ảnh cho được thỏa thuê với muôn nghìn thứ mưu cầu.

Nhưng, mưu cầu cái gì chứ? Kìa lịch sử thảm hoạ đã diễn, đang diễn sẽ diễn và còn diễn mãi mãi, nếu nhân loại không chịu gột rửa những khối óc tham, sân, si, để cùng đưa nhau đến thế giới sinh tồn, trong bầu không khí trong sạch sáng sủa, trái lại, cứ đua nhau tiến hoá tới cuộc đời giả ảnh, tuy nó có giả ảnh thực đấy, nhưng nó có một sức mạnh lôi cuốn nhân loại vào nơi đau khổ! Kìa! Như giấc mộng vốn là giả dối, thế mà người đương trong mộng dữ dội đó, cũng bị đau khổ, có khi đến nổi kêu ca khóc lóc. Hiện tại cả nhân loại đã chán ghét chiến tranh, sợ hãi tàn sát, thế mà trước mắt chúng ta thấy số người tự hào là tuấn kiệt của nhân loại, mà họ cứ xô đẩy nhau tiến hoá theo con đường bạo động vô ý thức, kẻ nào tài diên đảo là kẻ hào kiệt, kẻ nào tài giỏi gây vạ là hiền tài. Đứng về phương diện nhân đạo mà nhận xét, chỉ thấy họ cậy không bịp đại, cậy lớn bịp bé, cậy khỏe nuốt yếu để rồi phục thù báo oán. Thua keo này bày keo khác, thi nhau bày trò chủ nghĩa, thi nhau đóng kịch phái đảng, thi nhau hỗn độn tự do, thi nhau áp bức tranh dành, thế nhau xăm lãng phá hoại đến nỗi cả thế giới đều là chiến địa thảm thê, về nỗi chém giết

nhau cho máu thành sông, cho xương thành núi; thành sào giữa nhân loại mỗi ngày một thêm xây cao, bể khổ giữa nhân loại mỗi ngày một thêm khơi sâu. Như vậy thì muôn kiếp nghìn đời giữa nhân loại với nhân loại, giữa xã hội với xã hội chỉ vì những cái giá ảnh phú quý quyền lợi nó trói buộc nhân loại trong tấn kịch: Oan oan tương báo, thành, bại, oán thù, tương đối của kẻ mạnh với kẻ yếu, diễn hết thảm trạng này đến thảm trạng khác, hết khổ não này đến khổ não khác, đời đời kiếp kiếp nhân loại chỉ nói nhau quay cuồng trong nhà lửa, nấu nung đấm đui giữa khổ ải muôn trùng. Đứng giữa thời đại này, thảm trạng ấy, nếu chúng ta không có quan niệm tin tưởng, không có đường chân lý để đi, thì chúng ta bị quan đến cực điểm. Nhưng cũng chưa đến nỗi tuyệt vọng, là vì chúng ta còn nhiều lạc quan theo với chân lý tương quả nhân đôi.

Thế giới nhân loại này, đã là hiện tượng tương đối của nhân loại khổ nạn; vậy là đã có hiện tượng mê hoặc, phải có hiện tượng giác ngộ, có hiện tượng tạo tác, ác nghiệp, phải có hiện tượng cảm hoá tạo tác thiện nghiệp và có hiện tượng khổ nạn cũng phải có hiện tượng cứu khổ cứu nạn. Cái hiện tượng giáo hoá chúng sinh giác ngộ để tiến hoá trên con đường tạo tác thiện nghiệp sẽ đưa nhau đến cảnh giới đại đồng tới giải thoát khổ nạn, ấy chính là những pháp môn phương tiện tùy duyên theo với chân lý tuyệt đối trong Đại thừa Phật giáo. Tất cả các Ngài có mặt ở Hội nghị Phật giáo đây, đều là hiện tượng của chủ nghĩa Đại thừa Phật giáo cả, nhân loại đang đầy đoạ giữa hoàn cảnh đau khổ, họ càng đau khổ bao nhiêu thì họ càng đặt niềm tin vào quý Hội. Sau khi bé mạc, các Ngài sẽ là những ông mãnh tướng phụng mệnh Pháp vương ra tay phá địa ngục nhân gian, sẽ lại là những bậc Hiền tài Đại sĩ đem pháp mâu tuyệt đối ra giác ngộ cho nhân loại. 18 triệu dân chúng tôi theo Phật giáo, cũng như các số dân tộc theo Phật giáo ở các Quý Quốc, họ đều tha thiết mong đợi

các quý Ngài làm chân sứ mệnh “Tự giác, giác tha, tự lợi lợi tha của đức Giáo Tổ Thích Ca”.

Đây tôi xin cùng quý Ngài đứng về phương diện chân lý của Phật giáo mà bàn, chúng ta sẽ thấy tất cả vạn tượng chỉ là một mây bụi, tạm thế chỉ là một nháy mắt còn đem cái gì mà phân tách ra cho có hiện tượng thời gian lẫn không gian, mà vẫn không chia quốc gia này với quốc gia nọ, dân tộc này với dân tộc khác, nó chỉ là cái cảnh giới ở chân lý hiện ra, tuyệt đối trang nghiêm, chân lý đó không có hẳn, mà cũng không không hẳn, chẳng hẳn là một mà cũng không phải là hai, vì nó là chân lý tuyệt đối của “Pháp môn bất nhị”. Pháp môn đó có đủ tinh thần đưa nhân loại tiến hoá đến cảnh giới tuyệt đối, sẽ trút hết khổ não, cho nên trong kinh Đức Phật ngài nói: “Nếu người nào biết được đến đáy nguồn của nhân tâm, lúc đó sẽ thấy cả quả đất này không còn một tác nữa”. Một tác không còn thì còn gì có thể giới mà xâm lăng tranh cướp. Phật với chúng ta cùng là chúng sinh không khác; Phật tức là nhân loại đã tiến hoá đến cảnh giới đại đồng bình đẳng, thì làm gì còn thăm hoa lớn nuốt bé, khỏe hiệp yếu, khôn bịp dại nữa. Vì đó sẽ thấy rằng tuy thế giới này, nhân loại này, nhưng thế giới đã được nhân loại chuyển biến thành cực lạc mà nhân loại đã giác ngộ lên làm Phật. Chân lý Phật giáo lúc đó mới thực hiện ra ở cả cõi lòng nhân loại này. Chúng ta còn gọi đến danh từ Phật và danh từ chúng sinh, là chúng ta còn kêu gọi đến hiện tượng tương đối của Đức Phật đã chứng ngộ được chân lý hoàn toàn để tương đối với chúng sinh còn mê muội hoàn toàn. Chúng sinh nào được giác ngộ thì đời suy tôn làm Phật. Sở dĩ tôn làm Phật là để tương tượng một chân lý hoàn toàn chứa chất ở người đã giác ngộ mà còn để tương đối với chúng sinh còn mê muội chưa giác ngộ. Chân tướng của chúng sinh giác làm Phật chúng ta thấy ở đâu?

Sẽ thấy rằng: Núi sông cây cỏ đều là pháp thân, tiếng lá rung, hoa rơi, chim kêu, gió thổi đều là tiếng thuyết pháp mầu

nhiệm của pháp thân cả. Như vậy trên thế giới này đều là Phật quốc cả, nhân loại đều là hiện thân chư Phật cả, lúc đó không còn quốc gia này với quốc gia kia tương đối, dân tộc này với dân tộc kia tương đối, sẽ thấy cái danh từ thế giới nhân sinh không còn nữa. Phương diện giáo lý tuyệt đối của Phật giáo ta sẽ thấy rằng: Vạn pháp chỉ là nhất tâm; nói về thế giới, thì thế giới chỉ là những hình ảnh của bản thể pháp thân hay pháp giới hiện tượng ra. Nói về nhân loại hay cả muôn loài đều có cái thân thanh tịnh tuyệt đối, thiêng liêng tuyệt đối. Nó không hẳn là có, cũng không hẳn là không. Nó có thì có tự mây may. Nó là không thì cả thế giới này đều không. Vì con mắt phàm chẳng trông thấy được cái mây may nên cho là không, nhưng đã có mắt Phật, cố nhiên sẽ thấy sắc tức không, không tức sắc. Xưa kia Đức Phật Thích Ca trải qua 49 năm thuyết pháp giảng kinh hơn 300 hội, giác ngộ vô lượng chúng sinh mà những giáo pháp Ngài thuyết độ sau này biên chép thành ra gần 7000 bộ kinh, cố nhiên ta phải nhận ở Ngài có lịch sử: Tu thân, hành đạo, thuyết pháp, độ sinh trong 49 năm chứ? Thế mà gần đến khi nhập Niết bàn, Ngài bỗng đem pháp môn “bất nhị” ra để bảo cho chúng sinh biết rằng: “Từ xưa đến nay ta chưa từng có một chữ nào”.

Câu nói phút cuối cùng của Phật đó, ý Ngài nói: Trong 49 năm nói ra bao nhiêu ngôn ngữ văn tự, nó chỉ là phương pháp giác ngộ chúng sinh mê tâm, mê sắc, hoặc mê cả tâm lẫn sắc, một khi hết mê thì phép đó sẽ vô dụng, nếu đã giác ngộ mà cứ khư khư giữ lấy phép đó thì lại vẫn còn mê. Cũng tỷ như bệnh nhân khi đã mạnh khỏe mà còn theo bài thuốc chữa khỏi bệnh đó mà uống thêm nữa bệnh sẽ lại sinh; chân lý tuyệt đối ấy mặc dầu vẫn sẵn ở tâm lý chúng sinh. Khốn nỗi cái lưới vô minh nó đã bao trùm đi từ bao đời kiếp rồi, cho nên phần lớn chúng sinh bỏ quân đi, hầu như mất hẳn, tuy cũng còn số chúng sinh hiểu biết, nhưng chỉ hiểu biết một phần nào đó thôi. Chỉ duy có Phật với Phật mới hiểu biết hoàn toàn vậy.

Nói tóm lại, cái danh từ Phật hiểu biết đó là cái tương đối với danh từ chúng sinh mê lầm, thế tất nhiên vô lượng pháp môn của Phật cũng lại là những phương pháp tương đối để đối trị với vô lượng sự đau khổ của thế giới nhân loại đang hiện tượng.

Muốn cứu vãn thế giới nhân loại đang đau khổ cần phải biết áp dụng chân lý tuyệt đối của Phật giáo để xây đắp nền tảng nhân gian Phật giáo cho nhân loại đều sống lâu dài bình đẳng tự do mới có thể kết liễu được chiến tranh, mới có thể tiến tới cảnh giới đại đồng, hòa bình hạnh phúc. Còn nhân muốn trách sự đau khổ thì mỗi gia đình phải có một nền phong hoá Phật giáo, mỗi cá nhân cũng phải có ở tâm hồn một tinh thần đạo đức thần túy. Dưới đây xin dịch bốn câu kệ để kết luận:

Bản đồ Pháp giới hỏi ai tô?
Rằng tại lòng người chẳng tại mô.
Mười cõi Thánh Phạm tâm tạo đủ,
Nhân nào quả nấy chớ rằng vô.
Dưới đây là bài ký giả vịnh sau khi giảng xong:
Này đảo Thích Lan lắm phúc không?
Hội đồng Phật tử khắp Tây Đông,
Á, Âu bốn bể dâng hương thệ,
Tăng, Tục năm châu thắt giải đồng.
Phụng sự hòa bình theo Phật dạy,
Đề huê thân ái đội gùi chung.
Cõi đời hắc ám soi đèn tuệ,
Dù đất nhân sinh quyết gắng công.

Từ đây trở xuống sẽ chia làm hai đoạn:

a/ Kể lược qua sự hoạt động của cả 26 Phật đoàn Phật giáo từ 26-5 cho đến 7-6-1950.

b/ Kể riêng biệt về các hoạt động của ký giả theo những ngày kể trên.

8. – KẾ LƯỢC QUA SỰ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO

Ngày 27 tháng 5. - Từ 9 giờ sáng đến 11 giờ và từ 14 giờ đến 17 giờ hội họp ở Tòa Y.M.B.A. là trụ sở Thanh niên Phật giáo Tích Lan.

17 giờ Ngài Thủ tướng Tích Lan D.S. SENANAYAKE tiếp đãi các phái đoàn Phật giáo.

21 giờ. Hội Ánh Sáng (Pahan-Pinkamda) ở Raja Maha Vihara de Kelaniya thỉnh tụng kinh Paritta.

Ngày 28. - Từ 8 giờ đến 9 giờ nghe Hòa thượng KASSAPA thuyết pháp bằng Anh văn ở Maitriya Hall.

10 giờ, làm lễ đặt viên đá đầu tiên của công cuộc kiến trúc trụ sở Hội Phật giáo thế giới do Công chúa Thái Lan PONN DISKUL và Bà KARPELÈS, đại biểu Pháp được mời chủ lễ hưng công.

Ông M.D.P.R. GUMAWARDENA đọc diễn văn hành lễ:

Thật là một đặc ân cho tôi được cử làm Trưởng ban xây dựng ngôi chùa Hội quán Hội Phật giáo thế giới này, nên tôi được hân hạnh nói chuyện với các Quý Ngài. Ngày nay các Ngài đã đặt viên đá đầu tiên vào ngôi chùa để cho Phật tử thế giới phụng sự chung, nó còn là chỗ nghỉ chân cho Phật tử đi chiêm bái hay đi du lịch có chỗ nghỉ ngơi và nó còn là hình ảnh thiêng liêng của các dân tộc trên toàn cầu. Tôi tin chắc chắn vào ngôi chùa này để cho mọi người chiêm ngưỡng sẽ thấy ý chí họ trách điều ác, làm điều lành hoặc gột rửa cho tâm hồn được tinh khiết.

Các Ngài từ mười phương tới đây để cùng nhau lập Hội Phật giáo thế giới công nghiệp vĩ đại của các Ngài đó sẽ được ghi vào lịch sử huy hoàng của nước chúng tôi. Chúng tôi còn

phải cảm ơn các Ngài đã làm cho đất nước chúng tôi được thêm vinh dự, đã để lại trong bao nhiêu tâm hồn dân tộc chúng những kỷ niệm bất diệt.

Các Ngài với chúng tôi đã ý hiệp tâm đầu trong những sự giao dịch về văn hoá cũng như về xã hội, cái đó sẽ có một giá trị vô song trong sự theo đuổi công việc giữa các Ngài với chúng tôi sẽ còn tồn tại mãi mãi.

Tôi chắc chắn rằng các Phật tử nước tôi sẽ cùng tôi để tỏ lòng thành kính cầu chúc các Ngài đều được phúc tuệ tinh tiến.

Chúng tôi không quên cảm ơn các anh chị em Phật tử trong nước đã góp sức vào việc xây dựng này và mong rằng số đông các vị hảo tâm khác sẽ cùng theo gương phúc đức đó để giúp cho chúng tôi làm ngôi chùa này chóng được viên thành phúc quả.

11 giờ giáo hội Tăng già Y.M.B.A. Colombo thết tiệc trai riêng, có tới 200 vị Thượng toạ, Đại Đức đến dự.

Từ 14 giờ đến 17 giờ, hội họp làm việc.

20 giờ, dự cuộc hát do hội thiện Y.M.B.A. tổ chức.

Ngày 29-5. - Từ 8 giờ đến 11 giờ và từ 14 giờ đến 17 giờ: Hội họp làm việc.

17 giờ 30, Ông KUMARAM RATNAM Thị trưởng COLOMBO và phu nhân thết tiệc các Phái đoàn Phật tử tại gia.

20 giờ 30, các bà trong hội Y.M.B.A. đãi tiệc trà ở G.O.H. có những điệu nhạc Tích Lan rất vui.

Ngày 30-5. - Các đại biểu đi thăm các thành phố lớn.

Ăn sáng tại KURUNEGALA do Hội Phật giáo bản xứ tổ chức.

Khánh thành công cuộc mở mang thành phố ANURUDHAPURA.

21 giờ: Rước.

Ngày 31-5. - Thăm các đền chùa và thắng tích tại ANURUDHAPURA.

Ngày 1-6. - Sáng: Thăm đền MIHINTALE (còn gọi là MAHINDA) thờ con vua A DỤC CA, người đã mang Phật giáo truyền vào Tích Lan.

Chiều: Đến POLONNARUWA. Cuộc tiếp đón các đại biểu do Ngài P.L BANDHASARA và hội Phật giáo POLONNARUWA và MINNERYA tổ chức.

Ngày 2-6. - Sáng: Thăm thành phố POLONNARUWA, một trong những kinh đô cổ nhất của Tích Lan.

Chiều: Thăm lâu đài SIGIRIYA.

Ngày 3-6. - Buổi sáng đi thăm chùa DAMBULLA có những bức hoành sơn cổ tả đời Đức Phật và sự tích Phật giáo Tích Lan. Tiếp đón các Phái đoàn có Hòa thượng ANANDA THERA và Đại đức H.B. TENNE ESQ M.P. Đi thăm ALUVIHARA là nơi phép kinh Phật đầu tiên. Hôm nay thụ trai ở MATALE.

15 giờ 30, tới KANDY, chiêm bái Răng của Đức Phật.

18 giờ, dự lễ thụ giới ở chùa MALWATTE.

21 giờ, xem cuộc rước tranh tượng Phật có rất nhiều đuốc và voi.

Ngày 4-6. - Đến PANADURA, dự lễ thụ giới ở chùa PAIYAGALA.

Ngày 5-6. - Từ 8 giờ đến 11 giờ và từ 14 giờ đến 17 giờ, lại từ 20 giờ đến 23 giờ: Hội họp làm việc.

Ngày 6-6. - Từ 8 giờ đến 11 giờ và từ 14 giờ đến 16 giờ: Hội họp làm việc.

17 giờ 30, ông toàn quyền LORD SOULBERY đón tiếp.

Ngày 7-6. - 9 giờ, khánh thành tòa điện trưng bày các tặng phẩm của các phái đoàn Phật giáo có những sách của những nhà khảo cứu Phật học, những sách của các Phật tử và những tặng phẩm của nước Pháp cho trường Đại học Tích Lan.

Dưới đây lại tóm tắt những thư từ trao đổi trong các cuộc bàn cãi về phương châm làm việc.

Đại biểu hội Phật giáo Ấn Độ, Bác sỹ BARUA tường trình về công việc hiện tại của hội đó. Ông nói chùa hội quán của hội ông cổ nhất của tỉnh CALCUTTA và trong chùa có Tăng học mục đích để huấn luyện cho chư Tăng hiểu đạo lý rồi sẽ trở về xứ sở mà giữ gìn đạo Phật. Thượng toạ JINARATANA đại biểu Hội Maha Bồ Đề (Ấ Độ) trình một bản kê khai của hội đó từ năm 1891 nhằm năm Hòa thượng DHARMAPALA từ Tích Lan đến Ấn Độ du lịch rồi tự tay phục hưng Phật giáo ở Ấn Độ. Hòa thượng Ngài đã đi du lịch khắp toàn cầu, không những sáng lập hội Maha Bồ Đề mà còn làm nên nhiều những cơ sở khác nữa.

Bà KARPELÈS xin với hội nghị tất cả các bài về Phật giáo đều được gửi cho Bà M. LALOU để đăng hàng năm vào tờ Bibliographique Bouddhique (mục lục các sách Phật) ở PARIS.

Ông hội trưởng Liên đoàn Phật giáo Mã lai nói qua về tình hình hoạt động của Phật giáo trong bầy tính ở Mã lai, mà trong đó một nửa phần dân chúng là người Trung Hoa. Ông M. NORDBERG đọc một tờ tường trình của hội Phật giáo Phần Lan do ông sáng lập. Ông RANI, xứ Bhutan trình hội nghị rằng: Tuy nước ông hẻo lánh nhưng vẫn trung thành với Phật giáo.

Ông Quốc vụ Khanh Thái Lan nói về lịch sử Phật giáo Thái Lan và cách tổ chức Tăng già, cách in kinh tạng. Đại biểu Tiệp Khắc đọc một bức thư. Đại biểu Nhật Bản xin cho thường dân có máy truyền thanh và yêu cầu can thiệp về việc bỏ dùng bom nguyên tử. Đề nghị này lại bị bác vì có tính cách chính trị. Ông TUN-HLA-OUNG, tham mưu trưởng xin xây ở Luân Đôn một ngôi chùa hội Phật giáo. Ông KRASKOPL yêu cầu hội nghị phục hưng Phật giáo ở nước Đức. Giáo sư BARUA xin rằng, ngày Vesak phải được coi như ngày Quốc

lẽ. Bác sỹ MALALASEKERA xin rằng: chữ Hinayana từ nay sẽ được thay bằng chữ Theravada.

Tất cả các quyết nghị trong cuộc hội nghị đều được chăm chú thực hiện.

Các nghị quyết sau này đã được toàn thể ban chấp hành của hội Phật Thế giới ủng hộ.

Tất cả các bài đăng và các sách vở nói về Phật giáo đều được thông tri cho tờ báo đã kể trên ở Ba lê, sự phục hưng nghệ thuật Phật giáo hội nghị cho là việc tối cần.

Một chương trình về các báo chí làm cơ quan cho Phật giáo thế giới phải được nghiên cứu rõ ràng, các kinh sách và các tài liệu về văn hoá cả về ca nhạc v.v... đều cần phải có.

Trụ sở trung ương của hội Phật giáo thế giới định đặt ở Tích Lan.

Bác sỹ G.P.Malalasekera được mọi người bầu làm chủ tịch ủy ban giám đốc hội. Không thể chép ra đây tất cả các thư từ của hội nghị, chúng tôi chỉ chọn lấy những cái có vẻ thú vị cho các độc giả, như thư của xứ Népal quê hương của Đức Phật:

Lịch sử xứ Népal nói rằng: Cái vùng núi ở dưới núi Hy mã lạp sơn đã được 6 vị Phật để chân trước Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Chính Đức Phật Ngài chọn đây là nơi giảng sinh. Lúc thành Phật, đức Thích Ca Mâu Ni không những nhiều lần đến thăm Ca tỳ la vệ là lại đi vào giữa xứ Népal đến ở đây, Ngài được vua xứ Kiraty là Jitedasi đón tiếp. Một cái bia dựng lên ở chỗ đáng ghi nhớ, bây giờ gọi là Namura, mà ở đây là nơi Đức Phật Ngài giảng kinh Jalaka de vyghri.

Khi hoàng tử Vidudabha con vua Kosala tàn sát họ Thích Ca; Những người chạy thoát vào trong giữa xứ Népal. Trong kinh nói rằng: hầu hết họ Thích Ca và họ Kolyas đều nương náu vào Phật, Pháp, Tăng trong khi Đức Phật còn tại thế. Sự này còn chỉ rõ rằng các đệ tử trung thành của Đức Phật vẫn

tỏ rõ cho nhân gian xứ Népal biết cái lòng từ bi của Đức Phật cả sau khi Ngài nhập niết bàn.

Nhưng chính vua Dharmashoka đã vì Phật giáo mà đã chiếm được cả xứ Népal. Ông ta đến thăm xứ Népal năm 259 trước thiên chúa, đi theo có công chúa Carumali, về sau công chúa lấy một người quý phái xứ Népal tên là Devapala. Cuộc đến thăm ấy được tả trong quyển Swayambhu Purana. Năm cái bia xây do vua dựng là ở giữa và bốn góc tỉnh Ashoka Pantan vẫn còn làm chứng cho cuộc đến thăm ấy. Cái chùa được công chúa Carumati sau khi đi tu làm Tỷ khiêu ny xây, bây giờ đặt tên là Ca Bahil (Caru Vihara). Hai cột trụ của vua hiện ở Lâm tỳ Ny và Ca tỳ la vệ đều ở trong tỉnh Népal Tarai.

Trong những thế kỷ đầu, Phật giáo Népal được giữ nguyên vẹn. Chính những Phật tử xứ Népal đem truyền đạo Phật sang Tây Tạng vào thế kỷ thứ 7. Công chúa Népal là Bhukuti (con vua Ansuvarma) lấy một ông vua Tây Tạng là Song Tsen Dom Po vào năm 640 và giúp cho sự đem đạo Phật vào, Tây tạng và sự truyền giáo. Một đền thờ Bà vẫn còn ở Lhassa. Tất cả các vị Đại Đức đi đến Tây Tạng hay là các miền bắc do các trường Đại học Phật giáo như trường Nalanda và Vikramachila đều dùng tại Népal. Ta có thể kể tên các ông Shanirakahita, Kamalashila và Dipankara Srignana.

Vua Yakshamal trị vì vào thế kỷ thứ 17 chia nước cho ba con. Vua nước Gorkhas là Prithvi Narayan nhân cơ hội ấy tràn vào xứ Népal vào năm 1775. Từ ấy không có những vua Phật giáo ở Népal, sự thống trị của vua Narayan và của các người nối ngôi rất vững vàng. Mặc dầu những sự khổ sở đau đớn, các Phật tử xứ Népal vẫn trung thành với tín ngưỡng của Tổ tiên, không bao giờ họ bỏ cái kiêu hãnh được làm quyền thuộc với các đệ tử Phật. Ngay bây giờ, phần đông xứ Népal theo Phật giáo, chỉ trừ có vùng phía nam là lẫn một số đông không theo đạo Phật.

Nhưng các Phật tử xứ Népal bây giờ không theo Đại thừa cũng không theo Tiểu thừa. Đó là một thứ pha trộn riêng biệt của những phần không phải thuộc Phật giáo chế độ giai cấp và nhiều phong tục mới đã làm thay đổi họ đi. Đã có một lần một Phật tử nổi danh là Oldfied nhận thấy sự mất hẳn Phật giáo ở quê Đức Phật. Nhưng, những Phật tử xứ Népal có thể tự hào rằng: Mặc dầu có những sự tàn sát căm đoán, họ vẫn còn giữ được đức tin cổ truyền và một lòng mộ đạo đáng được Thế giới Phật giáo khen ngợi.

Nhà Phật giáo xứ Népal nổi danh nhất trong các sư thân bây giờ là ông Sri Dhamaditya Dharmacarya, những công trình của ông như in quyển Phật giáo Ấn Độ (Buddhist India) và tổ chức diễn thuyết về toàn cõi Ấn Độ được Phật tử biết đến.

Theo hầu Ngài có hai vị sư xứ Népal rất cương quyết: Đại Đức Dharmaloka và Đại Đức Mahaprajja. Các ông phải đương đầu với nhiều sự, cản trở khó khăn. Năm 1926 lại có vị Đại Đức cũng như vài vị Đại Đức trước bị trục xuất ra khỏi xứ Népal. Nhưng được hiểu sự hy sinh cao cả của Hòa thượng Darmapala sáng lập ra hội Maha Bồ Đề ở Ấn Độ, các ông lại giữ trách nhiệm dìu dắt các Phật tử xứ Népal theo triết lý thần túy của Đức Phật khi các ông ấy được phép trở về nước.

Chẳng bao lâu nhiều các vị Đại Đức ở Népal khác đến theo các ông như các Đại đức Aniruddha, Amritananada, Mahanama, Subodhananda, Sakyananda, Buddhagsila và Dharmaloka Thera chỉ huy các hoạt động Phật giáo ở Népal với lại đủ mọi phương pháp. Ba vị Tỷ khiêu nữa là: Asvaghosa, Kumara và Vimalanada đang theo học ở Tích Lan.

Trong năm 1944, lại có một cuộc trục xuất các Phật tử xứ Népal trong thời kỳ khốn quân đó, Hội Maha Boddhi Ấn Độ giúp đỡ rất nhiều cho các Đại đức bị trục xuất. Cùng năm ấy các Phật tử xứ Népal gặp nhau ở Isipatana và thành lập Hội Dharmodaya Sabha để truyền giáo ở Népal. Hội Sabha, được

Hòa thượng U. Chandamani, Mahathera và Bhadanta-Ananda Kausalyayana là chánh phó Hội trưởng trông nom và đã gây cho Hội Sabha một thế lực lớn. Không có các người thì chúng tôi không làm được một việc gì cả. Phái đoàn của Tích Lan đến thăm xứ Népal năm 1946. Thượng toạ Naradha Thera Trưởng phái đoàn được vua Maharaja đón tiếp. Đại đức Amritananda đi theo Ngài nói với vua về trường hợp những Đại đức xứ Népal bị trục xuất. Những người này được phép trở về nước. Thượng toạ Maha Thera Narada trở về Népal năm 1946, để dự lễ khánh thành tháp Sri Lanka Caitya mà ở đấy để xá lợi mang từ Tích Lan về. Nhân dịp đó vua Népal tuyên bố ngày Vaisaka Purnima là ngày quốc khánh cho tất cả Phật tử trong nước. Trong cuộc tới thăm ấy một ngành cây Bồ Đề được trồng. Một tịnh xá được lập cho các Đại đức và mở một thư viện cho các Phật tử. Lần thăm thứ ba của các Hòa thượng Mahathera Naradha năm nay vào dịp lễ Vaisaka có một sự quan trọng đặc biệt. Những sự đến thăm của Đức Mahathera đã giúp chúng tôi hiểu rõ thêm về giáo lý thuần túy của Đức Phật và để nối dây liên lạc chặt chẽ với các Hội Phật giáo các nước. Trong 6 năm nay. Hội Sabha đã làm việc và được kết quả là Đạo Phật lại được tin theo ở xứ Népal. Chúng tôi mong cải cách các hình thức mà đã đi sai giáo lý thuần túy của Đức Phật với sự giúp sức của vài nhà học giả xứ Népal và mấy người mộ đạo chúng tôi đã thành nhiều Viharas như Patan, Palpa, Tansen, Butaul Pokhra, Kathmandu và Bhojpur. Chúng tôi được một ngôi nhà lớn ở Kalimpong ở phía tây xứ Bengale, sẽ làm trụ sở và do đấy đang điều khiển các hoạt động của chúng tôi. Cơ quan nguyệt san của chúng tôi, báo Dharmodaya được đặc điểm là tờ báo độc nhất của xứ Népal. Chúng tôi đã in rất nhiều sách về Phật giáo bằng tiếng Newari và Népal. Những học sinh Népal gửi sang Tích Lan học rất tán tới về đạo Phật và tiếng Phạm. Nếu có cơ hội thuận tiện chúng tôi mong thành lập một

trường Phật học ở Kathmandu mà Đức vua đã cho phép. Một nhà hảo tâm đã cho chúng tôi một ngôi nhà thật lớn.

Những dự tính chúng tôi làm:

1) Làm cho những Phật tử xứ Népal hiểu rõ bốn phận làm đồ đệ và họ hàng của đức Phật. Về mục đích ấy chúng tôi muốn mở nhiều trường Phật học ở Népal.

2) Tất cả các làng to đều phải có một ngôi chùa với một hay nhiều vị Tỷ khiêu trụ trì. Mỗi một chùa phụ thuộc vào một Hội Phật giáo và hàng tuần ngày thứ bảy đều có lớp giảng đạo và phát thuốc không lấy tiền.

3) Kinh Tạng, lời giảng và các sách vở khác về Phật giáo đều phải dịch ra tiếng Newari và Népal và được phổ thông cho mọi người với giá thật hạ.

4) Sự cần có một đông người làm việc đã thấy rõ rệt và chúng tôi mong thấy một số đông các trai trẻ Népal bắt tay vào một công việc Phật giáo. Như thế cần một số tiền lớn của Hội cấp cho nhiều thanh niên của xứ tôi đều ra ở nước có Phật giáo để học Phật giáo thực nghiệm.

5) Chương trình của chúng tôi cũng gồm cả việc ấn loát hai tờ báo nữa; một bằng tiếng Anh và một bằng tiếng Népal. Một tờ báo Anh Dharmodaya cho chúng tôi được luôn luôn giao dịch với các đạo hữu trên toàn cầu.

6) Xin với chính phủ Népal tìm cách gìn giữ các di tích Phật giáo hiện nay không có ai canh giữ trách nhiệm và sự trông nom gìn giữ Lâm tỳ ni và Ca tỳ la vệ cũng như nhiều chùa cổ khác đều phải giao cho một ủy ban Phật tử.

7) Khuyến khích các Phật tử các nước khác đến thăm xứ Népal. Những nhà thông thái và những nhà khảo sát về các nơi Phật tích sẽ được mời khảo cứu về văn hoá Phật giáo vĩ đại bằng tiếng Phạn hiện vẫn được gìn giữ ở xứ Népal trong các thư viện. Về sự phong phú về các bản tiếng Phạn nói về Phật giáo chưa in bao giờ, xứ Népal chỉ chịu thua có xứ Tây Tạng. Chúng tôi mong rằng Chính phủ của Đức Vua sẽ dành

cho những nhà thông thái muốn tham khảo được hết sức dễ dàng.

Thật là một sự giúp đỡ lớn lao cho chúng tôi nếu tất cả các nước Phật giáo như Tích Lan, Diêm Điện và Thái Lan có thể cấp cho chúng tôi những học bổng để cho học sinh Phật tử xứ Népal được theo đuổi học hành. Trong tất cả các hoạt động của chúng tôi, chúng tôi vẫn trông vào sự nâng đỡ tinh thần và vật chất của các đạo hữu và về ý tưởng mà hàng nghìn Phật tử ở các nước sẽ sẵn sàng cộng tác với chúng tôi, như thế sẽ làm vững chắc sự tin tưởng trong công việc của chúng tôi.

Sự tuyên truyền Phật giáo ngày nay là một sự cần thiết quốc tế và cần có những hy sinh lớn lao của các nước Phật giáo Âu-Á. Chúng tôi, Phật tử nước Népal rất lo lắng góp sức vào công việc lớn lao để làm cho Phật giáo thành một Tôn giáo quốc tế, để nhận của những đạo hữu tất cả những gì mà họ cho chúng tôi và để dâng cho tất cả cái gì mà chúng tôi có thể biểu họ được.

9. – KÈ RIÊNG BIỆT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Kỷ niệm công đức Phật cứu hai Hoàng tử

Theo lịch sử Phật giáo Tích Lan, khi Đức Phật Thích Ca đương giảng đạo tại Colombo, trong triều đình nước Tích Lan bỗng xảy ra việc Hoàng tử MOHADARA và Hoàng tử CHULADARA con của vua Tích Lan, vì sự tranh nhau nối ngôi báu quá kịch động, sắp xảy ra sự can qua tàn sát, mà đến cả nhà Vua lẫn triều đình cũng không ngăn nổi cái thảm trạng nôi da sáo thịt sắp diễn ra ấy. Tin ấy đồn đến tai Đức Phật, Ngài liền cho mời cả hai anh em Hoàng tử đến giảng giải. Lúc ấy cả hai Hoàng tử đều hòa hợp vì nghe lời Phật trở lại với tinh thần cốt nhục.

Sau khi Đức Phật vào Niết bàn, nhà Vua Tích Lan nhớ ơn Ngài, mới cất ngôi chùa ở ngay nơi Phật giảng hòa để thờ kính. Hiện ngôi chùa danh lam cổ kính nhất ấy vẫn còn ở Thủ đô mới của Tích Lan. Chính là ngôi chùa Hội nghị đến làm lễ đây.

Hằng ngày cứ đến ngày Phật giảng hòa cho hai Hoàng tử là ngày 27-5 dương lịch, được đặt vào ngày quốc lễ của Tích Lan. Hòa thượng trụ trì cho biết: Năm nay Chính phủ Tích Lan cho tổ chức lễ kỷ niệm này long trọng hơn mọi năm là vì có Hội nghị Phật giáo thế giới.

Đúng 9 giờ đêm, chúng tôi cùng hai ông bà chủ nhà đi ô tô đến.

Ông chủ dẫn tôi đến chỗ có hai người đã cầm sẵn giáo đứng bên bể nước, họ liền múc nước rội cho chúng tôi rửa tay, rửa xong đi đến nhà Bảo tháp. Ông chủ lại vốc hoa mang sẵn trong lẵng đưa cho tôi rồi nói: “Thượng tọa dâng hoa lễ tháp này trước đã, vì tháp này có xá lợi của Đức Phật”. Hai tay tôi

đơ vốc hoa rồi đi lượn xem có chỗ nào thừa người để vào dâng hoa, mà đi lượn mãi mà không làm sao len chân vào được với lớp sóng ngũ sắc, cứ hết lớp này đẹp xuống lại lớp kia dềnh lên của thập phương thiện tín đương lễ quý chung quanh cây bảo tháp to ngang núi. Sau có mấy người biết chúng tôi muốn dâng hoa đỉnh lễ, họ liền đứng dậy lấy tay ra hiệu để nhường chỗ cho chúng tôi vào lễ.

Đến đâu theo lệ đấy, hai Ông bà chủ đều quý xuống đất lễ, nên tôi cũng quý lễ. Lễ tháp xong lại trở vào Bảo điện dâng hoa lễ Phật rồi mới ra đi xem.

Đầu tiên xem đây nhà một trăm gian làm chạy vòng quanh một nửa tòa Bảo tháp. Trong trăm gian nhà này đốt không biết bao nhiêu là đèn nến. Tôi hỏi bà chủ nhà:

- Người ta làm gì trong nhà này mà thấp nhiều đèn đến thế?

Bà trả lời:

- Cái nhà này chỉ làm nên để cho nhân dân đốt nến, cúng lễ trong các ngày trọng lễ. Phần nhiều nến đã bị gió thổi tắt đi rồi đây, nếu còn đủ cả, thì có tới 84000 ngọn kia.

Ký già còn đếm được hai chục cây tre tươi, người ta chặt xuống để nguyên cả cành đem chôn xen lẫn với hàng cây chung quanh chùa, bên trên treo toàn đèn điện bóng ngũ sắc chiếu với những rừng cờ ngũ sắc phát phơ lóng lánh coi đẹp vô hạn.

Lại còn có những cái Phật đình mà người ta gọi là kiệu rước Phật của nam nữ thanh niên Phật tử họ làm ra để rước. Người ta đều làm dùng tre nứa làm khung, nhưng bên ngoài trang hoàng thì mỗi cái một khác; cái thì dùng các thứ hoa, lá thực kết nên, cái thì dùng hoa lá vải kết nên, lại có cái thì bằng bông ruộm các màu sắc kết nên. Các khán giả đều phải khen các cái kiệu rước Phật đó, họ làm công phu và mỹ thuật lắm. Bên trong cái nào ở giữa cũng có tranh Phật, chung quanh thấp nhiều đèn nến, bên dưới theo sau mỗi Phật đình là

những nam Phật tử và nữ Phật tử, mà nam rước riêng, nữ rước riêng. Tuy vậy cũng có rất nhiều ông bà già nhập vào với họ nữa. Mỗi Phật đình có độ 50 người, 4 người phụ kiện, còn đều đi thành hàng dầy theo sau Phật đình, hết tụng kinh lại hát các bài Phật nhạc coi như hội rước “Tiên đăng, Tiên nhạc” vậy.

Tôi hỏi bà chủ: Sao lễ không có oản quả mà chỉ có bông hoa, đốt đèn, rước, tụng kinh, ca nhạc thế bà nhi?

Bà ấy trả lời: Dân Tích Lan chúng tôi không bao giờ dùng oản quả và làm cỗ dâng cúng Phật. Chư Tăng chúng tôi chỉ có dạy rằng: Cúng Phật tụng kinh chỉ cần đốt nhiều đèn nên sẽ được phúc sinh ra nhiều trí tuệ, cúng nhiều hoa sẽ được phúc sinh ra nhan sắc mịn màng tươi đẹp. Hát các bài Phật nhạc để tán dương công đức Phật, để khơi gợi lòng người tỉnh ngộ sẽ được phúc giọng tốt tiếng hay.

Từ lúc tôi đến Bảo tháp và Phật điện cho đến mãi lúc này, mà tôi không hề thấy qua một vị tăng nào ngồi hay đứng chỗ nào để tụng kinh cả, thế mà cứ thấy bốn cái loa truyền tiếng tụng kinh vang rộ ra; sau ông chủ nhà mới dẫn đến ngôi nhà giảng đối trước mặt một pho tượng Phật, rồi thay phiên nhau tụng độ 15 phút lại thay phiên khác.

Chư Tăng tụng trước, thiện tín tụng sau, mà đều tụng bằng tiếng Tích Lan. Trong khi tụng kinh, chỉ khi nào thay phiên mới đánh ba tiếng chuông mà thôi, chứ không hề đánh mõ tụng nhanh liền đi như ở Việt Nam chúng ta.

Dân Tích Lan họ tín ngưỡng chân chính thuần túy, không có cái mê tín dị đoan, có lẽ một phần lớn ở chỗ họ tụng kinh họ hiểu nghĩa ngay, là vì họ tụng ngay bằng tiếng mẹ đẻ. Tôi còn muốn nói thêm đến tục lệ của thiện tín Tích Lan khi đến chùa lễ nữa. Đối với thiện tín thì người nào đến trước tụng trước, người nào đến sau tụng sau. Người nào đem khăn hay giấy đi sẽ trải xuống mà ngồi, nếu không đem đi tất ngồi xuống đất mà tụng, chớ không làm gì có ai trải chiếu cho ai ngồi cả. Ngay bà chủ nhà đi với tôi là bà Bộ trưởng, chồng bà

đương tại chức, thế mà đến chùa cũng phải phục ngay xuống đất mà tụng kinh lễ Phật. Có như thế mới đúng với nghĩa “xả thân cầu đạo”.

Người trên như thế, có nhiều người dưới bắt trước, thật là giản dị mà biểu lộ được tinh thần tự do trong việc đi lễ, khi đến chùa nào là hầu trà nước, rồi lại hầu tiền lễ, trái chiếu, rồi đến cả hầu làm, cỗ bưng mâm, để cho người ta hầu đủ mọi việc trong khi mình đi lễ cầu phúc như vậy, sao gọi là “xả thân cầu phúc” được.

Chiêm bái xong, chúng tôi mới đến thăm Sư Cụ Chủ chùa. Bà chủ nhà đi với chúng tôi, vốn là con quy của chùa này, nhanh nhẹn vào trước để báo tin. Sư Cụ ra đón vào nhà khách mời ngồi. Một chú tiểu đồng mau mắn bưng ra khay nước đặt cho mỗi người một chén. Bà chủ đứng dậy vái. Sư Cụ bản tự điềm nhiên chấp tay dì dầm, có lẽ là Ngài cầu nguyện thì phải. Tôi hỏi Sư Cụ bản tự: *Ngày lễ long trọng này Sư Cụ có bận việc lắm không?* - Ngài trả lời: *Không lấy gì làm bận lắm vì đã có Chính phủ cử ban tổ chức lễ nghi.*

HỎI. - *Lấy tiền đâu mà tổ chức long trọng thế?*

ĐÁP. - *Đã có tiền công quỹ của Chính phủ.*

HỎI. - *Thế số thu được của thập phương thì Chính phủ có lấy không?*

ĐÁP. - *Bao giờ Chính phủ chúng tôi cũng cúng số tiền ấy để vào nhà chùa chi dụng. Sư Cụ bản tự lại hỏi:*

HỎI. - *Ở Việt Nam có những ngày Quốc lễ về Phật Giáo không?*

ĐÁP. - *Hỏi Pháp thuộc ở Việt Nam không có ngày Quốc lễ nào cả, nhưng từ ngày độc lập đến nay, thì các ngày Đức Thích Ca giáng sinh và tịch diệt được coi là ngày lễ chính của Phật Giáo cũng như ngày Quốc Lễ.*

HỎI. - *Giáo lý đạo Phật ở Việt Nam có được dễ dàng không?*

ĐÁP. - Hơn 20 chục năm nay nhờ có ảnh hưởng Phật Giáo chấn hưng ở các nước lân cận, nên ở Việt Nam cũng có hội Phật giáo, Phật học ra đời cho nên các cơ quan truyền bá Phật giáo cũng được thành lập, những cũng vẫn bị chính trị và kinh tế chi phối kìm hãm, cho mãi đến mấy năm gần đây, mới được tự do truyền bá, thì lại bị tai hại chiến tranh tàn phá hủy hoại.

HỎI. - Tăng đồ, tín đồ hiện tại ở Việt Nam sinh hoạt ra sao?

ĐÁP. - Một phần lớn chùa chiền nhà cửa bị tàn phá, ruộng vườn bỏ hoang dậm, cố nhiên sự sinh hoạt phải túng thiếu. Tuy vậy nhưng tinh thần của họ vẫn sống với tin tưởng vinh quang mạnh mẽ.

Cuộc nói chuyện đã hết đến nửa giờ, trông đồng hồ đã gần 11 giờ rồi, chúng tôi phải xin cáo từ ra về với một kỷ niệm ngày quốc lễ của Phật giáo Tích Lan.

10. – THANH NIÊN PHẬT GIÁO TÍCH LAN CÚNG TRAI

Buổi họp chiều hôm 27/5 tại trụ sở Thanh niên Phật giáo Tích Lan khi sắp bế mạc, một ông già gần 60 tuổi ra bạch rằng: Nhân danh trưởng đoàn Thanh niên Phật giáo xin kính mời Chư Tăng hội nghị nhận cho đoàn Thanh Niên Phật tử chúng tôi cúng dàng bữa Ngọ vào ngày chủ nhật sắp tới tức là 28/5 này tại trụ sở của đoàn. Chư Tăng nhận lời.

Hôm sau gần giờ Ngọ, chư Tăng ở các nơi đều có xe đưa đến nhà ngôi tạm. Ở đây người ta đặt ra hai nơi ngồi: một ngôi để ngôi tạm, một ngôi ngồi chính thức để làm phép trai thụ trai. Trước cửa nhà ngôi tạm, Thanh niên Phật tử tổ chức một lễ nghi không những tỏ ra tinh thần kính trọng chư Tăng mà còn có ý nghĩa khiến chư Tăng phải suy nghĩ đến địa vị của mình mà cố gắng dằn thân trên con đường tu niệm nữa. Số là có 18 thanh niên cầm 12 cái cán tre chống đỡ một tấm vải dài rộng suốt từ ngoài sân vào đến trong nhà, lại có một đoàn âm nhạc rước vào nhà. Chư Tăng đến nơi không phải chờ ai mời cứ việc trông con đường cầu trắng bắc bằng vải đó mà vào nhà ngôi tạm. Ngôi ở nhà tạm này là cốt để cho người giám trai biết Tăng số để chỉ bảo cho các người làm làm trai sắp đặt, hơn nữa là để Chư tăng đến đông đủ rồi sẽ tiến lên nhà trai mới tránh khỏi sự lộn xộn mất trật tự. Riêng ký giả muốn biên vào ký sự những điều mắt thấy tai nghe ở cuộc lễ cúng trai quan trọng này mới đem cái túi thường mang đi đường để lên trên ghế của mình ngồi, như thế để cho người kiểm Tăng số biết là đã có người. Xong sang thỉnh Thượng toạ Jinaratana cùng đi đến nhà trai để xem và hỏi cho biết.

Cái nhà trai đây chính là nhà giảng, có nhiều cửa đi lẩm, nhưng hôm nay người ta chỉ để có hai cửa ra vào còn đều

đóng hết, khắp mặt đất đều trải chiếu rồi lại trải vải trắng lên trên, cách độ hai thước rưỡi ta lại để hai cái nệm trắng, một cái để ngồi, một cái để dựa. Ký giả hỏi Thượng toạ Jinaratana: *Bàn ghế đã có sẵn sao không để cho Chư Tăng ngồi ăn cơm cho khỏi tốn tiền mua vải trải và nệm tựa?*

- *Đáp: Không được, ở xứ Tích Lan không bao giờ có đám trai nào mà chư Tăng ngồi bàn ghế, đến cả các chùa thường cũng vậy. Vì chư Tăng bên tiểu thừa đều muốn giữ lấy nguyên luật giáo của đức Phật tổ đã dạy.*

- *Hỏi: Sao tôi dự nhiều bữa cơm ở các chùa Hội quán đều thấy chư Tăng ngồi bàn ghế ăn cơm kia mà?*

- *Đáp: Chắc Thượng toạ cũng thừa hiểu rằng lễ nghĩa quý hồ hợp cơ, hợp thời và hợp với xứ sở của nó. Ở hội quán hội Đại Bồ Đề là nơi có nhiều các Tăng già các nước đến như Thượng toạ chẳng hạn nên phải ăn bằng bàn ghế cho tiện.*

Ký giả lại thấy ở đằng kia có nhiều người đang tấp nập bung một chồng đĩa vừa to vừa nhỏ mà lại có đầy bằng lá chuối tươi cắt tròn tôi liền lại xin Thượng toạ dẫn sang xem để hỏi. Ký giả nâng lên một chồng đĩa bốn cái. Cái to nhất đựng cơm và bên cạnh có dùm sô, còn xung quanh có tới bốn năm món ăn mỗi thứ chỉ độ một dùm thôi nhưng mỗi món đều đầy riêng biệt rồi đầy lá chuối. Đĩa thứ hai là các món ăn phụ thêm. Đĩa thứ ba là các thứ bánh ngọt và các thứ quả đã cắt sẵn từng miếng. Đĩa thứ tư có một chén chè sữa chua để khi dùng cơm xong tráng miệng, bên cạnh lại có một chén canh nhỏ là thức nước nấu súp rồi chất ra. Vì chư Tăng ở Tích Lan cũng như ở Ấn Độ đều dùng tay ăn, nên ngoài đĩa và thìa ra không còn có bát đũa gì nữa, ký giả hỏi:

- *Để các món ăn vào với cơm thế này, ngộ mặt quá hay có người nào tính không ưa dùng thì làm thế nào?*

- *Đáp: Ít khi bị mặt quá, vì ở đây người cúng cơm chư Tăng nhiều, nên người nào nấu nướng bày đặt quen rồi, còn như các món mình không ưa dùng thì khi chọn món ăn vào*

com sẽ để lại bên đĩa, để về sau người ta cho người nghèo hoặc tự ăn cũng không sao cả.

- *Hỏi: Đến bữa cơm thì chư Tăng phải làm những phép gì rồi mới ăn?*

- *Đáp: Phải tưởng tượng rằng người ta làm gì ra tiền để cho mình ăn đây, mình đã đủ đức hạnh để xứng với việc người ta cung cấp cho mình ăn chưa? Nếu chưa thì khi ăn phải tự mình xin lòng hổ thẹn. Tuy chưa xứng đáng ăn, nhưng nếu vì mong sống để tu cho thành đạo nên cần phải ăn. Ai cũng phải ngồi tĩnh tâm tưởng nghĩ như thế. Sau khi suy nghĩ rồi, sẽ lại có một vị Thượng toạ thuyết pháp cho mọi người nghe xong mới ăn. Khi ăn xong lại phải đọc kinh cầu nguyện cho mọi người cúng dàng và giảng tụng đức cúng dàng. Thượng toạ xem hàng nghìn người đang chờ chư Tăng làm phép cúng trai kia kia.*

- *Hỏi: Ban này một tấm vải trắng có 12 người cầm dơ cao lên trông nó ý như cái cầu 12 nhịp, làm như thế có ý nghĩa gì không?*

- *Đáp: Phải có ý nghĩa chứ, tấm vải đó là hình ảnh của con đường trong sạch, 12 nhịp đó là ý nghĩa của 12 nhân duyên phiền não, người tu hành có cắt đứt được nó mới qua vòng ô trọc, để tiến lên con đường thanh tịnh. Giơ cao lên là cốt để biểu dương lòng tôn trọng con đường trong sạch của chư Tăng, lại còn có ý nghĩa là nếu người tu hành có trong sạch sẽ được vào dự tiệc trai với các thầy tu trong sạch, nếu mình không trong sạch mà cứ ngồi ăn thì sau sẽ phải mang khối tội nghiệp. Lúc đó ký giả đặt đều cái bướng: Tôi không trộm cắp, không hà hiếp không lừa gạt để lấy của người ta mà ăn, người ta cho thì tôi có quyền ăn, sao lại bảo khối tội nghiệp, nếu thế thì nhỡn tiền của chúng ta thấy giữa thế gian này có biết bao nhiêu người không tu hành, không cấy ruộng, không dệt vải, làm thợ thuyền và buôn bán mà họ vẫn ăn cơm mặc áo và ở nhà của xã hội, có lẽ mai sau đều bị tội lỗi cả sau?*

- *Đáp: tuy người ta không làm các việc ở trên mà ăn cơm, mặc áo, ở nhà của xã hội là vì những người đó có lập công lập đức hay ít nhất cũng lập được ngôn hạnh để giúp ít cho xã hội mới đáng dùng của xã hội, nhưng đây lại là một chuyện, đây hãy bàn vào việc tu hành của chúng ta đã. Người ta chú ý cúng cho các thầy tu trong sạch, mình khoác áo thầy tu không trong sạch, không đạo đức mà ăn chả là giả mạo lường gạt người ta là gì? Thượng toạ nên biết của người ta là của mồ hôi nước mắt, hai sương một nắng, đáng lẽ ra chỉ có người ta với cha mẹ vợ con người ta được hưởng; nay người ta tự bớt phần ăn mặc lại sẽ đến cả phần cha mẹ vợ con đem đến cúng cho mình ăn, mặc, ở là người ta muốn đem tiền gạo đến đổi lấy phúc đức của mình đây; vì người ta tin chắc chắn ở mình tu hành trong sạch nên có nhiều phúc đức đem cúng dâng cho mình thụ dụng, nếu không trong sạch không đạo đức để nền giả công ơn người ta cúng dâng, thì trách sao cho khỏi mang nợ về sau.*

Trông đồng hồ 11 giờ 20, sợt trẻ giờ ngo của chư Tăng, ký giả liền mời Thượng toạ JINARATANA cùng tôi đi ra nhà tạm trú ban nãy, ra đến cửa đã thấy âm nhạc âm ỹ với con đường rải trắng đương lừ lừ trên đầu 12 thanh niên tiến thẳng vào cửa nhà trai, theo sau là linh một trăm chư Tăng.

Lại là một sự tôn kính đặc biệt này nữa. Mỗi vị Tăng vào đến cửa đã có sẵn một người tháo dép, một người múc nước rửa chân, rửa xong lại đến lần hai người cầm khăn trắng tinh lau chân cho khô, cứ thế cho đến hết lượt. Mặc dầu chân sạch đến đâu người ta cũng cứ rửa. Đến lần ký giả bị rửa lấy làm ngượng quá, xin để tự rửa lấy, nhưng không được, sau đành phải cho người ta làm việc phận sự.

Sau cuộc rửa chân, chư Tăng đã yên toạ, bấy giờ mới làm phép trai, quả đúng như lời Thượng toạ JINARATANA đã nói. Cơm xong mỗi vị lại có riêng một bát nước lã đã nấu lọc rồi để nguội và một ống phồng để rửa tay và súc miệng xong lại thấy ra hiệu cho những người thiện tín ở ngoài vào nghe

thuyết pháp, độ 10 phút rồi làm phép triết trai. Nửa dứt tiếng triết trai thì ông già trưởng đoàn thanh niên Phật tử lại nói lên một tiếng hiệu bằng mõm, thế là mỗi vị lại được một phần cúng thức mặc nữa, vị trên thì được một tấm áo pháp, vị dưới thì được cái quây đều bằng vải vàng. Người ta cúng ăn cúng mặc xong rồi, bây giờ người ta thi nhau lễ để lĩnh phúc đức, vì thế nên lúc đó trước mặt mỗi vị Tăng ít nhất cũng có hai người trải khăn, hoặc giấy để lễ, lễ hết vị này đến vị khác, cả đến thiện nam tín nữ của phái đoàn Phật giáo Âu-Mỹ cũng đều ra lễ như dân bản xứ.

Tôi thấy người làm trai cúng và cả chư Tăng chúng trai trong tiệc trai này đều làm đúng phép Phật đã dạy cả, nên tôi rất cảm động với lòng thành kính của thiện tín và tâm phục lòng giữ phép tu hành của chư Tăng Tích Lan. Có thể đem sáu chữ “Su đạo đức, chú tín tâm” để tán dương ở trai hội này.

11. – HAI CHA CON ÔNG GIÀ CÙNG QUỲ TỤNG KINH BÊN CÁI Ô TÔ BỆP

Trưa ngày 29-5 chúng tôi đi chiêm bái 4 nơi Phật tích ở tỉnh Gandèsepura. Từ Colombo đến tỉnh này hơn 300 cây số, mới đi được có hơn 100 cây số, ô tô chúng tôi bị bẹp một góc và dẹo mất hai bánh trước vì nổi đi trái đường và phải ô tô khác, thực là hú hồn, nhưng may sao không có ai việc gì, mà xe của họ không bị hư hỏng. Chủ ô tô kia lại là một bà với hai cô và một cậu bé vừa đi lễ về đến đó, thấy chúng tôi là 4 vị Tăng xa lạ, lại bị xe hư hỏng giữa đường mà lại là nơi rừng núi, bà chủ đáng quý ấy còn đứng lại bên đường chùng một giờ đồng hồ để cho người lái xe của bà chữa xe cho chúng tôi kỳ đi được rồi bà ta mới chịu lên xe đi. Nếu như người vô đạo thì họ còn mắng cho mỗi người một thôi một hồi, rồi quay ngoắt mà đi chứ đợi đấy họ cho người nhà chữa hộ.

Ngờ đâu xe chúng tôi đi được 20 cây số nữa lại bị vỡ ống nước và cũng lại vẫn ở đường rừng, mà lúc đó đã hơn sáu giờ chiều. Mặt trời đã khuất núi, cảnh đen tối của rừng núi hiện ra rất nhiều trạng thái đe dọa người viễn khách, tôi đã dơ dóm nước mắt với cảnh ngộ đất khách quê người ngôn ngữ bất đồng, nhưng điều bất trắc xảy ra đêm nay chưa biết nguy hiểm ra sao, đương lúc tiến thoái lưỡng nan, bỗng có ô tô khác đến, ông chủ xuống hỏi, chúng tôi có đi chiêm bái, ông liền nói: *“Cách đây chừng 20 cây số có phố Nivekara, có hãng ô tô hàng, vị nào lên xe đi với tôi đến đó rồi sẽ thuê họ đem xe kéo về, sẽ lại thuê họ chữa một thể, còn đêm nay chư Tăng ngự ở hàng cơm phố ấy cũng được. Vì phố ấy cũng có nhiều hàng cơm và chỗ ăn nằm cho thập phương đi chiêm bái”*. Thấy nói mừng quá, chúng tôi liền ngỏ lời cảm ơn và cắt hai vị Tăng Tích Lan lên đi nhờ, một vị đến thuê xe dẫn họ

tới, một vị ở lại tìm hàng cơm rồi bảo cho họ sắp đặt nơi ăn nghỉ. Ô tô của ông chủ này vừa đi xong, kể đến ô tô của hai cha con ông già khác cũng đỗ lại. Một cụ già và một ông con chừng 50 tuổi, hai cha con đều quý lễ Thượng toạ JINARATANA, thấy Thượng toạ chỉ vào tôi chỉ vài câu, hai cha con liền quay lại lễ tôi, xong lại quay về nói với Thượng toạ JINARATANA xin tụng kinh, thế là Thượng toạ đọc trước, hai cha con đọc sau, lâu đến 20 phút mới đứng dậy. Cụ già trông có vẻ buồn ngủ cho chúng tôi lắm, cụ nói: *“Xe của tôi nếu không có mẹ con nhà cháu mong thì tôi xin hoãn việc về để đưa các Ngài đi”*. Chùng tôi nói sắp có xe đến đón, bây giờ mới thấy hai cha con ông già quý hoá ấy tươi tỉnh và chào lên xe đi. Tôi hỏi Thượng toạ JINARATANA: *“Ban này Ngài đọc kinh gì cho người ta thế?”*

- *Kinh cứu nạn, ở Tích Lan nhiều người đọc kinh này khi có tai nạn, nhưng khi nào có chư Tăng thì họ để chư Tăng tụng trước, họ tụng sau.*

- *Thế Thượng toạ có quen ông cụ ấy không?*

- *Không.*

- *Thế thì ông cụ này mộ đạo ít người bì kịp.*

- *Ở Tích Lan số người như thế nhiều lắm.*

12. – TINH THẦN TRỌNG TẶNG CỦA DÂN PHỐ NIVENAKA

Đêm 29 rạng 30, chúng tôi ngủ ở hàng cơm phố Nivekara; sáng ra hăng ô tô cho biết có lẽ đến gần trưa ô tô mới chữa xong.

Các vị điếm tâm xong, vị thì đi phố, vị thì nghỉ, ông PHẠM CHỮ cũng đi chơi. Còn một mình tôi ngồi trên gác viết ký sự. Vì dân phố này người ta đồn có Phái đoàn Phật giáo Việt Nam đến đây, nên chốc chốc lại có mấy người lên tận gác để thăm lễ. Vì tôi không biết tiếng nên chỉ cứ dơ tay đáp lễ, bạn chào lễ xong cũng đứng nhìn một lúc rồi đi; từ 8 giờ đến 10 giờ, tính ra được hơn 40 người lên lễ. Đến lúc ông PHẠM CHỮ về, lại dẫn một ông đến giới thiệu là cụ Thanh Tra, cứ khẩn khoản mời tôi ra chùa ở phố đó cho dân chúng được chiêm ngưỡng. Thực ra đang lúc tẻ ngắt, tẻ ngơ, còn thiết gì đi đâu nữa. Sau nghĩ: sự mình buồn đây có ai biết, nếu ta không đi là phụ lòng người ta mà lại mang đều là kiêu ngạo. Liên bảo ông PHẠM CHỮ cùng ra chùa.

Đến nơi, ông cụ Thanh tra với chúng tôi đương nói chuyện, bỗng thấy có tới linh 200 người, đủ già, trẻ, trai, gái, sang, hèn kéo đến lễ lấy lễ để. Lễ xong đều đứng vây cả quanh tôi. Tôi chỉ đáp lễ bằng mấy câu để ông PHẠM CHỮ thông ngôn lại. Ông PHẠM CHỮ vừa dứt lời, ai nấy đều ra lễ nữa rồi mới giải tán.

13. – CON PHẬT UỐNG NƯỚC, PHẬT SẼ TRẢ TIỀN

Ô tô của chúng tôi hỏng vừa chữa xong tại phố Nivekara, nhưng mới đi được độ 50 cây số lại bị liệt máy. Đứng chờ chữa lâu quá mới rủ nhau vào hàng nước của một ông già. Thấy chúng tôi vào, ông già vội vàng lấy bốn miếng vải trắng trải vào bốn cái ghế, tôi hỏi Thượng toạ JINARATANA:

- Hàng trâu nước mà cũng có sẵn khăn trắng để trải khi có chư Tăng vào hàng nghỉ?

- Hàng cơm, hàng nước ở Tích Lan, hễ người nào theo Phật là hàng họ phải có sẵn khăn để phòng khi có chư Tăng vào thì họ trải. Ở Việt Nam có thể không?

- Ở đây chư Tăng mặc luôn áo cà sa trong mình, nên phải tôn trọng áo cà sa. Còn như ở Việt Nam chúng tôi chỉ có lúc tụng kinh, lễ Phật mới mặc áo cà sa, ngoài ra chỉ mặc áo thường, nên không cần trải khăn riêng để chư Tăng ngồi.

Đương bàn chuyện thì thấy ông già hàng nước đã rót sáu cốc nước ở trong bốn chai nước cam ra. Uống xong, ông PHẠM CHỮ chi tiền nước, ông già hàng nước nhất định không lấy. Ký giả nói: “Ông đã già nua lại nghèo khó mới phải ra ngoài đường bán hàng nước để sinh sống. Chúng tôi là những người đi lễ cầu phúc, đáng lẽ phải ra tâm giúp thêm ông mới phải. Huống hồ còn uống hết bốn chai nước cam của ông buôn, nay bán đi mà không lấy tiền. Đã đành rằng ông mộ đạo kính Tăng, chúng tôi rất phục, nhưng còn tiền vốn của bốn chai nước cam chúng tôi vừa uống, thì ai trả tiền cho ông?” Ông hàng nước thẳng thắn trả lời: “Chư Tăng là con trưởng của Phật, con Phật uống nước thì Phật trả tiền, tức là Phật sẽ ban hạnh phúc cho, nếu các sư trả tiền nước

mà tôi lấy, tôi sẽ mất phúc, tôi có dại gì lại lấy tiền nước của chư Tăng”.

Tôi hỏi Thượng toạ JINARATANA: “Đối với ông già bán hàng nước này cảm tưởng của Ngài ra sao?”

- *Người bán nước nếu lấy tiền của khách uống nước thì không cần phải nói đến. Đấng này người bán nước, cũng chẳng phải là bán không cho mình, vì họ còn nói: “Con Phật uống nước đã Phật trả tiền”. Đây là điều chúng ta phải nghĩ! Riêng tôi nghĩ, chẳng những cảm ơn ông già hàng nước này đã xong, mà chúng ta còn phải lo tu hành để báo ơn ông ta mới đúng nghĩa Phật dạy “Tri ân báo ân”.*

Vịnh ông già bán hàng nước biết đạo:

*Giữ đạo tuy nghèo, nghèo chẳng hèn.
Này ông hàng nước quả nên khen,
Gian hàng độ nhật vui thanh bạch,
Chống nước sinh nhai tránh cạnh chen.
Nghèo chẳng tham bo âu Phật chứng,
Túng mà thảo lão ắt gời đền.
Kìa gương nhật nguyệt soi kim cổ
Thiện giá, thiện lai lẽ tự nhiên.*

14. – NGƯỜI CẢNH BINH CÓ LÒNG

Ô tô lại vỡ máy, chuyện này không còn làm sao chữa được nữa, nhưng cũng may đã đến đầu tỉnh rồi. Ô tô đã chết, trời lại sắp đổ mưa, chúng tôi xuống, khệ nệ sách hành lý định chạy vào trú ở cái nhà còn cách đường độ hai trăm thước tây. Đằng kia có bốn người cảnh binh đang đứng gác hai đầu cầu. Một cảnh binh trẻ tuổi nhất chạy lại, trèo song đỡ lấy hành lý, mang không hết lại phải nhờ một người đang đi ngang đây mang hộ. Bác ta vội chạy về nhà trước, thì ra cái nhà mà chúng tôi định vào trú đó, chính là nhà của bác ta, bác ta đến gần nhà, thấy ông già đầu bạc bế đứa trẻ đang ngồi, liền đứng dậy vào nhà, rồi đến người đàn bà độ 25 tuổi, vội vã mang ra cửa ba cái ghế, thế là bốn vị sư có đủ ghế ngồi, còn ông PHẠM CHỮ phải đứng. Bác cảnh binh chấp tay nói *“nhà tôi chật hẹp lại có nhiều trẻ nên không dám mời chư Tăng vào nhà”* ông PHẠM CHỮ chuyển lời tôi cảm ơn và hỏi thăm, thì ra ông già ban nãy là bố, còn người đàn bà trẻ tuổi là vợ của người cảnh binh quý hoá đó.

Tôi thấy người trẻ tuổi mà có lòng, có đạo, để ý ngắm trong nhà xem phong thủy. Thì có gì đâu, đồ sang trọng nhất là 4 cái ghế vừa đưa ra cho chúng tôi ngồi đó, vền vện có ba gian nhà tre lợp lá dừa, cửa trước, cửa sau đều bằng liếp với mấy cái chõng tre chằng dây gai như kiểu ta thắc vông; một lũ trẻ bốn đứa suýt soát nhau đang đùa nghịch ở nền nhà nhẵn thín. Chỉ có đặc điểm nhất là xung quanh vách đất quét vôi trắng nõn với 6,7 bức ảnh Phật và ảnh chùa tháp, còn điểm thêm mấy bức ảnh mà tôi không biết tên; nhưng có lẽ ảnh những vĩ nhân của Tích Lan xưa. Lúc đó tôi phê bình thầm rằng: Nhà này tuy nghèo, nhưng phong độ không nghèo, người này tuy làm cảnh binh, nhưng khí phách ra người hiền lương. Tôi đang ngồi xem, bỗng bác ta mang ra 5 cốc nước

mới uống. Tôi nhấp thử thấy thơm, lại giòn ngọt. Mới hỏi Thương toạ JINARATAN: *Coi bộ nhà này nghèo thế mà cũng có chè hảo hạng và đường nhỉ?*

ĐÁP. - *Thương toạ có đi nhiều ở Tích Lan sẽ thấy tinh thần ái hữu của dân họ cao lắm, ít người chịu đem sự nghèo túng ra đối với bè bạn vì thế nên nhà nào cũng có chè với đường để khi có bạn đến thì thết.*

HỎI. - *Thế ngộ nhà nghèo cùng thì làm sao?*

ĐÁP. - *Dân Tích Lan ít người nghèo cùng quá, vì họ không có quan tham lại những, ít khi có trộm cướp, cũng ít khi có đám kiện tụng về xâm chiếm hà hiếp lẫn nhau, từ trên đến dưới ít khi trên cờ bạc, hát xướng. Nền phong hoá thuần túy đó là do Phật Giáo đào tạo nên.*

Đã tạnh mưa, Bác Cảnh bình lại khệ nệ đem hành lý tiễn chúng tôi đi cho tới khi ô tô đến đón, mới chào rồi lại về đầu cầu làm phận sự.

Đi đường trường hơn 300 cây số, bốn lần ô tô vỡ máy ở giữa đường rừng, đồng quê ở nơi khác đất nước, khác giống nòi, giá đắt cảnh ngộ nguy hiểm ấy vào địa hạt của một dân tộc khác, thì tình lữ thứ của người viễn khách đem vào ký sự cố nhiên nó chỉ là một thiên ai oán chua cay với những con mắt quen suy bì màu da, chia tách nòi giống để bạc đãi nhau. Ký giả cũng gặp những cảnh ngộ gian nguy mà có những thiên ký sự đầy những tấm đạo tâm thân mật sâu xa của dân Tích Lan đủ các hạng người, đối với chúng tôi là người không thờ chung tổ quốc sống chung cảnh khổ, có lẽ Đức Phật đầu cơ ra tai nạn cho tôi được mắt thấy tai nghe để thêm đi sâu vào lòng mộ đạo và tinh thần ái hữu của dân Tích Lan.



Điện Bờ-đề

15. – TỈNH GANDESEPURA VỚI PHẬT GIÁO TÍCH LAN

Thượng toạ JINARATANA đã có dịp cho biết kinh đô cổ kính nhất và nhiều chùa tháp cổ nhất, to nhất của Tích Lan đều ở tỉnh Gandesepura. Trước đây quân HUNG NÔ và quân HỒI đã tàn phá nhưng cũng may còn lại được vài nơi là vì họ không dám phá, như điện Bồ Đề và tháp Xá Lợi. Từ khi người Anh cát Lợi trả quyền Độc Lập cho Tích Lan, tỉnh này được đứng vào đầu chương trình kiến thiết, vì nó là một tỉnh quan hệ với lịch sử Phật giáo, là nền quốc giáo của Tích Lan.

Từ xưa đến nay, bao giờ tỉnh này cũng là nơi để cho các Phật tử thế giới đến chiêm bái và khảo cứu về Phật giáo tiểu thừa và nơi họp chỗ tín đồ Phật giáo Tích Lan, đến đó hội họp để đi chiêm bái nhất là ngày 30 và mừng một hàng tháng, thiện tín đi hành hương đông không thể tưởng tượng được, Ký giả có hạnh phúc được đi chiêm bái khắp các nơi Phật tích ở tỉnh này.

A. - Chiêm bái điện Bồ đề

Các nơi Phật tích tuy ở trong tỉnh lỵ, nhưng lại ở cả trong các quả đồi, núi.

Giữa đỉnh một quả đồi thấp nhỏ có cây Bồ đề sống linh 1800 năm, cái cây mà người ta gọi nó làm tiêu biểu cho đạo từ bi quảng đại này chỉ có hai cành mà không được to lắm, giá đo chiều rộng chỉ độ thước rưỡi ta, trông có vẻ cằn cỗi lắm, có lẽ sợ gió lay gãy, nên đã có sáu cây sắt to chống lấy hai cành ở trên một khoảng lưng chừng, đồi to chừng 8 miếng đất và cao độ bảy thước tây, chỗ đó gọi là Điện Bồ đề, chú kỳ thực không có tòa điện nguy nga, đồ sộ như chúng ta vẫn tưởng. Bên ngoài vây kính bằng hàng rào chắn song sắt, chỉ để có một cửa đi lên. Tôi xin lên chiêm bái, vị lão Tăng giữ hương đăng nói: ngoài vài vị tăng chúng tôi lên đèn hương và quét dọn lá Bồ đề, không ai được lên.

Tôi hỏi: *Bồ đề là tiêu biểu cho đạo Đại từ bi quảng đại, làm sao lại cắm ngắt thế?*

ĐÁP. - *Vì để cho lên thì chỉ nửa ngày là cây Bồ đề này sẽ bị các con Phật vặt hết lá đem về lấy khước.*

- *Thế thì cắm là phải.*

Lão Tăng lễ rồi ngắt mộ dùm lá Bồ đề đưa tôi mà bảo rằng: “*Cắm lấy đem về Việt Nam làm quý vật*”. Bên ngoài điện Bồ đề có mấy cái hương án bằng đá đục trạm trông có vẻ mỹ thuật cổ của Phật giáo, để dâng hương hoa; thập phương lễ bái, tụng kinh đều ở cả bên dưới, xung quanh điện Bồ đề; người sau mới trồng thêm chục cây Bồ đề nữa, các cây trồng sau có cây rườm rà đến vài sào ruộng. Vua DEVAMPIZA ngày xưa có xây tường ở chung quanh vườn Bồ Đề, tuy chưa bị đổ vỡ hư hỏng, nhưng những vết vạc đẽo của gió mưa đã đánh dấu một nơi Phật tích có vẻ cổ lắm. Cây Bồ đề ở điện Bồ đề chính tay công chúa SINGHAMITTE con của vua A DỤC triết cảnh ở cây Bồ đề nơi Đức Phật ngồi tu thành đạo. Khi nó ra rễ lại tự tay công chúa cắt, rồi tự công chúa vượt bể Ấn Độ qua Tích Lan trao cho một vị lão Tăng đem trồng. Hiện giờ ở vườn Bồ đề còn hai pho tượng đá thờ ở riêng một đài, một pho tạc hình công chúa đang quỳ dâng cái chậu ương cảnh Bồ đề, một pho tạc hình vị lão Tăng đương bưng lấy cái chậu Bồ đề ở tay công chúa trao sang. Ký giả có vịnh tức cảnh:

*Kìa đài kỷ niệm cây Bồ Đề,
Hai tượng tinh thần khéo tạc ghê,
Sư đỡ trên tay ngành đạo đức
Chúa trao tưng mặt nhánh từ bi.
Hương thuyền mua thửa thơm làng sãi,
Đèn tuệ ngàn hương tỏ mặt huê,
Giả sử đời còn Sư Vãi ấy
Thuyền lâm đâu đến nổi suy vi.?!*



Thượng toạ JINARATANA cho biết rằng: “Giặc Hung và giặc Hôi, khi đến tàn phá kinh đô này, đã định tàn phá cây Bồ đề này đi, nhưng hễ quân lính đến nơi lại ghé rợn, sau không một tên quân nào dám động chạm đến cả. Hầu hết dân Tích Lan họ đều tưởng tượng như Đức Phật vẫn hiện tại ở đó để cứu độ chúng sinh, nên không những họ đến đây lễ bái đông mà thôi, nhiều nơi họ còn triết cành ở những cây bên ngoài kia đem về nhà trồng cho mát mẻ. Nhiều nơi họ trồng ở bên đường, lại làm lên những đèn miếu con, để rước tượng Phật lên thờ.

HÔI. - Bên Việt Nam có thể không?

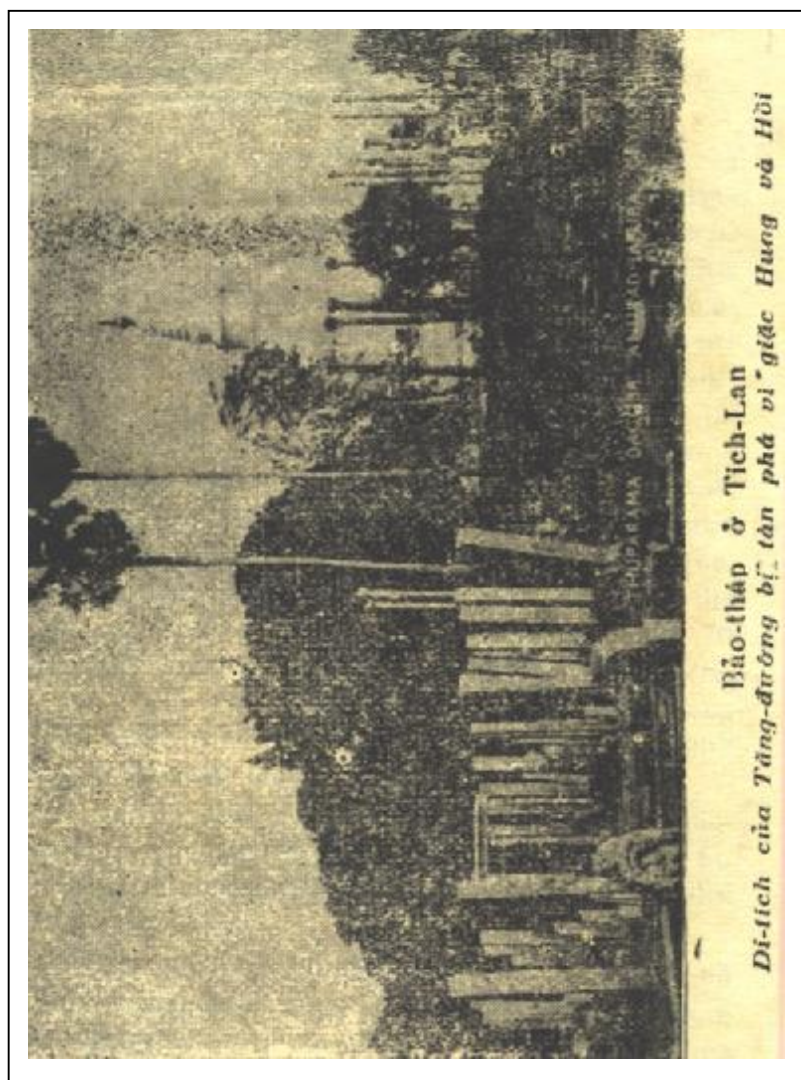
ĐÁP. - Không, đèn miếu thờ ở các ngã đường hay gốc cây ở Việt Nam có lẽ còn nhiều hơn. Nhưng trong đèn miếu đó, họ chỉ thờ những ông Thần, bà Thánh, đồ vị Sư thông minh nào tìm thấy được ở trong kinh Phật có nói đến tên các ông, bà, cô, cậu của họ thờ cúng.

B. _Chiêm bái bảo tháp to nhất thế giới

Cũng ở trong tỉnh lỵ Gandesépura này còn có hai tòa bảo tháp to nhất thế giới, mà đã hư hỏng mất một tòa, chỉ còn nguyên vẹn được một tòa trên chóp có viên ngọc trị giá bốn triệu bạc Đông Dương, của chính phủ Diên Điện cúng. Thượng toạ JINARATANA cho biết rằng: Các bảo tháp ở Ấn Độ và ở Tích Lan hiện thời, chỉ có tòa tháp này là còn có nhiều Xá lợi của Phật nhất, cả dân Tích Lan họ đều tin rằng: Nước họ còn giữ được Xá lợi của Phật ở tháp này, nên dân họ còn nhiều hạnh phúc. Tòa bảo tháp này do vua Tích Lan ngày xưa xây, bên dưới chân tháp còn có hai pho tượng Quốc vương và Hoàng hậu Tích Lan bằng đá đứng chấp tay hướng lên tháp, để kỷ niệm kỳ công đệ nhất Phật giáo Tích Lan.

Chính phủ Tích Lan mới xây dãy tường bao bọc xung quanh tháp, dãy tường này đặc biệt nhất là có tới một nghìn đầu voi rất to, đắp theo với dãy tường, trông có vẻ đẹp và hùng tráng lắm. Thượng toạ JINARATANA cho biết bức

tường này xây hết một số tiền là 1 triệu bạc Đông Dương.



*Bảo-tháp ở Tích-Lan
Di-tích của Tăng-đường bị tàn phá vì giặc Hung và Hồi*

C._ Chiêm bái nơi xương minh Phật giáo trước nhất ở Tích Lan

Cũng tỉnh Gandesepura chừng 15 cây số, có dãy núi Mihimtale. Theo lời Thượng Toạ JINARATANA thuật chuyện: “Dãy núi này có một lịch sử độc nhất của Phật giáo Tích Lan, vì vua A Dục sai Hoàng tử MAHINDA là con của Ngài sang Tích Lan truyền bá Phật giáo. Hoàng tử MAHINDA sang đến núi này tình cờ gặp vua Tích Lan là DEVAMPURA đang săn bắn, Hoàng tử cho mời vua DEVAMPURA lại nói rằng: “Vâng mệnh Phụ vương tôi sang đây làm sứ mệnh của Đức THÍCH CA, để truyền bá đạo lý của Ngài. Nay tôi muốn được ông giúp đỡ. Vua DEVAMPURA cảm phục quá, liền quỳ xuống hôn chân Thái tử và phát thệ xin theo trí hướng, lại thề với Hoàng tử xin từ nay bỏ hẳn nghề chơi săn bắn, tức thì ra lệnh cho quăng hết cung tên, lưới, nỏ xuống hang núi”. Dãy núi này từ đó được thiết lập thành nơi đại đạo tràng trước nhất ở Tích Lan. Vua A Dục có ban Xá lợi của Phật để thờ ở tòa bảo tháp ở trên chòm núi ấy. Tuy bảo tháp này đã hư hỏng cũng như các bảo tháp khác, nhưng Xá lợi của Phật vẫn còn”.

Khi đến chân núi, bắt đầu tiến lên, tôi đã có ý đếm xem được bao nhiêu bậc mới đến đỉnh núi có bảo tháp. Mới lên được 1/3 đường mà tôi đã đếm được hơn 500 bậc, sau thấy có nhiều chỗ cần phải hỏi cho biết, đành bỏ dở không đếm nữa, nhưng nếu đếm cho đến hết, cũng chỉ độ nghìn hai, nghìn ba bậc thôi. Bậc xây chỉ độ 5 tấc ta chứ không cao.

Vi sao tôi không đếm nữa? Đến đây đã là một dãy núi cao chót vót mà lại bằng phẳng rộng rãi bao la, còn đây những đường bệ của Phật điện, có sở của Tăng đường, đánh dấu một lịch sử Phật giáo oai hùng về thời dĩ vãng. Thế mà quân giặc Hung và Hồi nữ tàn phá chỉ còn lại hàng bao nhiêu cột đá, tảng đá v.v... Cảm xúc nhất là khi đi đến chỗ hai món bảo khí để đựng món ăn uống của Chư Tăng ngày xưa: Một cái thuyền đá để đựng cháo cho Chư Tăng, gắn chám đường còn

lành lặng nguyên, đo chiều dài được 12 thước tây, chiều rộng và sâu đo được một thước. Còn cái thuyền đựng canh bằng 1/3 cái đựng cháo, ngay ở nơi hai cái thuyền đá đó còn có bực xuống hồ là nơi Chư Tăng tắm rửa ngày xưa. Vốn núi này đã có đây cây cối cổ thụ, thật là cảnh trí rừng thuyền, thế mà người ta còn mới trồng thêm dị thảo, kỳ hoa, từ chân lên đến tít ngọn núi và ở các ngã đường ngang dọc trên núi; những đàn chim nháy nhót ngạo nghễ trên các hàng cây kêu kêu hót hót, hình như đương mách bảo: “Đây là cảnh thoát trần, cố tiến lên, cố tiến lên!” Nếu mà quân giặc họ không tàn phá, thì cái cảnh trí thiên tạo, lẫn nhân tạo này còn hùng vĩ trang nghiêm biết mấy! Giả sử có những cây bút tài hoa tả cảnh ở Phong Thần, ở Tây Du có tái sinh cũng khó mà tả hết được cái đẹp của nó.

Đứng đây mà trông lên tòa bảo tháp ở ngọn núi trên, hãy còn cao xa tít mù tấp, thế mà các ông già, bà cả đều cố hăng hái ra tay ghi chặt vào cái cây để leo lên. Một bà cụ nhà quê đầu bạc phơ đương ngồi thờ, tôi hỏi đùa:

- *Cụ già yếu như vậy thì ra chùa làng mà lễ cũng được, can gì mà phải lên đây cho mệt mỏi?*

Bà cụ trả lời bằng một giọng phều phào:

- *“Chùa làng tôi làm gì có xá lợi của Phật, có lễ chẳng qua chỉ là bái vọng, công đức nào bằng được đến lễ bái ở nơi có thân kim cương của Phật. Mỗi tháng con nó để cho hai ngày đi lễ cầu phúc lại còn sợ mệt. Tôi đi lễ Phật đây tuy có mệt, nhưng rất vui sướng, chỉ 28 ngày đun bếp thổi cơm, giữ nhà, ấm cháu còn mệt hơn và còn buồn khổ hơn nữa”.*

- *A Di Đà Phật, cụ thành tâm lắm, Đức Phật đã chứng rồi đấy, mời cụ đứng dậy leo với chúng tôi cho vui chân.*

Lên đến nơi, người nào cũng mệt nhoài, phải ngồi nghỉ và xin nước uống rồi mới đi lễ được. Chúng tôi vào dâng hương, lễ xong ra đi xem, Thượng toạ JINARATANA cho biết: “*Cây tháp này nếu còn nguyên vẹn, thì cũng như cây tháp thờ xá lợi*

Phật mà chúng ta đến lễ hôm qua đó”. Lúc đó tôi tưởng như gần với nền trời xanh. Trông thấy khắp đảo Tích Lan toàn một màu xanh ngắt của bức bình phong núi, và các tấm gương nước trong veo, bèn ngâm:

*Quanh Phật đài non nước, nước non,
Chùa xưa tháp cũ ngát cần khôn,
Chẹn hương vừa ngát đài mây gió,
Phảng phất nhường như chường thạch hồn¹.*

Được đến chiêm bái những tòa điện tháp nguy nga, đồ sộ cả về thiên tạo lẫn nhân tạo, của bốn nơi Phật tích, đây là phần thưởng thứ nhất của đời tôi. Trái lại cũng rất ai oán với tạo hoá đa đoan, đã tạo ra những ông vua chúa có đạo như vua A DỤC, vua DEVAMPURA và hoàng tử MAHINDA và công chúa SINGHAMITTA, cùng nhau xây đắp nên nền Phật giáo cả về tinh thần lẫn vật chất, hình thức ở Ấn Độ và Tích Lan mà nghìn muôn đời về sau, dù cho các chính phủ có sùng mộ Phật giáo đến đâu đi chăng nữa cũng không thể làm nên được; làm sao mà lại còn tạo ra những chúa vô đạo như chúa quân Hung, quân Hồi, để họ tàn phá hầu hết những nơi làm nền tảng phong hoá, đạo đức chung của nhân loại như vậy. Không biết bọn tàn nhẫn, họ ở suối vàng ngày nay có nghe thấy những điều ai oán của thiên hạ mà tự ngậm ngùi, hối hận không?

Dưới đây xin kết luận về việc đi chiêm bái này:

Quá trưa hôm 30, chúng tôi đến nơi, đã thấy quang cảnh như hội chùa Hương Tích vậy. Dân Tích Lan gọi tỉnh Gandesepura này là kinh đô Phật giáo thực không ngoa. Khắp trong tỉnh chỗ nào cũng có cây cối rườm rà, ít khi có ánh nắng. Ở dưới đất trồng có sén bằng, khách thập phương lễ bái xong ra các bãi cỏ đó nghỉ ngơi, người thì ngồi, người thì

¹ Thạch hồn tử với chân thân bất diệt

nằm, người thì ra suối tắm gội. Ô tô của thập phương để ở vệ đường bên suối, chỗ nào cũng nhiều. Còn xe ra vào tựa như một thị trấn lớn, chứ thực ra tỉnh này vừa nhỏ lại ít người buôn bán. Thoạt đến tỉnh đã thấy mấy chiếc cổng làm theo mỹ thuật nhà Phật, mỗi cái cổng đều bắc loa, để truyền ra các bài kinh, bài văn, những khi chur Tăng tụng kinh cho thiện tín tụng theo, quả là một chợ người tụng kinh.

Tôi thấy đông đúc quá như vậy, tưởng chừng thế nào cũng có các trò ăn tiền như các nơi hội chùa ở Việt Nam, nên đã để ý tìm cả ngày lẫn đêm, quả không có một trò gì có tính cách ăn tiền và hủ bại, cũng không có thấy một hàng cơm nào cheo những đùi thịt lũng lảng nhưng hội chùa Hương, hội Phủ Giây, Kiếp Bạc ở ta. Trái lại, thì hàng giải khát nhiều vô kể, bán toàn nước cam nước chanh, nước chè pha lẫn với sữa bò. Mỗi hàng còn chất hàng đóng quả dứa non, theo giá tiền ta chỉ độ vài hào một quả, ai mua xong, họ cầm dao vạc luôn nùm rồi uống chứ không phải dùng đến cốc chén chi cả. Hàng nào cũng có nhiều thanh bông hoa quả, như chuối ngự, dưa và cam với các thứ bánh ngọt. Lại còn có mấy khách sạn rộng rãi, mát mẻ, có nhiều buồng ăn, ngủ riêng cho thập phương đi lễ bái về đêm. Các khách sạn này, đều của các nhà Phật tổ chức, cũng nhằm vào mục đích chấn hưng Phật giáo. Sáu người chúng tôi ăn ở hai ngày mà ông chủ khách sạn không lấy một xu nào.

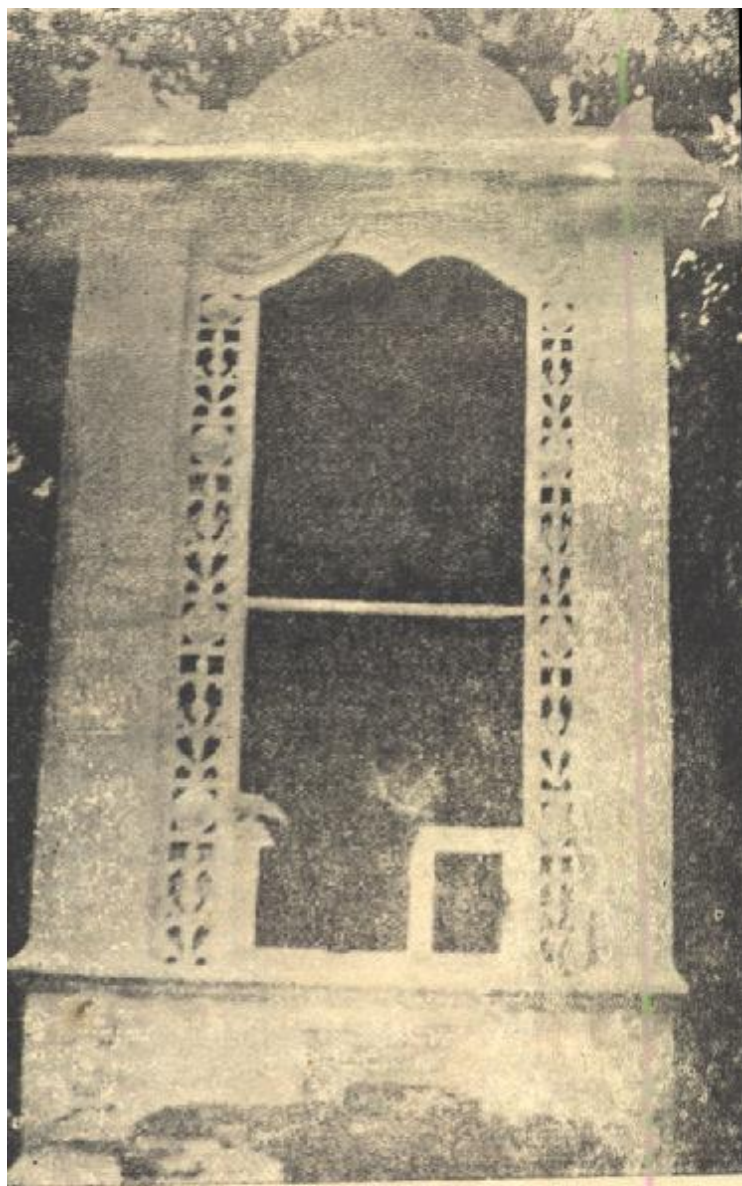
Tôi hỏi: *Như vậy thì lấy gì mà sinh sống?*

ĐÁP. - *Tôi có nghề nghiệp khác, hàng tôi bán nhờ đất Phật ở đây tuy cũng có ăn lãi một chút của các nhà phong phú bản quốc, còn các Ngài là Phái đoàn Phật giáo ở ngoại quốc đến, tức là thượng khách của chúng tôi, chúng tôi được cung tiếp là phúc lắm.*



Chúng tôi đến chiêm bái khắp các nơi đã kể trên, nơi nào cũng đông đúc, nhất là ở điện Bồ đề, tháp xá lợi, náo nhiệt, tung bừng chừng như cực lạc ở nơi này, người ta gọi tỉnh này là “kinh đô Phật giáo” tôi xin đặt cho nó thêm một tên nữa là “Phật tích hiện tại kinh kỳ”, theo với cảm hứng ấy, tôi có vịnh:

*Tích Lan có tỉnh Găng đề sê,
Phật tử mười phương lũ lượt về.
Chợ họp hương hoa thông mấy phố,
Loa truyền kinh giáo dậy tứ bề,
Lưng trời bảo tháp chen đầu lĩ,
Rợp đất Bồ Đề sạt gói quỳ,
Nếu chẳng nhân gian đây Cực lạc,
Thì đâu Phật tích tại kinh kỳ.*



Đức Phật Thích-Ca cao tượng sáu đứng trong
tòa thạch-dài ở điện Bồ-đề

16. – MỘT TỔ CHỨC GIÚP KHÁNH HÀNH HƯƠNG CÓ ĐẦY Ý NGHĨA CỦA NHÂN DÂN TÍCH LAN

Vi là ngày 30 và mừng 1 nhân dân Tích Lan về tỉnh GANDESEPURA này chiêm bái các nơi Phật tích đồng đức quá, nên giữa các con đường chính sứ, nhân dân họ có một tổ chức giúp đỡ cho mọi người đi lễ, thực là một tinh thần bác ái đáng phục, mục đích của họ cốt làm cho giàu, nghèo ai ai cũng có thể đi lễ được, còn như người nào bận không đi được, cũng vẫn gom góp được tiền cầu phúc.

CÁCH TỔ CHỨC_ Khắp trên dải đất Tích Lan có bao nhiêu con đường, cách độ năm, sáu chục cây số lại có một nơi nhà trạm, trước cửa nhà trạm có một cái cổng trào đồ sộ, trên cùng của hai mặt cổng là hai bức tranh Phật, còn toàn thân cổng ken bằng lá dừa, có chương hoa kết thái, trông mỹ lệ lắm, bên cổng lúc nào cũng có mấy người cầm cờ Phật giáo (vì họ tập đoàn đi lễ, mỗi đoàn đi ô tô đều có cầm cờ Phật giáo) họ phát cờ chào, ô tô đều phải đỗ, sẽ được mời vào nhà trạm nghỉ ngơi, uống nước, ăn cơm, ăn uống đầy đủ lắm mà bất cứ là quen hay lạ, ăn xong đều không phải trả một khoản tiền gì cả. Lướt đi dọc đường chúng tôi phải chồi từ với nhiều nơi: lướt về đến nhà trạm ở phố HELSNARA, có báo hiệu đặc biệt là có chur Tăng đến, rồi có ngót 100 người ồ ra vây kín cả ô tô để mời một cách khẩn khoản, ý tôi cũng muốn biết rõ cách tổ chức cao quý của họ để vào ký sự, mới rủ nhau xuống, được mời vào tòa nhà riêng mà họ đã ấn định để cúng chur Tăng khi đến, có khăn trắng mới tinh trải phủ bàn ghế, lại có vẩy nước hoa thơm ngào ngạt; họ biết luật lệ của chur Tăng, không dùng món ăn phi thời hoá nên mỗi vị chỉ được một cốc nước cam với một miếng trà, còn được họ lễ để lấy công đức vô kể, mọi người lễ chào mừng xong, tôi bảo ông trưởng ban tổ chức đưa đi xem khắp lướt các nơi.

Cái nhà trạm này dài tới 7 gian, làm bằng tre, lợp lá dừa, cũng chường hoa, kết thái như sắp vào đám hội có độ 50 thiện tín đang ăn cơm, mà món ăn khá sang.

Tôi hỏi: *Hai hôm nay được chừng bao nhiêu khách hành hương vào ăn uống vào quý trạm?*

- *Được một vạn linh năm ngàn người.*

Lại dẫn vào xem chỗ thổi nấu, ký giả thấy hiện còn tới 10 tạ gạo, ba nồi cơm nguyên, với một nồi dương sôi giở, bốn xanh mười món ăn hầy nóng. Các món rau đậu sống hầy còn ngổn ngang. Đến xem nhà sắp đồ nước, có tới hàng mấy nghìn chai nước cam, nước chanh, phần nhiều chỉ còn vỏ; chuôi ngự còn treo đến 20 buồng; dừa, cam còn khá nhiều, nhất là bánh ngọt họ làm đến sáu thứ.

Tôi hỏi: *Mỗi tháng vào ngày 30 và mồng một, các ông đều có tổ chức như thế này phải không?*

- *Thưa phải, chỉ có sự trang hoàng thì kỳ này nhiều hơn, là vì hội nghị Phật giáo thế giới đi chiêm bái qua đây.*

- *Mỗi kỳ làm tốn độ bao nhiêu, và lấy tiền đâu mà làm?*

- *Mỗi kỳ trung bình hết độ hai vạn bạc Đông dương, nhưng kỳ này hết nhiều hơn. Số tiền này là của tất cả mọi người hảo tâm, từ người phu xe, người thợ cày, đến các nhà hào quý đều có góp vào, không chỉ những góp tiền mà thôi, người góp gạo, người góp củi, người góp các món nấu, người góp hoa quả, bánh trái v.v... chúng tôi không phải bỏ bán cho ai cả, thế mà kỳ nào làm xong cũng còn thừa tiền.*

- *Cách tổ chức cho thập phương đi chiêm bái, đến đâu đâu khát có chỗ ăn uống đầy đủ, kang trang thế này thực là một phong tục thiện mỹ, nhưng giá để cho người nào ăn uống sẽ phải trả tiền, có phải khỏi phiền đến các người nghèo khổ lo tiền đóng góp không?*

- *Nếu ai ăn uống xong cũng đều phải trả tiền, nó lại là sự buôn bán, không còn gọi là mỹ tục được nữa. Dân chúng tôi*

bất luận giàu nghèo, ai được góp vào công cuộc này đều lấy làm hỷ xả, chứ không một ai cho là phiền, vì họ cho rằng đã được đóng góp vào việc cầu phúc chung, mặc dầu không đi lễ được đầy, nhưng vẫn được phúc như người đi lễ. Bao giờ sự đi đến các nơi Phật tích chiêm bái của dân Tích Lan chúng tôi cũng đông đúc, vui vẻ, là vì nước chúng tôi chỗ nào cũng có tổ chức giúp đỡ cho đồng bào chúng tôi đi chiêm bái một cách chu đáo.

Trong hai ngày ở một nhà trạm này, đã có tới một vạn linh năm nghìn khách ăn uống, về việc đi chiêm bái Phật tích, huống hồ còn khắp các nhà trạm trong nước, đủ thấy lòng một Phật của dân Tích Lan sâu xa đến thế nào. Hôm qua, Ông Tỉnh trưởng tỉnh Gandesepura nói: “Cứ đến kỳ 30 và mồng một, trong tỉnh này trung bình cũng có tới bốn vạn người lui tới lễ bái các nơi Phật tích”. Quả thật ông nói không sai.

17. – ĐI CHIÊM BÁI CHÙA RĂNG PHẬT

GIẢI ĐỀ: Sau khi Đức THÍCH CA vào Niết Bàn, rước Ngài vào đàn hỏa (đàn thiêu) thì toàn thân của Ngài đã biết thành những viên xá lợi, những xá lợi đó đều rước vào bảo tháp nhưng còn một chiếc răng đốt làm sao cũng không cháy. Đến khi chia xá lợi của Phật cho vua các nước rước về thờ, thì chiếc răng vô giá đó, chia về phần vua Tích Lan, hiện giờ thờ tại chùa Răng Phật ở tỉnh Kandy, chính là ngôi chùa mà Hội nghị Phật giáo thế giới đã làm lễ tuyên thệ.

Chùa Răng Phật, thường lệ một năm chỉ có một ngày lễ trọng mới được rước Răng Phật ra cung ngoài cho thập phương chiêm bái, đến khi đã rước vào cung trong, dù cho bậc nào cũng không được vào vì sợ người khác rước trộm. Vì có cuộc hội nghị Phật giáo thế giới nên Hòa thượng trụ trì mới tổ chức riêng một ngày trọng lễ vào ngày mùng 3 tháng 6; ngày đó, rước Răng Phật ra cho Phật tử thế giới chiêm bái.

Trước giờ rước ra cung ngoài, các vị Trưởng Phái đoàn xuất gia phải vào nội cung lễ xin rước ra. Tôi cùng với một Hòa thượng đại biểu Phật giáo nước Ý hân hạnh được mời vào trước nhất, lúc vào đến nơi tôi còn thấy hai cái khoá sắt to ngang bàn tay đeo ở hai cánh cửa sắt chưa mở. Một vị lão Hòa thượng trong bốn vị Hòa thượng túc trực cầm hai chìa khoá mở cửa, một vị Hòa thượng khác đưa cho vị Hòa thượng nước Ý một cái đai bằng vải vàng để thắt ngang lưng rồi mới được vào, lại có một Hòa thượng nữa đưa cho một vốc hoa để rải trước bảo tháp vàng có Răng Phật ở trong, rải hoa xong liền quỳ cầu nguyện độ nửa phút rồi lui ra. Kế đến lượt tôi và tất cả các vị Trưởng phái đoàn xuất gia lễ, sau đều theo lễ nghi như thế cả. Lễ xong, một vị lão Hòa thượng mở cái chụp đậy bằng vàng ra để cho bốn Hòa thượng cùng với các

Trưởng phái đoàn cùng rước bảo tháp có Răng Phật ra cung ngoài, Hòa thượng trụ trì đã cho khoá trái hai cửa nách chùa không cho thập phương vào chiêm bái vội, để cho các vị Phái đoàn Phật giáo cả Tăng lẫn tục được chiêm bái trước và tế nhận riêng hết non tiếng đồng hồ.

Tôi nhận thấy cái Răng Phật đây khác với răng người ta nhiều lắm. Chiều dài chừng độ hai tấc rưỡi ta và to chừng bằng ngón tay chỏ mà tròn, màu sắc vàng vàng tựa như ngà lâu đời.

Hết giờ chiêm bái của các Phái đoàn, hai cửa nách Phật điện vừa được mở, tôi tưởng chừng như sụp đổ hết với sự chen chúc của thập phương kéo lên chiêm ngưỡng răng Phật, và cứ như thế gần ba tiếng đồng hồ mới ngớt người.

Lại đến quang cảnh đám rước ảnh Phật đêm nay của chùa Răng Phật, 9 giờ hơn mới rước, mà mới 6 giờ chiều, từ cửa chùa ra cho đến hơn một cây số, hai bên đường hàng phố rộng lắm, đều có anh em cảnh binh xếp cho bốn hàng người ngồi bên trong, để đứng ngăn người xem bên ngoài; còn bên ngoài, người đứng như nêm cối, nhưng cả người ngồi người đứng đều rất mực nghiêm chỉnh, kính cẩn, mặc dầu chỗ có cảnh binh hay không; chúng tôi đứng trên gác nhìn xuống ai cũng phải kính phục tinh thần kỷ luật của dân Tích Lan.

Đúng 7 giờ, hàng mấy nghìn ngọn đèn điện bóng ngũ sắc bật thành bảy tầng trước cánh cửa chùa để tượng trưng cho 7 dây đèn “giác” sẽ khai quang cho con đường mê muội của bảy tỉnh.

Một tiếng dậy trời của súng thần công nổi hiệu, đám rước bắt đầu cử hành. Đi trước dẹp đường là một đoàn múa đuốc. Bốn đầu gậy họ đem buộc bốn túm dẻ rồi tẩm dầu đốt lên cháy sáng rực trời. Họ vừa đi vừa theo bài theo điệu trông nhịp nhàng tựa như đám hỏa long múa khai lộ vậy. Nổi sau còn có rất nhiều cây đuốc, đi dàn ra hai bên vệ đường, mỗi bên 250 cây. Đuốc không phải bằng đóm mà bằng lòng đan

bằng dây thép với một thứ vỏ quả như vỏ dừa khô, đốt cháy đượm lửa mà không có khói khét. Kéo theo sau có 5 xe bò vò đó để đốt có thể cung cấp cho 500 cây đuốc khai lộ ấy suốt đêm.

Từ đầu đến cuối đám rước, có tới 60 con voi vừa lớn vừa nhỏ đi làm 20 đoàn, mỗi đoàn 3 con, người ta đem bao nhiêu những đồ may sẵn bằng gấm vóc, và các thứ vải hoa khoác kín cả toàn thân voi, thành ra những đoàn voi bằng gấm vóc biết đi (60 con voi đã được huấn luyện cho nên có đi nhịp nhàng đều lắm) các con voi lớn đi hàng giữa, trên lưng voi có Phật tượng, Phật đỉnh, Phật tháp cho đến các thứ đưng xá lợi và hòm kinh. Các voi con đi hai bên, có con đến bốn người cười trên lưng nó để cầm các thứ cờ quạt, tàn tàn v.v... Tôi còn phải kể cái đẹp của hai con voi gấm hoa điểm thêm các thứ hạt ngọc chân châu, kim kính, chân chỉ, hạt bột, lại có mắc điện riêng trong mình nó để đốt những ngọn đèn điện ngũ sắc cõn con. Trên lưng nó mang hai cái tháp vàng vẫn để thờ Xá lợi Phật mà chính mắt tôi đã thấy từ chiều. Mỗi đàn voi đi cách nhau chừng 50 thước ta, quãng giữa là đoàn ca nhạc. Đoàn nhiều nhất là 32 người, ít nhất là 16 người, cộng thành 19 đoàn ca nhạc, mỗi đoàn trưởng ăn mặc lối võ sĩ đều cởi trần, trước ngực đều đeo một miếng đều thêu diềm kim kính, vai họ khoác một cái tua như yếm dải, thêu chân chỉ hạt bột. Dưới ngang lưng lại còn thắt một cái hoa cân sò ra ba khổ, dài đến đầu gối, cũng đều có thêu mạng, trên đầu đội mũ võ, trong người lại còn đeo nhiều các quả chuông, quả nhạc hai tay đều có cầm nhạc khí, khi họ nhún nhảy múa hát theo điệu bộ đều lắm mà trông có vẻ oai hùng và vui vẻ.

Đám rước đi gần nửa cây số, chỉ có một đoàn múa đuốc, 19 đoàn nhạc sỹ, 20 đoàn voi với 500 cây đuốc đi điểm thêm vẻ huy hoàng rực rỡ cho các bức tranh ảnh Phật tôn nghiêm trên mình voi.

Tôi có hỏi Hòa thượng trụ trì chùa Răng Phật rằng: Phí tổn hết bao nhiêu về việc chi tiêu vào đám rước này. Ngài cho

biết hết chừng 5000 đồng roupies (2 vạn bạc ta) nhưng thập phương cúng vào cũng đủ.

18. – TINH THẦN HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐẠI BỒ ĐỀ TÍCH LAN.

Vừa nửa tháng Phái đoàn Phật giáo chúng tôi ở nhà riêng của ông RAJA HEWA là Phó hội trưởng hội Đại Bồ Đề Tích Lan, mới có nhiều dịp được ông ta đưa đi thăm các cơ quan của hội này hiện đang hoạt động. Dưới đây xin kính mời các Phật tử tùy hi các việc đại phúc đức của hội Đại Bồ Đề Tích Lan.

1./ CƠ QUAN TRUYỀN BÁ. – Hội Đại Bồ Đề Tích Lan có một cơ quan truyền bá Phật giáo rất hoàn bị tức là từ Phật giáo tạp chí, mỗi tháng xuất bản 4 kỳ, mỗi kỳ ra được 6000 số. Ngoài từ Phật giáo tạp chí, mỗi tháng còn xuất bản được nhiều các kinh sách Phật nữa. Trong ban biên tập toàn là các vị văn Tăng tuệ sĩ đảm đương; ông phó Hội trưởng cho biết rằng: “Kinh sách báo chí của hội chúng tôi có nhiều khi phải biểu không, hoặc chỉ lấy đủ tiền in. Thế mà chỉ nhờ vào nhà in riêng của hội chúng tôi mà cơ quan truyền bá đứng vững”. Tôi đã mục kích nhà in này, có tới sáu cái máy lớn, còn các máy nhỏ không kể, các thứ chữ và phụ tùng đầy đủ lắm.

2./ TRƯỜNG HỌC PHẬT. – Hội Đại Bồ Đề Tích Lan nhờ có Hòa thượng Sumangala là một Đại Sư sáng lập nên hội này, trước đây Ngài tự xuất tiền riêng để mở một trường học rất quy mô, rất vĩ đại. Mặc dầu Ngài tịch đã lâu, mà trường Phật học vẫn tiến. Trường Phật học này hiện thời có tới 800 học sinh cả Tăng lẫn cư sĩ đủ cả ba bậc, Đại, Trung, Tiểu học, trong trường có cả học sinh Tăng Ấn Độ, Trung Hoa và Diến Điện. Sự ăn ở của học sinh chia làm hai hạng. Hạng ngoại trú, ở ngoài đến buổi vào học, hạng này không phải trả một khoản tiền gì cho Hội cả. Hai là hạng nội trú, ăn ở luôn trong trường, tuy không phải trả tiền học nhưng phải trả tiền lương ăn.

Giáo sư toàn là chư Tăng có tới 20 vị để đủ dạy cho các lớp. Tiền chi vào việc cung cấp giáo sư và tạp chí mỗi năm hết một vạn rroupies tức là linh bốn vạn bạc Đông Dương, được chính phủ Tích Lan trợ cấp mỗi năm 4000 rroupies, còn thì công quỹ của hội chịu; học sinh Tăng về hạng nội trú, tuy nói là phải chịu tiền ăn, nhưng thực ra ít khi phải đóng tiền vì các nhà thiện tín đã cắt lượt nhau làm cơm đem đến tại trường cúng.

3./ CƠ QUAN THANH NIÊN PHẬT TỬ. - Hội Đại Bồ Đề Tích Lan có cơ quan đào tạo thanh niên Phật tử to tát lắm. Mục đích chính là để đào tạo cho các thanh niên nam nữ, có những đức tính thuần túy để sống với cuộc đời có giá trị cho con người. Chương trình huấn luyện trong cơ quan thanh niên Phật tử này có đủ các môn học về Trí, Đức, và Thể dục. Hiện trong đó đã có 1500 thanh niên trí thức.

4./ CƠ QUAN CẤP DƯỠNG CÔ ĐỘC. – Hội Đại Bồ Đề Tích Lan đã có tới 3 cơ quan nuôi trẻ mồ côi và ông bà già cả nghèo khổ, không có con cháu, hoặc con cháu nghèo quá. Cả ba cơ quan này đều do bà RAJA HEWA đứng giám đốc.

Các ông bà kém phúc đức được cấp dưỡng trong các cơ quan này, chẳng những chu đáo về ăn ở, mà còn được có những phương tiện để an ủi về tâm hồn nữa. Tôi thấy đầu giường của mỗi bà già đều có lọ cắm hoa, nếu hôm nào không có người cho hoa, các bà ấy sẽ bẻ các cành lá đem vào cắm để niệm Phật. Ôi ! con người ta đã bị suốt đời cặm cụi, gian lao, từ thửa trắng răng đến bạc đầu, để đóng góp với gia đình, với xã hội, thực là trăm cay, nghìn đắng mà chỉ vì kém phúc đức nhân duyên, hoá nên không con không cháu, lại không cửa, không nhà, với cảnh ngộ nghèo cùng, khôn khó, mặc dầu đã hân hạnh có nơi nương tựa. Cơ quan của những tấm lòng thương nòi giống lập ra cho được ấm no về thể xác, nhưng cái ưu phiền vô vô cô đơn ở tâm hồn người ta nó dày vò, nó cắn rứt, cố nhiên phải có phương pháp chăn nuôi về tâm hồn mới có thể yên ủi được phần nào chăng?

Tôi thấy bà giám đốc nuôi các ông bà già quan quã của hội Phật giáo Tích Lan này thực đã đi sâu vào đến tâm lý của hạng người kém phúc kẻ trên.

5./ CỞ QUAN NHÀ THƯƠNG. – Năm 1912, Hòa thượng DHARMAPALA tự bỏ tiền riêng ra lập cho Hội Bồ Đề Tích Lan một bệnh viện, nhằm vào mục đích bảo tồn nền y học của Tích Lan. Hòa thượng sáng lập bệnh viện này, có để lại cho Hội một số tiền là 6 vạn roupies để luân lưu sinh tức mà chi dùng cho các khoản chi phí của nhà thương này. Mỗi tháng phải trả tiền lương y sĩ và mua thuốc v.v... hết số tiền dưới 500 roupies.

Nhà y sĩ nổi danh là ANVEDU, mỗi ngày ông tự đến nhà thương thăm bệnh nhân không lấy tiền. Các bệnh nhân ở nhà thương và ở ngoài đến xin thuốc, không phải trả một khoản tiền gì.

6./ TRƯỜNG BẢO TRỢ GIÁO DỤC Ở TRONG TỈNH COLOMBO. – Đây là một trường thành lập trước nhất; hiện thời là một trường dạy học không lấy tiền, to nhất và kiểu mẫu nhất ở Colombo.

Trường học Rajadiriga. – Trường này do ông MUDLIJAR DONGARALISH MAREITARAC, tức là ông thân sinh ra Hòa thượng DHARMAPOLA sáng lập từ năm 1898. Hiện thời do ông RAJAHEWA đứng giám đốc. Trường này hiện thời có tới 1200 học sinh nam nữ, có đủ từ lớp mẫu giáo cho đến trung học. Tất cả có tới 32 giáo sư do chính phủ Tích Lan trả lương. Tiếng Tích Lan là tiếng chính trong việc giảng dạy, còn tiếng Anh chỉ là tiếng phụ. Nhưng học sinh từ 8 tuổi đã phải học Anh văn, vì tiếng Anh ngày nay ở các cơ quan hành chánh còn dùng. Học trò đến 16 tuổi, phải qua một kỳ thi lên lớp Cao đẳng.

Còn có nhiều các lớp học chuyên nghiệp cho các trò nghèo. Học trò trai học nghề đập nặn, nghề mộc, nghề gò, nghề vẽ v.v...; trò gái học nghề thêu, dệt, đan, khâu...

Đã có nhiều học trò nam, nữ làm ra được các đồ rất tinh xảo, giao sang Đại lý công phát hành lấy tiền ăn học.

Mỗi buổi sáng học trò đều phải đọc 5 điều giới của Phật, trước khi khai học.

7./ THUYỀN LỮ VIỆN. – Hội Đại Bồ Đề Tích Lan hiện đang làm một viện thuyền lữ, mục đích để cho các Phật tử Tích Lan ở xa lại và các Phật tử thế giới khi tới Tích Lan du lịch sẽ được vào viện này ăn ở. Viện này làm 6 tháng nữa thì được hoàn thành. Số tiền kiến trúc viện này theo lời ông Phó Hội trưởng sẽ hết tới 30 triệu roupies tức là linh 120 triệu bạc Đông Dương, tòa nhà này làm xong có thể hết đến số tiền ấy thực; tôi đã đi xem hết lượt, thấy có nhiều buồng, mỗi buồng đều có đủ chỗ cho bốn người ở và có đủ các nơi tắm gội, xuất xử, có cả bếp nấu riêng.

Ông phó Hội trưởng có nói với tôi một câu rất thân mật rằng: *“Vị thượng khách đến viện thuyền lữ này trước nhất là Phái đoàn Phật giáo Việt Nam, nên bản Hội sẽ xin dành riêng một phòng lấy tên là “PHÒNG VIỆT NAM”.*

Xem tinh thần kiến trúc viện thuyền lữ này, đủ thấy Hội Đại Bồ Đề Tích Lan quý trọng Phật tử thế giới đến nhường nào.

Tôi tin rằng Hội Đại Bồ Đề Tích Lan có thể làm cho Phật giáo bành trướng được.

8./ TỔ CHỨC LẠI CƠ QUAN TRUYỀN BÁ PHẬT GIÁO Ở THỦ ĐÔ ANH. – Hôm mùng 8 tháng 6 dương lịch, Hội Đại Bồ Đề Tích Lan, mời các đại biểu Phật giáo của cả 26 nước hội họp tại trụ sở riêng.

Hòa thượng D.V.P.VAJIRANANATHERO, Hội trưởng tường trình rằng: *“Trước đây Hội Đại Bồ Đề Tích Lan chúng tôi, có lập một cơ quan truyền bá Phật giáo ở Thủ đô nước Anh, sau vì chiến tranh phải đình trệ hết mọi công việc. Nay xin các Đại biểu Phật giáo thế giới giúp đỡ thực tế để tổ chức lại cơ quan đó”.*

Một số Đại biểu Phật giáo thế giới cố nhiên phải có tôi được mời làm ủy viên trong ban tổ chức lại cơ quan truyền bá Phật giáo ở Luân Đôn, do ông phó Hội trưởng Hội Đại Bồ Đề Tích Lan đứng điều khiển các công việc này. Có vài nhân viên của một Phái đoàn khác còn có óc riêng rẽ, nên mới thốt ra câu hỏi tôi về vấn đề này: “Sao chúng ta lại phải giúp cho Hội Đại Bồ Đề Tích Lan bành trướng Phật giáo ở Anh?”

Tôi trả lời: “Đức Phật truyền lại cái nền tảng từ bi, bình đẳng, phận sự của các Phật tử phải lo tính làm sao cho nhân loại xây được lâu đài hòa bình hạnh phúc trên nền tảng đó.

Nay các Phật tử thế giới cùng chung đức lực lượng để giúp Hội Đại Bồ Đề Tích Lan bành trướng cơ quan truyền bá Phật giáo ở Luân Đôn thế là các Phật tử thế giới đã tiến tới con đường “Vô ngã sở” của Đức Từ phụ. Chúng ta đã biểu lộ được tinh thần đoàn kết, không còn chia rẽ giống nòi để di hại về hậu họa cho giữa các dân tộc cũng như giữa nhân loại. Có thể họa may sau này mới hướng dẫn nhân loại cùng hòa giải với tình hữu nghị thân mật được. Đến như Phật tử ở nước nào phải làm việc Phật cho lợi lạc dân tộc ấy, thế cũng là theo Phật dạy “báo ân địa”, nghĩa là đền ơn đất nước mình đang nương nhờ để sinh sống mà tu hành.

Nhưng nếu chỉ biết có một phận sự ấy, cố nhiên còn bị giam hãm trong tình thức nhân ngã, trái hẳn với tôn chỉ từ bi quảng đại.

Nói tóm lại, nếu các bậc Tổ sư ngàn xưa, vị nào cũng khư khư giữ quan niệm riêng rẽ ở đâu biết đấy, thì xir sở của chúng ta ngày nay đã làm gì có Phật giáo?”



19. – KẾT QUẢ VÀ TÌNH HÌNH TỔNG QUÁT CỦA HỘI NGHỊ PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

Hội nghị Phật giáo thế giới họp tại Colombo kinh đô xứ Tích Lan từ ngày 25/5/1950 đến ngày mùng 8/6/1950 thì bế mạc.

Hội nghị này có Đại biểu Phật giáo của 26 nước trên toàn cầu dự, do Tổng Hội nghị Phật giáo Tích Lan chiêu tập. Ấy là một cuộc họp mặt đầu tiên của Phật tử thế giới trong lịch sử Phật giáo hiện tại.

Mục đích của cuộc Hội nghị:

Theo lời mời của Ủy ban chiêu tập thì cuộc Hội nghị này có mục đích.

a) Các Hội, các tổ chức Phật giáo các nước gặp nhau để trao đổi tin tức về phong trào Phật giáo trên thế giới.

b) Đi đến một tổ chức Phật giáo thế giới có mục đích thống nhất các lực lượng Phật giáo trên hoàn cầu.

c) Tìm những phương tiện thiết thực để giúp các Phật tử thế giới, giải quyết những vấn đề quan hệ đến nhân sinh.

d) Để các đại biểu Phật giáo có dịp đi chiêm ngưỡng Xá Lợi Đức Phật THÍCH CA tại tỉnh Kandy và Gandesepura tại Tích Lan là những nơi đã nổi tiếng trên hoàn cầu. Vì thế trong chương trình do ban tổ chức thảo ra có các cuộc đi chiêm bái Phật tích.

SỰ ĐÓN TIẾP. - Ủy ban chiêu tập Hội nghị, nhận nhiệm vụ xếp đặt chỗ ăn ở cho các Đại biểu thế giới tại Colombo và các nơi khác ở thủ đô Tích Lan, cả đến các nơi cư trú cho các Phái đoàn Phật giáo ngoại quốc đến chiêm bái. Trong suốt thời kỳ hội nghị họp tại Colombo mỗi phái đoàn được trú ở một gia đình Phật giáo Tích Lan. Các đại biểu Tăng trú ở các

chùa riêng. Phái đoàn Phật giáo Việt Nam vì không hiểu tiếng Anh, cần phải có ông PHẠM CHỮ là nhân viên Bộ Ngoại Giao đi với tôi về nhiệm vụ thông ngôn ở chung cho tôi tiện việc giao thiệp. Vì thế ban tổ chức để Phái đoàn Phật giáo Việt Nam cùng trú ở nhà ông RAJAHEWA là Bộ trưởng Bộ Thương Mại trong chính phủ Tích Lan, lại là phó Hội Đại Bồ Đề Tích Lan.

May tôi ở nhà này nên đã khảo sát được nhiều công việc Phật của Hội Maha Bồ Đề Tích Lan, nhất là dây liên lạc giữa Hội ta và Hội Maha Bồ Đề Tích Lan đã được thắt chặt.

Có thể nói sự đón tiếp các Đại biểu Phật giáo ngoại quốc của ban chiêu tập thật là chu đáo, lòng quý khách của dân Tích Lan đã nổi tiếng từ xưa, nay chúng tôi đã được trông thấy tận nơi. Từ Thủ tướng Tích Lan cho đến người dân nghèo, ai ai cũng tỏ ra tấm tình nồng hậu đối với các Đại biểu Phật giáo. Những ngày các Phái đoàn đi chiêm bái các nơi ở hai tỉnh đường xa có tới 600 cây số một lượt thế mà trên dọc đường nhiều nơi căng không biết bao nhiêu biểu ngữ với rợp đường những Quốc kỳ Tích Lan và cờ hiệu Phật giáo màu ngũ sắc. Tình hình hoan nghênh Hội Phật giáo thế giới này và hết sức giúp đỡ các Đại biểu về mọi phương diện.

Buổi lễ tuyên thệ

Trước ngày khai mạc Hội nghị Phật giáo thế giới, có một lễ tuyên thệ ở ngôi chùa “PHẬT SĨ” tức chùa thờ Răng của Đức Phật Thích Ca. Chùa này cách với Colombo 150 cây số, sáng sớm ngày 25, tất cả các Phái đoàn Phật giáo với hàng vạn giáo hữu đi ô tô từ Colombo đến cùng với chư Tăng, thiện tín toàn tỉnh Kandy cử hành lễ tuyên thệ. Bằng một quyết nghị đọc trước Tam bảo, kể đến các Trưởng phái đoàn ai nấy đều phải có mấy điều phát nguyện riêng, cùng đọc trước Tam bảo và giữa đại chúng.



Buổi khai mạc đầu tiên 5 giờ 26 phút, tại trụ sở cộng đồng to nhất của thủ đô Tích Lan được cử lễ khai mạc, thủ tướng Tích Lan chủ tọa, Ngài thân đọc diễn văn đón chào các Đại biểu Phật giáo thế giới.

Tuy rằng thế, Chính phủ Tích Lan hết sức tránh sự can thiệp vào công việc chính của cuộc hội nghị này, không bao giờ thấy có một Đại biểu ở trong các cuộc bàn cãi. Xem thế đủ biết từ Chính phủ cho đến dân Tích Lan đều có cảm tình tốt đẹp đối với các nước có Phật giáo rất sâu xa.

26 đoàn Đại biểu của các nước có Phật giáo cử đến dự Hội nghị này, thêm vào số Đại biểu chính thức, còn có các Đại biểu bán chính thức, phần nhiều là các nhà vì hăm mộ Phật giáo tự xuất tiền đến dự.

Tuy vậy trong các việc tranh luận, chỉ có các Đại biểu chính thức mới có thẩm quyền. Các Phái đoàn Phật giáo đi dự Hội nghị này, mỗi đoàn trung bình từ 6 đến 8 người. Phái đoàn Phật giáo Việt Nam ít nhất, vì chỉ có 3 người.

Riêng các nước mà Phật giáo được tôn làm quốc giáo như Xiêm La, Diên Điện, Tích Lan, Bhutan, Tây Tạng, họ rất chú ý đến cuộc hội nghị Phật giáo thế giới này, cử nhiều nhân tài đến dự. Cầm đầu Phái đoàn Phật giáo Diên Điện là một nhà luật học trứ danh, đã dự một phần quan trọng về việc thảo hiến pháp Diên Điện. Cầm đầu Phái đoàn Phật giáo Xiêm La là một Bộ trưởng Thương Mại, Hoàng gia Xiêm còn cử thêm một Công chúa đến thay mặt.

Đại biểu Xiêm La, Tích Lan, Diên Điện đoàn kết thành một khối, được coi như có lực lượng hơn hết ở hội nghị. Phái đoàn Phật giáo ở các nước Âu châu hầu như bị yếu thế trong các cuộc bàn cãi.

Một điều nữa cần nhắc đến, sáng 27 bắt đầu khai mạc Hội nghị chính thức tại trụ sở Thanh niên Phật giáo. Ban tổ chức tự cử lấy Chủ tịch, Thư ký buổi họp chứ không do Hội nghị cử, mà Hội nghị cũng yên lặng không ai phản đối. Không

những thế, các Đại biểu cứ thi nhau tường trình về tình hình Phật giáo của xứ sở mình cho công chúng biết. Kỳ thực có ai được cử ra để phán đoán các tờ trình ấy đâu? Phái đoàn Phật giáo Việt Nam thấy Hội nghị thiếu tổ chức, đã hai lần sẽ lời yêu cầu ban tổ chức sửa lại chương trình nghị sự, nhưng không công hiệu. Ban tổ chức có cho tôi biết rằng: “*Phần nhiều các Phái đoàn muốn nói cả*”. Ban tổ chức cũng có vài lần mời Phái đoàn Việt Nam tường trình. Tôi trả lời: *Chủ tịch Hội nghị không do chúng tôi công cử ra thì chúng tôi tường trình với ai? Và lại có một trăm đại biểu đến dự mà mỗi Đại biểu tường trình hết độ một giờ thì còn thời gian đâu mà bàn cãi vào mục đích chính. Chúng tôi đã phải cùng các đại biểu phát thệ trước đấng Từ bi cao cả để phụng sự tôn chỉ, để lập Hội Phật giáo thế giới. Huống hồ còn một vấn đề quan trọng nữa, là những phương tiện thực tế để giúp đỡ cho các Phật tử thế giới và để giải quyết vấn đề quan hệ của nhân sinh, nó là một điều then chốt của các cuộc Hội nghị này. Chúng tôi từ mấy ngàn dặm đến đây để chơi ư? Dân Việt Nam chúng tôi đang lâm than đau khổ, chúng tôi không được phép đi chơi, thật ra lòng vì Phật giáo thế giới của ban chiêu tập các Ngài quý báu không kể xiết được, chỉ vì thiếu kinh nghiệm nên các Ngài đã vô tình đưa Hội nghị đi vào con đường úng tắc, không có tổ chức. Đáng lẽ ra, trước khi khai mạc Hội nghị lần đầu tiên, ban tổ chức các Ngài sẽ tuyên bố chỉ giữ thường vụ để ứng tiếp các Phái đoàn, các Phật tử, còn phải để Đại hội nghị cử lấy Chủ tịch, Thư ký ra điều khiển, sẽ cùng định chương trình nghị sự. Kể đến bầu các tiểu ban chuyên môn để nghiên cứu các vấn đề rồi mới đến các Phái đoàn tường trình xong thì các tiểu ban nghiên cứu cũng xong, sẽ đem ra Đại hội nghị bàn cãi để duyệt ý. Đằng này ban tổ chức các Ngài không thế, các Ngài tự cử người ra điều khiển Hội nghị, để các Trưởng phái đoàn trình bày đã đến hai ngày rồi mà tường trình chưa hết, các tiểu ban chưa bầu. Ngày mai 28/5 chủ*

nhật nghị, lại kế luôn đến bốn ngày đi chiêm bái, khi về còn hai ngày nữa, sao kịp?

Các báo Tích Lan đem câu hỏi tôi nói đó công bố, thành ra dư luận sôi nổi. Lại được thêm các Đại biểu Hội Đại Bồ Đề Ấn Độ, Anh, Mỹ, Pháp, Tích Lan ủng hộ nhiệt liệt, ban tổ chức và cả hội nghị đều đổi thái độ, về cuối buổi họp chiều là bầu luôn 5 tiểu ban, Đại hội nghị còn vừa đi chiêm bái vừa hiệp nhau từng ban một nghiên cứu sẵn sàng, để đem về Hội nghị bàn cãi và duyệt y. Năm tiểu bang nghiên cứu được thành lập:

1/ Tiểu ban dự thảo Hiến chương và Điều lệ Hội Phật giáo thế giới.

2/ Tiểu ban “Thống nhất” và “Đoàn kết” có nhiệm vụ nghiên cứu những phương pháp để thực hiện sự đoàn kết giữa các Phật tử thế giới.

3/ Tiểu ban báo chí tuyên truyền có nhiệm vụ nghiên cứu những phương pháp tuyên truyền đạo Phật.

4/ Tiểu ban “Xã hội” có nhiệm vụ nghiên cứu về Phật giáo tham dự các công việc xã hội.

5/ Tiểu ban “Truyền giáo” nghiên cứu cách tổ chức các Phật tử thế giới đi truyền bá đạo Phật trên khắp hoàn cầu.

Tiểu ban thảo Hiến chương cho Hội Phật giáo thế giới.

Tiểu ban này do vị Trưởng Phái đoàn Phật Giáo Diến Điện làm chủ tịch cùng với Phái đoàn Phật giáo Việt Nam, Ông PHẠM CHỮ được tôi ủy nhiệm với các điều đại cương về “Nguyên tắc” và “Hệ thống” tôi đã thảo sẵn để đem ra cùng ban này khởi thảo Hiến chương. Hiến chương thảo xong, đem ra trình Hội nghị bàn cãi và sửa đổi trong ba buổi họp.

Nhưng những điều chính trong Hiến chương do tiểu ban thảo ra đã được toàn thể Hội nghị duyệt y.



Phái đoàn Phật giáo Việt Nam có thể tự hào rằng: Đã đứng đầu phản đối Ban tổ chức lần Hội nghị đi sai nguyên tắc, trái lại vẫn được Hội nghị mời vào dự ban thảo Hiến chương và Điều lệ, tức là dự một phần quan trọng trong việc thảo Hiến chương này. Còn các ban dự thảo của bốn tiểu ban kể trên cũng được đưa ra bàn cãi và duyệt y. Khi in xong đều gửi đến các nước có Đại biểu đến họp.

Việc bầu Đại biểu Phật giáo thế giới.

Theo như trong Hiến chương, một đại Hội đồng Phật giáo thế giới trong đó mỗi nước có một Đại biểu, sẽ có quyền tối cao trong các công việc của Hội Phật giáo thế giới ủy nhiệm thi hành trong Phật giáo xứ sở mình và Đại Hội đồng bầu ngay một Chủ tịch, một Tổng thư ký, năm Phó thư ký và một Thủ quỹ, để bắt tay vào làm việc Hội Phật giáo thế giới ở ngay nơi thành lập.

Đây là một đề nghị riêng của tôi về việc đặt trụ sở và bầu ban Tổng Trị Sự với cử Đại biểu .

ĐẶT TRỤ SỞ. – Vì xứ Tích Lan có một bầu không khí quang đấng, êm đềm rất thuận tiện cho Phật giáo thế giới, vì Phật giáo chính thức làm quốc giáo của Tích Lan. Vậy thì trụ sở của Hội Phật Giáo Thế Giới tạm thời hãy đặt ở Tích Lan.

BẦU BAN TỔNG TRỊ SỰ. – Vì các Phật tử Tích Lan đã có công lớn trong việc chiêu tập hội nghị Phật giáo thế giới, vậy thì ba chức quan trọng như Chủ tịch, Tổng thư ký và Thủ quỹ, khoá đầu đều phải để người Tích Lan đảm nhận, có thể mới liên lạc mật thiết được với nhau trong mọi công việc.

CỬ ĐẠI BIỂU. – Mỗi phái đoàn Phật giáo chính thức được cử đến dự Hội nghị, sẽ cử lấy một vị làm Đại biểu trong Đại Hội đồng Phật giáo thế giới. Sau khi cử xong, sẽ đệ trình danh sách lên ban Tổng trị sự.

Đề nghị này của tôi được phân đồng các Phái đoàn Phật giáo thế giới tán thành và Hội nghị đã áp dụng thi hành. Cho nên đến khi bầu ba nhân vật của Phật giáo Tích Lan làm Chủ

tịch, Tổng thư ký và Thủ quỹ ra đảm nhiệm công việc của Hội Phật giáo thế giới, đều được toàn thể hội nghị hoan hô chuẩn nhận.

Lại còn phải nhắc đến thành phần của Việt, Mên, Lào cử Đại biểu vào dự Đại hội đồng Phật giáo thế giới.

Theo Hiến chương mỗi nước Phật giáo chỉ được cử một Đại biểu vào Đại Hội đồng Phật giáo thế giới. Vì thế mà Hội nghị Phật giáo thế giới họp tại Colombo, Ấn Độ có đến 4 Phái đoàn Trung hoa cũng có 3 Phái đoàn, cũng được cử có một Đại biểu.

Tiểu ban “Thống nhất” đề nghị Việt, Mên, Lào cũng chỉ được có một Đại biểu, để đại diện cho Phật giáo Liên bang Đông Dương. Đề nghị ấy được Đại hội nghị chuẩn y. Hai Phái đoàn Mên, Lào yên lặng.

Phái đoàn Phật giáo Việt Nam do tôi ủy ông PHẠM CHỦ, lên tiếng rằng: Mỗi nước có Phật giáo được cử một Đại biểu là phải. Việt Nam là một nước độc lập, không phải là một nước Liên bang Đông Dương, Phái đoàn Phật giáo Việt Nam theo Hiến chương có quyền cử một Đại biểu đại diện cho Phật giáo Việt Nam vào Đại hội đồng Phật giáo thế giới.

Lời yêu cầu của Việt Nam cũng đã được một số Trưởng Phái đoàn hưởng ứng nhưng vẫn bị thiếu số, những lời bàn đi bàn lại cũng đã sôi nổi, mà vẫn chưa giải quyết xong. Ông PHẠM CHỦ theo ý tôi ra trả lời quyết liệt rằng: Quốc gia Việt Nam đã được độc lập, vậy thì Phật giáo Việt Nam phải được cử riêng một Đại biểu, nếu không được như lời yêu cầu, Phái đoàn chúng tôi xin rút lui, vì rằng 18 triệu dân Việt Nam theo Phật giáo không bao giờ chịu liệt Việt Nam vào Liên bang Đông Dương.

Mấy câu cương quyết đó, đã chuyên được Đại Hội nghị đều tán thành, để Phái đoàn Việt Nam được cử riêng một Đại biểu vào Đại hội đồng Phật giáo thế giới. Tôi nhân danh

Trưởng Phái đoàn Phật giáo Việt Nam ra đảm nhiệm Đại biểu Phật giáo Việt Nam trong Đại hội đồng Phật giáo thế giới.

Nhưng tôi còn ngỡ ý nếu sau này Phật giáo Việt Nam cử được Đại biểu xứng đáng hơn tôi, thì tôi xin nhường, Đại hội nghị chuẩn y.

Những nỗi khó khăn mà Phái đoàn Phật giáo của chúng tôi đã vượt qua.

1./ Hội nghị bàn cãi bằng tiếng Anh, mà tôi không biết một tiếng Anh nào.

2./ Phái đoàn ít người quá, ngoài ông PHẠM CHỮ ra, trong phái đoàn không còn ai giúp tôi.

3./ Phải thảo Hiến chương và Điều lệ cho tổ chức Phật giáo thế giới mà qua không có sẵn một tài liệu nào cả.

4./ Phải đối phó với nhiều vấn đề gây go như bị liệt vào liên bang Đông Dương.

5./ Đưa Hội nghị ra khỏi con đường úng tắc.

Những phương châm giải thoát các nỗi khó khăn.

1./ Tôi đã đặt đường gây thiện cảm sang Tích Lan, từ ngót một tháng trước bằng cách nhờ ông Thư ký Hội Đại Bồ Đề Ấn gửi bản đề nghị với Phật giáo thế giới cho ban tổ chức xem trước và có kèm cả thư của Hội Đại Bồ Đề Ấn Độ giới thiệu với các cơ quan Phật giáo Tích Lan nữa. Vì thế cho nên khi chúng tôi đến Tích Lan, được ưu đãi đặc biệt, và khi phản đối ban tổ chức mà ban tổ chức vẫn thân mật.

2./ Ý hiệp tâm đầu với nhiều Đại biểu, nhưng mật thiết nhất là Phái đoàn Hội Đại Bồ Đề Ấn Độ, Hội Đại Bồ Đề Tích Lan, Phái đoàn Pháp và Diến Điện.

3./ Tôi còn nhờ có chút kinh nghiệm, nên giữ vững được lập trường chắc chắn, cũng như thái độ cương quyết.

4./ Ông PHẠM CHỮ là thông ngôn của phái đoàn, mặc dầu còn ít tuổi, nhưng ông đã tỏ ra rất thông thạo tiếng Anh, lại linh hoạt về ngoại giao, nên gây được nhiều cảm tình với

người ngoại quốc, nhất là ông lại tâm đầu ý hiệp với tôi trong nhiều công việc.

5./ Được ông RAJAHEWAVITARNE là Phó Hội Bồ Đề Tích Lan làm cố vấn cho tôi, nhất là lại được bà RAJAHEWAVITARNE hết sức săn sóc đến sự ăn uống của tôi để giữ sức khỏe.

Hội nghị đã vượt qua những nỗi khó khăn và sau lại đạt được những kết quả là vì:

a) Bên ngoài có báo chí Tích Lan đem các lời phản đối Hội nghị của Phái đoàn Việt Nam và Hawaii gây dư luận.

b) Bên trong ban tổ chức cũng như các Phái đoàn đọc báo biết dư luận không hay, liền thay đổi thái độ. Lại có thêm lực lượng của Phái đoàn Ấn Độ, Tích Lan, Anh, Mỹ, Pháp đề nghị, Phái đoàn Việt Nam lại lên tiếng yêu cầu đổi chương trình hội họp.

c) Trưởng Phái đoàn Diên Điện với tôi, tuy không bàn định gì với nhau trước, nhưng vì đều quan tâm về vấn đề giải cứu Đại Hội nghị ra khỏi con đường úng tắc sẽ lại tiến đến kết quả, nên hai chúng tôi đều đã thảo sẵn các điều đại cương về Hiến chương và Điều lệ, cho nên đến khi hai chúng tôi với Đại biểu Ấn Độ được cử vào Tiểu ban dự thảo Hiến chương và Điều lệ chỉ phải họp nhau để trao đổi ý kiến có một vài buổi là đã có Hiến chương với đại cương của Điều lệ mang ra cho Đại Hội nghị bàn cãi. Mặc dầu đã có tới ba buổi bàn cãi sửa đổi, nhưng cũng chỉ sửa đổi về chi tiết là được duyệt y; cả đến bốn Tiểu ban khác cũng cố gắng làm việc cả những ngày đi chiêm bái, nên các vấn đề then chốt đều được giải quyết xong cả.

Hội nghị Phật giáo thế giới họp tại Colombo đã thu được những kết quả tốt đẹp:

1./ Các Trưởng Phái đoàn của 26 nước đã cùng nhau làm lễ tuyên thệ với bản quyết nghị đọc trước Tam bảo để cầu

Đức Từ bi chứng minh và biểu dương tinh thần thống nhất với lực lượng đoàn kết.

2./ Đại Hội nghị đã duyệt y bản Hiến chương và các đại cương cho Điều lệ, tức là đã đặt nền móng chắc chắn cho Hội Phật giáo thành lập.

3./ Hội Phật giáo thế giới đã có một ban Tổng Trị Sự với 26 Đại biểu của các nước Phật giáo trên khắp hoàn cầu, đều phải phụng sự chung một tôn chỉ, thực hiện tinh thần Phật giáo trên khắp thế giới, giải quyết vấn đề quan trọng của nhân sinh.

**KÍNH TẶNG THƯỢNG TỌA TÓ LIÊN
TRƯỞNG PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM**

*Quốc tế Cao Tăng hội họp bàn,
Hiển chương Phật giáo để tuyên dương.
Tiếng chuông Đại Việt còn ngân mãi,
Hồi khách SâyLăng vẫn chuyển vang.
Vĩ đạo Từ bi mà tiến phát,
Thì rầy tục lụy phải tiêu tan.
Người đời nếu giác chân như tính,
Cực lạc từng bừng cõi thế gian.*

VŨ PHƯƠNG MINH

*Muốn cứu đời qua bước hiểm sâu,
Thuyền tu, xe pháp, phải đờng đầu;
Nhẹ thân tình giác hồi chuông nguyện,
Thấm vẻ từ bi chiếc áo nâu.
Du lịch bước bay trời bốn cõi,
Tao phùng vai gánh hội năm châu.
Mong sao Quán Sứ đi về tiện.
Mà được thừa nhan hỏi đạo mầu.*

Quần Phương Thượng, Hải Hậu, Nam Định

Ngày 1-1-1951

**Nhàn Vân Đình: TRẦN DUY VŨN
đồn phụng**

Mục Lục

1. – DUYÊN KHỞI	1
2. – TỪ BẮC VÀO NAM ĐỂ VẠCH RÕ NHIỆM VỤ.....	1
3. – TỪ NAM ĐẾN ÁN ĐỘ.....	1
4. – HỘI PHẬT GIÁO ÁN ĐỘ ĐỐI VỚI PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM.....	1
5. – CHIÊM BÁI XÁ LỢI HAI VỊ THÁNH TĂNG.....	1
6. – NGÀI THỦ HIẾN BENGALÊ HỎI VỀ PHẬT GIÁO VÀ CHÍNH TRỊ VIỆT NAM.....	1
7. – CƯ SĨ BARUA CHO BIẾT VỀ TÌNH HÌNH PHẬT GIÁO ÁN ĐỘ.....	3
8. – MỘT VỊ ĐẠI ĐỨC HỎI VỀ PHẬT GIÁO VIỆT NAM	6
9. – CHIÊM BÁI BỒ ĐỀ TRÀNG	11
10. – CHIÊM BÁI LỘC UYÊN.....	20
11. – CHIÊM BÁI SONG LÂM.....	30
12. – CHIÊM BÁI THỨU LĨNH.....	36
13. – THĂM SUỐI NÓNG.....	42
14. – CẢM TƯỞNG CỦA KÝ GIẢ ĐỐI VỚI CÁC NƠI PHẬT TÍCH	44
14. – CẢM TƯỞNG CỦA KÝ GIẢ ĐỐI VỚI CÁC NƠI PHẬT TÍCH	45
15. – DIỄN GIẢNG TẠI CHÙA HỘI PHẬT GIÁO ĐẠI BỒ ĐỀ.	48
16. – CUỘC GẶP GỠ NHÀ TRƯỞNG GIẢ BIRLA.	57
17. – PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM YẾT KIẾN BÁC SỸ ‘PRASAD’ TỔNG THỐNG ÁN ĐỘ	63
1. – DỰ HỘI NGHỊ PHẬT GIÁO THẾ GIỚI.....	3
2. – NỀN NẾP CỦA MỘT GIA ĐÌNH PHẬT GIÁO	5
3. – LÒNG YÊU QUÝ KHÁCH NGOẠI QUỐC CỦA ÔNG K-T WIMALASEKERA.....	7

4. – LỄ TUYÊN THỆ THÀNH LẬP HỘI PHẬT GIÁO THẾ GIỚI (25-05-1950)	9
5. – BẢN TUYÊN THỆ	11
6. – QUANG CẢNH BUỔI LỄ KHAI MẠC HỘI NGHỊ PHẬT GIÁO THẾ GIỚI	15
7. – LỜI TUYÊN BỐ VÀ DIỄN VĂN CỦA KÝ GIẢ	19
8. – KẾ LƯỢC QUA SỰ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO	26
9. – KÈ RIÊNG BIỆT VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA PHÁI ĐOÀN PHẬT GIÁO VIỆT NAM.....	36
10. – THANH NIÊN PHẬT GIÁO TÍCH LAN CÚNG TRAI.....	41
11. – HAI CHA CON ÔNG GIÀ CÙNG QUỲ TỤNG KINH BÊN CÁI Ô TÔ BỆP	46
12. – TINH THẦN TRỌNG TẶNG CỦA DÂN PHỐ NIVENAKA	48
13. – CON PHẬT UỐNG NƯỚC, PHẬT SẼ TRẢ TIỀN.....	49
14. – NGƯỜI CẢNH BINH CÓ LÒNG	51
15. – TỈNH GANDESEPURA VỚI PHẬT GIÁO TÍCH LAN	53
15. – TỈNH GANDESEPURA VỚI PHẬT GIÁO TÍCH LAN	54
16. – MỘT TỔ CHỨC GIÚP KHÁNH HÀNH HƯƠNG CÓ ĐẦY Ý NGHĨA CỦA NHÂN DÂN TÍCH LAN	63
16. – MỘT TỔ CHỨC GIÚP KHÁNH HÀNH HƯƠNG CÓ ĐẦY Ý NGHĨA CỦA NHÂN DÂN TÍCH LAN	64
17. – ĐI CHIÊM BÁI CHÙA RĂNG PHẬT	67
18. – TINH THẦN HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐẠI BỒ ĐỀ TÍCH LAN.	71
19. – KẾT QUẢ VÀ TÌNH HÌNH TỔNG QUÁT CỦA HỘI NGHỊ PHẬT GIÁO THẾ GIỚI	77